

CẢNH
TAY
NỖ
DÀI

DOÃN QUỐC SỸ . CÁNH TAY NỔI DÀI
tập truyện

SÁNG TẠO

xuất bản năm 1966

tái bản năm 2018

nhập liệu DOÃN LIÊN

bìa & trình bày NGUDIHI

website: doanquocsy.com

GIA ĐÌNH TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

ALL RIGHTS RESERVED

CẢNH
TAY
NỖ
DÀI
tập truyện

ĐOÀN QUỐC SỸ
SÁNG TẠO

MỤC LỤC

cánh tay nối dài	. trang 1
con chuột chù	. trang 31
tự do linh hồn	. trang 45
tiếng chuông chùa làng	. trang 81
ở tuổi tám mươi	. trang 107

CÁNH TAY NỐI DÀI

Mấy năm dưới trung học tôi theo cùng lớp, ngồi cùng bàn với Tiến tại một tư thực lớn Hà Nội. Đã có lần tôi về nhà anh chơi, nhà anh ở ngoại vi châu thành, phải đi quá Ô Cầu Rền để thường đến hai cây số nữa. Gia đình anh thanh bạch, có cối xay, cối giã và khung cửi. Trong khi bà mẹ góa dệt cửi dưới nhà ngang, anh đánh đàn thập lục cho tôi nghe. Đàn thập lục mà lại đánh những bài cổ điển Tây phương nghe chắt phác ngộ nghe đến tức cười, chắt phác ngộ nghe như chính Tiến vậy.

Rồi tôi xuống nhà ngang xem dệt cửi. Qua câu chuyện với bà cụ, tôi được biết cụ chỉ ao ước anh qua được Tú tài lên bậc sinh viên.

Tôi nhớ dạo đó âm hưởng hai chữ “sinh viên” gợi lên một cái gì rất là... thần tượng. Tôi biết chính Tiến cũng tha thiết ung đạt tới đích đó lắm. Có lần tôi cùng anh đạp xe xuống Bạch Mai rồi theo anh rẽ vào khu Đông Dương Học xá. Anh ngẩng nhìn những dãy nhà bốn tầng mái cong kiểu Đông phương bằng con mắt thèm muốn đến như ngây như dại. Anh nói cho tôi biết mỗi sinh viên được ở một phòng tầng dưới có phòng tiếp khách chung.

Vừa lúc đó từ một phòng khách có tiếng dương cầm văng ra, đúng bản hôm nọ Tiến chơi trên đàn thập lục.

Anh nói thêm cho tôi biết tại mỗi phòng tiếp khác ở tầng dưới của mỗi căn nhà có một chiếc dương cầm như vậy.

Một thiếu nữ đẹp, còn cặp tóc, tay cầm nón e lệ bước lên bậc đi vào phòng khách. Tiếng dương cầm bên trong bỗng thánh thót như điểm theo nhịp “gót sen vàng”.

Tiến ghé vào tai tôi nói thầm: “Chắc lại một nữ sinh Đồng Khánh đến thăm người yêu.”

Khi tôi quay lại nhìn Tiến, tôi thấy khuôn mặt anh thờ thẩn hẳn đi. Tôi biết không phải chỉ riêng thờ thẩn vì sắc đẹp dịu dàng kia, mà thờ thẩn vì cả hình ảnh thần tượng của cuộc đời sinh viên. Tôi hiểu ý nghĩ anh lắm. Là sinh viên là cả một khối hy vọng mát như gió sớm mùa hè, lãng mạn như trăng vàng nước biếc mua thu. Các nữ sinh Đồng Khánh đẹp đài các, đẹp “thâm nghiêm kín cổng cao tường”, nữ sinh Đồng Khánh là mộng của đời, mà sinh viên lại là mộng của nữ sinh Đồng Khánh. Sinh viên là một kho tàng lộng lẫy, là cả một kết vàng bạc chưa tiêu vào việc gì, nên mua gì cũng được, và vì vậy người ta có cảm tưởng như có khả năng mua được cả thế giới.

Khi Tiến đạp xe tới đầu một căn học xá anh bỗng “phanh” xe lại. Tôi nhìn theo anh. Qua cửa sổ phòng ăn, chúng tôi thấy những người hầu bàn bận đồ trắng sạch sẽ dương sửa soạn bàn ăn. Từng bàn có khăn trải trắng tinh, những bát mẫu men sứ Giang Tây để các sinh viên dùng cơm được úp một cách trịnh trọng trên một chiếc đĩa cũng thuộc loại sứ Giang Tây.

Lúc đó trong trí tôi có thoáng ôn lại mâm cơm thường nhật gia đình tôi. Nồi cơm được bắc lên cạnh mâm cơm bằng gỗ hình chữ nhật và có bốn chân ở bốn góc, thức ăn trên mâm thường là một đĩa đậu kho tương, một đĩa rau muống luộc, một đĩa cà, một đĩa muối vừng, một bát chắt yêu nước canh rau luộc. Gia đình tôi đồng anh em

nên thầy tôi thường nói: “Nhà đông con, của không ngon cũng hết.” Quả có thế!

Gia đình Tiến chỉ có anh và bà mẹ, tuy ít người nhưng mâm cơm chắc cũng chẳng hơn gì mâm cơm nhà tôi. Đâu có quý phái, trịnh trọng ngồi ăn bàn, khăn trải trắng tinh, bát mẩu, đĩa sứ, đĩa mun và kẻ hầu người hạ tung bưng như kia (những người bồi bàn đó lộ vẻ kiêu hãnh được hầu hạ sinh viên).

Trên đường về, tôi nhớ Tiến còn thảo luận về sinh viên và anh kết luận: “Ấy cái anh sinh viên trường Thuốc khi đã ra bác sĩ, cái anh sinh viên trường Luật vợ con để huế rồi lại mất thú. Thú nhất chỉ là cái đời sinh viên độc thân ở Đông Dương Đại học xá có ngày đi học, có ngày đợi người yêu (nữ sinh Đồng Khánh hoặc các thiếu nữ con nhà triệu phú ở Hàng Ngang, Hàng Bạc, Hàng Đào).

Cuối năm đó, cay đắng chưa, anh bị mẹ cương quyết bắt lấy vợ. Cụ vẫn một lòng cầu Trời khẩn Phật cho anh sau này học lên đến sinh viên, nhưng vì chỉ có một mẹ góa, một con cô, cụ muốn con độc cháu đàn... Cụ cương quyết, cụ dẫn dắt, cụ khóc... Tiến đành phải nhượng bộ. Anh buồn đến suốt một năm học về chuyện đó. Sau này – hẳn anh nghĩ – lên sinh viên, đến ở Đông Dương Học xá, vợ sờ sờ ra đó ở nhà quê, rồi còn có con nữa chứ, hỏi nữ sinh Đồng Khánh nào thèm mộng đến anh, làm sao mà có được hình ảnh khếp nép của người đẹp tay cầm nón rón rén bước lên bậc vào phòng khách chờ được gặp mặt người yêu là anh?

Còn ba năm nữa mới thi Tú tài phần một mà anh luôn luôn tưởng như mình đã là sinh viên đến nơi rồi. Tuy nhiên không phải là anh không yêu vợ, chúng có chừng hơn mười tháng sau anh đã có đứa con trai đầu lòng, đúng như lời chúc ngày cưới “chưa đầy năm mẹ đã đầy tháng con”. Là bạn học thân, tôi có đi phờ rể nên được biết mặt

chị. Chị là một cô gái quê vào hạng hoa khôi ở làng, mà lại nổi tiếng là đảm đang nữa. Khuôn mặt chị tròn phúc hậu, nước da trắng hồng, miệng cười tươi, rất tươi, răng đen hạt huyền.

Và cũng vào dịp đi phù rể này, tôi có may mắn được quan sát lễ nghi cưới xin cổ truyền. Ở làng tôi cũng thời ấy sao mà những lễ nghi đó chỉ còn là một thứ vang bóng một thời? Nguyên do có lẽ là làng tôi đã ở sát Hà Nội, lại lắm công chức, học sinh, nhà buôn, nên chi làn sóng tân thời tràn tới xóa mờ mọi tập tục cũ; trong đám cưới chú rể nhiều khi mặc *smoking*. Trái lại, làng Tiến xa Hà Nội, xa đường cái lớn, như chiếc đảo nhỏ bỏ quên giữa khoảng mênh mông của cánh đồng chiêm, nên nếp sống còn giữ nguyên sắc thái cổ của dân tộc.

Khi nhà trai tới đón dâu, chú rể Tiến trước hết phải tới nhà thờ đại tôn (trưởng họ) lễ Tổ, tiếp đó đến lễ trước bàn thờ nhà ông Trưởng chi, sau cùng mới về lễ trước bàn thờ nhà cô dâu. Trong khi đó, các cô phù dâu trong buồng đã tằm giúp cô dâu đủ trăm miếng trầu – gọi là trầu trăm. Trầu này mang về nhà trai, đặt lên bàn thờ tế tư hồng, rồi không phải để mời họ hàng mà dành riêng cho cô dâu chú rể ăn dần cho thắm nhân duyên. Trước khi ở nhà gái đi, bố mẹ gọi cô dâu chú rể lại cho tiền lót rương. Ở cô dâu cái gì cũng mới, khăn nhiễu mới, áo tứ thân mới, thắt lưng lượt mới, váy sồi mới và đôi dép cong mới. Đặc biệt áo tứ thân ngày cưới không phải là áo đón thân ngày thường. Áo đón thân là áo mà hai thân phía lưng đều can ngang, phần trên thường cũ và rách trước, khi đó người ta chỉ việc tháo chỉ mà thay vải mới. Áo tứ thân ngày cưới, hai thân sau là hai mảnh vải liền không cắt ngang.

Cuộc rước dâu khởi hành vào đúng giờ hoàng đạo (ngày hôm đó vào khoảng mười một giờ). Họ nhà trai đi trước một quãng đến họ nhà gái. (Cha mẹ không bao giờ đưa con gái về nhà chồng.) Tôi quay lại nhìn cô dâu đang

xa, nón thúng quai thao, đi khép nép giữa mấy cô phù dâu, hai bên đường làng nam phụ lão ấu đổ ra xem, nói cười cười chế giễu một cách thân mật... Cảnh đó cho đến nay vẫn còn hiển hiện trong trí tôi, đẹp như một giấc mơ đẹp hiển hòa.

Khi cô dâu bước qua hỏa lò vào nhà, bà mẹ chồng phải trốn đi – để gia đình giữ mãi hòa khí sau này tránh được cảnh mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu.

Bàn thờ tơ hồng ở giữa trời hướng về Đông Nam. Lúc tế tơ hồng, chú rể lễ ở chiếu trên, cô dâu lễ ở chiếu dưới. Khi Tiến lùi xuống để đi sóng vai với cô dâu, tôi thấy anh có đưa mắt nhìn cái váy sồi của chị rồi khẽ lắc đầu, dường như thứ đó làm anh thất vọng hơn cả. Riêng bà cụ tỏ vẻ hài lòng hoàn toàn (lúc đó đã tế tơ hồng xong, cụ không phải tránh mặt con dâu nữa). Cách cưới theo đúng lễ nghi cổ, cách cô dâu ăn mặc thuần thực theo lối cổ, khiến cụ có cảm tưởng đám cưới của thằng con trai độc nhất của cụ đáng làm gương cho hàng tổng noi theo. Trước mặt đồng đủ hai họ, cụ gọi con dâu đến và cho một số tiền gọi là tiền ra vốn (để cộng thêm với số tiền lót rương).

Trưa mừng Một Tết năm đó, tôi cao hứng đạp xe đến làng Tiến rồi ở lại đến chiều tối mới về. Cũng vào dịp này tôi được dịp ghi nhận thêm nhiều mỹ tục cổ kính tại làng Tiến mà tại làng tôi có lẽ vì gần Hà Nội quá nên đã bị mai một đi từ lâu rồi. Tôi có theo anh đến lễ Tết tại nhà ông bác họ anh, một bậc danh nho đỗ Phó bảng đời Thành Thái; năm đó cụ có vẻ hỉ hả lắm vì đã sang tận quê ngoại làng bên xin được cây tre dài tới hai chục đốt làm cây nêu cao nhất làng; đêm hôm trước – đêm ba mươi Tết – cụ tắm nước rau mùi rồi đích thân rắc vôi bột hình cung tên để bắn trừ ma quỷ, đích thân dán hai tờ giấy hồng điều lấp lánh kim nhũ với hai dòng chữ đối nhau “Tam dương khai thái – Ngũ phúc lâm môn”. Chị Tiến, cô dâu mới, được mẹ chồng quý lắm, đích thân may thêm cho chiếc áo vóc

mới, cắt rất khéo, đối hoa cẩn thận, và đêm giao thừa năm đó – như lời Tiến thuật lại với tôi – chị mặc chiếc áo vóc đó cùng Tiến mang đồ lễ gà, oản ra đình lễ Thành Hoàng rồi hải lộ như nhiều người khác trong làng.

Công, dung, ngôn, hạnh vẹn tuyền, chị Tiến chính là người đàn bà lý tưởng của những thế hệ trước đây còn sót lại, và chị vẫn còn là người đàn bà lý tưởng đương thời nếu Tiến đừng quá nệ vào cách ăn mặc cổ của chị, đừng quá mê mẩn nghĩ đến cuộc đời sinh viên hào nhoáng đầy quyến rũ mai hậu mà anh quyết tâm đạt tới. Nhưng rồi tôi thấy Tiến cứ đều đặn sản xuất... “tí nhau”. Ba năm đôi. Đúng thế, vì năm tôi đậu Tú tài phần thứ nhất (anh trượt) thì anh vừa có hai con (đúng vào năm có cuộc cách mạng tháng Tám 1945). Năm sau – 1946 – tôi đỗ Tú tài phần hai, anh vẫn trượt Tú tài một, thì chị đã có mang cháu thứ ba. Tôi khỏi phải nói ra đây sự thèm thuồng của Tiến đối với địa vị tôi khi đó đã bước vào ngưỡng cửa đời sống sinh viên, đời sống lý tưởng mà anh hằng ấp ủ mơ ước bao năm nay. Nhưng tôi phải nói rõ tính tình Tiến vốn thật thà trung hậu, nên sự thèm thuồng của anh cũng chỉ tác động với riêng anh thôi và không hề biểu lộ thành thái độ ghen ghét.

Thấy tôi đã ghi tên học Thuốc mà vẫn chưa làm đơn xin buông ở Đông Dương Học xá, anh cau mày trợn tròn mắt ngạc nhiên hỏi như gắt:

- Trời ơi, sao cậu lại chưa xin vào ở Đông Dương Học xá là thế nào?

Tôi đáp:

- Thôi, nhà tôi cũng ở gần Hà Nội, sau buổi học về gặp mẹ gặp các em, vui không khí gia đình cũng có cái thú đặc biệt.

Tiến chặc lưỡi phản đối:

- Thí dụ cậu không ở thường xuyên tại đó, cậu vẫn nên chiếm một phòng, buổi trưa cậu có thể về đây nghỉ và học cho tỉnh.

Tôi mỉm cười:

- Và nhớ có muốn hò hẹn với một cô Đồng Khánh nào...

Tiến cười thông cảm. Mấy hôm sau, anh thúc tôi đi chụp ảnh, thúc tôi làm mọi giấy tờ cần thiết để xin bằng Đông Dương Học xá. Nhưng tôi không được ở Đông Dương Học xá một ngày nào để anh hả lòng vì sau đó kháng chiến bùng nổ.

Năm 1951 tôi về thành. Trường Đại học Văn khoa mới lập được một năm, tôi ghi tên, và vui chưa, lại được gặp Tiến cùng theo lớp dự bị! Tiến về thành trước tôi một năm. Sau sáu năm xa cách, ngày nay trông Tiến già đi nhiều. Da anh đen sạm, má có hóp đi nhưng anh cố làm dáng để chống với thời gian. Mái tóc đen, dày và cứng của anh được chát mượt *brillantine*, phía trước anh lại có ý chải bơi bồng một chút khiến trán anh vốn đã thấp lại càng thấp. Khi nói chuyện với tôi, cử chỉ và lời nói của anh rất là trịnh trọng, xen vào rất nhiều chữ Pháp. Ở anh toát ra một cuộc đấu tranh khá gay gắt của một người nông dân tuy không hề rẻ rúng giai cấp mình, nhưng luôn luôn cố gắng muốn thoát ly khỏi đó để lên gặp giai cấp thượng lưu trí thức. Vì anh còn giữ được cái bản sắc thực thà trung hậu nên cuộc đấu tranh tuy gay gắt mà ngộ nghĩnh đáng yêu.

Khi chia tay lần thứ nhất cùng tôi, anh khẽ nhún vai nói:

- Mình bây giờ đi học chỉ cần chú trọng đến *culture* (văn hóa), chứ văn bằng mà làm gì.

Mấy lần sau gặp nhau nữa, tôi mới hiểu rõ ý câu học cốt lấy văn hóa chứ không cần văn bằng; thì ra Tiến vẫn

chưa đỗ Tú tài. Đạo đó Đại học Văn khoa mới mở, điều kiện văn bằng không ráo riết, chỉ khuyến khích mọi người vào học. Những người chưa có Tú tài, có thể cứ học hết năm dự bị, rồi tiếp tục học lên các chứng chỉ cho đến khi đỗ xong Tú tài thì chỉ việc hợp thức hóa những chứng chỉ trên và có thể được cấp bằng Cử nhân Văn khoa nếu đương sự đã đỗ xong bốn chứng chỉ.

Trong câu chuyện với tôi, Tiến luôn luôn dùng xen chữ Pháp tựa như để tự giải tỏa mọi mặc cảm về trí thức (lẽ cố nhiên theo quan niệm của anh ở vào hoàn cảnh ngày đó trình độ trí thức nhất định phải đo bằng năng lực Pháp ngữ). Nhưng có một hôm anh không dùng xen từng chữ Pháp nữa mà nói cả câu tiếng Pháp để diễn đạt một tư tưởng triết lý theo ý anh. Nghe xong câu nói ngắn đó, tôi sững sờ giây lâu và tôi hiểu tại sao anh thi trượt hoài Tú tài trong khi bài thi Pháp vẫn còn giữ hệ số ba.

Một buổi sáng Chủ nhật, tôi lại theo đường về phía Ô Cầu Rền đạp xe tiến sâu vào con đường đất thật xa... thật xa cửa ô để đến thăm Tiến tại quê anh.

Chị Tiến vẫn xinh xắn với dáng điệu đảm đang thuần thực đặc biệt của người đàn bà vùng quê. Nước da chị vẫn trắng mát, dáng người nhỏ nhắn, chị thuộc vào loại các cụ ngày xưa gọi là “nhỏ xương” vì vậy trẻ rất lâu. Trái lại, Tiến thuộc loại lớn xương lại thêm nước da đen xạm nên anh già rất chóng. Điều đặc biệt nữa là chị Tiến vẫn mặc váy. Bà cụ thân sinh ra anh Tiến còn sống, chính cụ chủ trương giữ nguyên lễ lối ăn mặc cổ như vậy. Có vài lần Tiến đề nghị với mẹ cho vợ mặc quần gọi là thay đổi y phục chút ít, cụ cương quyết chối từ. Thì ra trước đây cụ mong cho con học chóng lên đến sinh viên là cụ chỉ chú trọng đến nội dung sự học chứ không chú trọng đến hình thức ăn mặc mà nội dung kia đòi hỏi đến cả người thân của kẻ cầm sách. Lần sau cùng cụ bảo Tiến: “Cách ăn mặc này là của cha mẹ tao, của ông bà ông vải tao và cũng là tiền bối

của mày, chúng tao noi theo lối của các người, không việc gì đến mày.” Tiến giờ tay lên gãi tai toan nói rồi lại thôi. Anh nghĩ y phục cũng biến đổi với thời gian, giờ đây các cô ăn mặc quần trắng, áo màu vẫn đẹp và đâu có mất tính cách Việt Nam! Nhưng anh không cãi mẹ vì anh giữ đạo hiếu cũng có, mà sự thực trong thâm tâm anh cũng có phần nào đồng ý với mẹ ở điểm cách ăn mặc cổ đó hợp với nếp sống, với tâm hồn của vợ anh. Anh cứ nghĩ giá người vợ xinh hiền thực của anh kia mà giờ đây ăn mặc quần trắng, áo màu, cổ quần “san” lụa, nó cũng... thế nào ấy và hình thức tân thời đó có làm mất mát đi rất nhiều cái gì mà anh cảm thấy là quý giá.

Lần đó về quê thăm anh, tôi mới hỏi thêm về tin tức con anh. Thăng bé đầu lòng lên mười rồi, chóng thế! Khi ra đi chạy loạn, anh đã có ba cháu: hai trai đầu lòng và một gái. Suốt thời gian sáu năm chạy loạn, anh giữ nguyên số lượng cũ và chỉ chú trọng đến chất lượng, nghĩa là chăm nom cho những đứa trẻ được ăn học sao cho đến nơi đến chốn. Anh nói khể với tôi là anh theo phương pháp *Ogino*. Khi chạy loạn về, anh vẫn quyết tâm theo phương pháp *Ogino*, vì dầu sao như thế cũng là “nếp tẻ có đủ rồi” (lời anh nói với tôi), vả lại bây giờ cuộc sinh sống khó khăn, có nhiều con lo mệt lắm. Nhưng chẳng hiểu vì một sự tính toán sai lầm nào đó nên hiện giờ chị đã lại có mang được ba tháng. Anh vẫn tiếp tục đi học và sự giao thiệp của anh ngày một rộng, toàn là trong giới sinh viên thôi. Mỗi lần gặp tôi, anh lại khoe hoặc vừa đi chơi cùng N. năm thứ năm Y khoa, hoặc vừa đến thăm chị H. năm thứ ba Dược khoa bị ốm, hoặc vừa đến thăm chị Kh. đương theo chứng chỉ Sử địa-Văn khoa... để hỏi thêm về tin tức thi cử kỳ tới.

Tôi biết Tiến có đến thăm các chị H. và Kh. Ngày nay, nền đại học đã được bình dân hóa, nên số sinh viên nhiều gấp bội và rồi cả sinh viên lẫn những người chưa là sinh viên cùng thấy học tới sinh viên không phải là một cái

gì ghè gớm như xưa. Nam nữ giao thiệp rộng rãi, có chị mời hẳn các bạn trai cùng lớp đến nhà dự tiệc trà, hoặc các anh tự ý đến thăm các chị không phải nghi ngại điều gì. Việc Tiến năng đến thăm các chị, ngoài việc để anh cảm thấy thắm nhuần không khí sinh viên (mà than ôi, anh chưa phải là thực thụ) còn giúp anh giải quyết một mặc cảm: thèm muốn gần gũi với những người tân thời áo màu, quần lụa, khăn san (tuy anh vẫn một lòng yêu vợ quý con). Mớ tóc đen, dày và cứng của anh được chải cẩn thận bằng *brillantine* lý do cũng là thế. Vì là sinh viên năm dự bị Văn khoa, nên tuy không có Tú tài anh vẫn được một Hiệu trưởng Tư thực kia mời phụ trách cho mấy giờ Việt văn lớp đệ Tứ. Việc dạy tư chắc chắn có giúp anh khá nhiều trong việc giải quyết vấn đề sinh kế đạo đó. Bằng đi một dạo tôi không gặp anh vì tôi cũng mãi về sinh kế mà bỏ dở Văn khoa. Hai năm sau – 1953 – có một lần gặp anh ở Hàng Bông, anh nói: “Minh vừa đến thăm thẳng Hạ năm thứ hai trường Luật.” Sang năm sau – 1954, năm di cư – tôi trở lại Văn khoa để di cư với các sinh viên khác cùng một chuyến máy bay và được gặp lại Tiến ngày đó. Anh cho tôi hay bà cụ đã mất. Chị và bốn cháu (sau đứa thứ tư là gái, anh lại theo đúng *Ogino*) anh cho xuống Hải Phòng di cư bằng đường thủy. Kể ra trên chuyến phi cơ đó cũng có mấy tiểu gia đình sinh viên (kể cả tiểu gia đình tôi), nhưng tôi biết anh tránh đem vợ con cùng đi vì chị là người quê mùa. Tôi lại hỏi khéo anh về y phục của chị, thì anh cho hay đã có một sự thay đổi nhỏ để thích ứng thời thế: chị đã dùng quần thay váy và chính anh cũng chủ trương ngừng lại ở đó không thay đổi gì hơn nữa. Việc anh quay trở về bảo thủ dĩ vãng như vậy khiến tôi sau này có ý kiến ngộ nghĩnh ví anh với một phi đạn có ba tầng. Hai tầng dưới tới một cao độ nào thì kế tiếp nhau rớt xuống, chỉ còn tầng thứ ba, chủ não của phi đạn, là vượt lên thượng tầng không khí, ngoa du quanh trái đất; tầng thứ ba đó là

ý nguyện dai dẳng của anh những mong được sống cuộc đời sinh viên thực sự.

Vào đến Sài Gòn, anh sang được căn nhà gỗ lợp tôn ở xóm Oọc (*E. des Vergues* – Trương Minh Giảng bây giờ) cho vợ con ở, còn chính anh vẫn sống với đoàn sinh viên Đại học Hà Nội di cư, thoát ở trường Gia Long, rồi ở khu Thăng Long (khu lều vải trên nền Khám Lớn cũ, ngày nay xây giảng đường Đại học Văn khoa). Khi ở trường Gia Long cũng như khi ở lều, có mấy lần anh nói với tôi: “Đông Dương Học xá của chúng mình đây!”

Thì ra được ở Đông Dương Học xá vẫn là cái ám ảnh lớn của anh.

Tuy phải ở lều thực mà sinh viên vẫn cảm thấy được dân tộc nâng niu chiều chuộng vì là thành phần ưu tú của đất nước. Chúng tôi có một lều riêng để tiếp khách, tại lều này có điện thoại, lại có một lều riêng khác để hội họp. Ống nước được dẫn vào nhà bếp, nhà tắm, nhà giặt, cầu tiêu máy... Chúng tôi từng bùng hoạt động ở mọi ngành, chúng tôi gặp ông Tổng trưởng này, ông Đồng lý Văn phòng họ để điều đình các công việc kia khác có lợi cho sự thân hồi trọn vẹn chủ quyền đất nước từ tay người Pháp. Sự xung hô giữa các người cao cấp chính quyền với chúng tôi rất gần gũi thân thiết, nghĩa là “anh anh, tôi tôi”. Bầu không khí bình dân, cởi mở, thành thật vì chung niềm đau xót của dân tộc đó đến nay còn làm tôi xúc động mỗi khi gục đầu trên bàn viết ôn lại thuở ban đầu cách mạng này. Tại lều có sinh viên đủ các ngành nên chúng tôi vẫn thường nói đùa sinh viên có thừa sức đứng ra thành lập một chính phủ. Chúng tôi đón tiếp Ủy hội Quốc tế, đón tiếp phái đoàn Thanh niên Quốc tế, phái đoàn Sinh viên Quốc tế. Các anh, các chị sinh viên Tây phương đến dự cơm thân mật với chúng tôi ở dưới lều. Chính nghĩa quốc gia vươn mình trong khát vọng độc lập hoàn toàn, lớn mạnh trong một ý chí thống nhất, vô tư, trong sạch làm

tôi có cảm tưởng tất cả anh chị em sinh viên cũng như toàn thể đồng bào ai nấy rờn rợn đẹp như thiên thần.

Trở lại chuyện Tiến, trừ những giờ đi dạy học, những buổi về thăm qua vợ con ở xóm Oọc và một đôi giờ đi lấy *cours* (bây giờ anh ghi tên theo "khả năng luật học" để đổi món), anh trở về lều hoàn toàn hòa với đời sống sinh viên. Trong khi một số chúng tôi xúm nhau lại điều khiển tờ bán nguyệt san Lửa Việt - cơ quan ngôn luận của Đoàn Sinh viên Đại học Hà Nội - thì anh tham gia tổ chức các cuộc biểu tình phản đối điều này, ủng hộ điều nọ... đúng với chủ trương của Ban Chấp hành.

Đêm giao thừa năm di cư đầu tiên này, tại khu lều Thăng Long có tổ chức một buổi lửa trại. Tới dự có đông đủ anh em sinh viên, một số lớn giáo sư đại học, và một số nhân sĩ tại đô thành. Trong buổi lửa trại đó, Tiến đã hiến khán giả một trò vui "tử" của anh mà tôi đã được thưởng thức từ ngày cùng anh ở trung học, đó là một bài hát hài hước theo thể "tả pí lù" gồm nhiều đoạn trích ở nhiều bài khác nhau, lời ca lai căng Việt có, Pháp có, Anh có. Anh đã thành công rực rỡ, anh em và quan khách nhiệt liệt vỗ tay hoan hô. Tôi biết điều làm anh cảm động hơn cả là lời giới thiệu của anh Chủ tịch trước khi anh ra làm trò: "Thưa quý vị giáo sư, thưa quý vị quan khách, thưa toàn thể các anh chị em, tôi xin giới thiệu đây là một *numéro* vui nhộn và phong phú của một anh bạn chúng tôi đại diện cho toàn thể anh chị em sinh viên Luật học."

Đạo đó việc học bắt đầu phồn thịnh, các trường tư đua nhau mọc lên như nấm, giáo sư Việt văn rất khan hiếm, và đặc biệt về môn này, các giáo sư người Bắc rất được tín nhiệm. Anh Tiến đã được mời dạy đến hơn ba mươi giờ một tuần, tiền của kiếm vào như nước, chả thế mà căn nhà sang ở xóm Oọc nay đã mua hẳn. Và các con của anh đều có gia sư tối tối đến kèm.

Khu Đại học xá đường Minh Mạng Chợ Lớn đã hoàn thành gồm tám dãy cho sinh viên ở, mà hai dãy ngoài cùng dành cho hai mươi tiểu gia đình sinh viên (sinh viên có vợ và có một hoặc hai con).

Trước hôm dọn đến Đại học xá mấy ngày, tôi có bá vai Tiến và nói tung bưng:

- Thôi chuyển này chúng ta từ già lều vải về nhà mới, tường gạch, mái ngói, có nhà ăn, nhà đọc sách, câu lạc bộ, buồng tắm riêng, cầu tiêu riêng... tha hồ thích nhé.

Khuôn mặt Tiến vẫn buồn thiu, anh nói:

- Mình phải về ở với tiểu gia đình ở xóm Oọc chẳng có... không tiện.

Tôi vừa toan nói: "Có gì là không tiện, cũng như từ trước cậu vẫn ở lều chứ sao," thì may thay tôi nhớ ra ngay, nhớ ra ngay nội quy Đại học xá chỉ chấp nhận sự cư trú cho những sinh viên thực thụ.

Tuy nhiên, ngày chúng tôi "dọn nhà", Tiến có tiền chúng tôi xuống tận Đại học xá và ở lại phòng tiểu gia đình tôi suốt ngày hôm đó.

Tiến cùng tôi đi thăm anh em suốt tám dãy nhà, thăm phòng tập thể dục có *parallèles*, có ngựa gỗ, có bục vải để học *judo*, có tạ đủ các cỡ... và ở cuối phòng có treo tấm gương lớn để các lực sĩ soi vào đấy mà tập cho đúng. Chúng tôi thăm phòng thuốc sinh viên do một bác sĩ đứng đầu với ba nữ y tá giúp việc. Chúng tôi thăm thư viện trong đó sách y khoa nhiều nhất, còn báo chí thì có đủ các loại với đủ các thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, Đức. Chúng tôi thăm câu lạc bộ sinh viên ở ngay sát phòng ăn, câu lạc bộ này do hảo tâm của báo *Figaro* xây tặng sinh viên Việt Nam. Trong câu lạc bộ, có một khoảng xây cao có thể dùng làm sân khấu, góc đối diện với sân khấu là

quầy hàng bán các đồ giải khát. Khoảng giữa rộng thênh thang là ba bộ sa-lông kiểu tối tân kê bên dưới ba chiếc quạt trần *Marelli*. Máy phóng thanh mắc bốn góc tường. Sinh viên có thể ngồi trên chiếc ghế cao lênh khênh mà dùng đồ giải khát ở ngay quầy, hoặc hể có bạn thì “com-măng” những thứ đồ ra sa-lông. Phòng ăn công cộng lớn gấp hai câu lạc bộ với ba hàng bàn ghế dài như bất tận. Nhà bếp ở ngay sát bên với màu gạch trắng men trắng tinh, với những chảo gang lớn và những soong lớn nhỏ bóng loáng. Một anh bạn sinh viên Luật khoa được cử làm quản lý, một anh bạn sinh viên Y khoa được cử làm cố vấn để thực đơn hàng ngày cung cấp đủ chất bổ chất tươi. Cả hai bữa trưa chiều, Tiến cùng dùng cơm với tiểu gia đình tôi tại phòng ăn công cộng, nhưng sự buồn nản hiện rõ trên nét mặt anh. Tôi biết anh tự coi anh là người ngoài cuộc giữa cuộc đời đầy đủ tiện nghi đó. Đã có những bóng người đẹp đến thăm sinh viên “xê li bạt”. Tôi những muốn nói đùa với anh là “người đẹp” đến thăm sinh viên ngày nay không chỉ riêng có nữ sinh Trưng Vương (Đồng Khánh) mà thành phần phức tạp hơn nhiều, nhưng tôi không dám nói, vì nhắc lại kỷ niệm xưa trong khi anh đương chạnh buồn vì niềm mong ước không thành tựu, có khác chi một lời giễu cợt vô ý thức? Chập tối, khi ánh đèn Đại học xá bật sáng, anh từ biệt chúng tôi trở về xóm Oọc của anh. Tôi cố giữ anh lại vì tối hôm đó có buổi chiếu bóng riêng cho sinh viên xem tại câu lạc bộ, nhưng anh một mực khước từ. Tôi tiễn anh ra cửa Đại học xá rồi nhìn bóng anh trên chiếc *Mobylette* mất hút dưới rặng cây cao vút mà có cảm tưởng anh như một tông đồ ngoan đạo bị phóng trục oan ra khỏi giáo hội khiến anh phải sượng sùng lẫn trốn cho sớm khuất mắt các đạo hữu. Từ hôm đó tới hai năm sau tôi không được gặp anh. Số sinh viên tốt nghiệp ra khỏi trường khá nhiều. Lễ cố nhiên các trường tư chuộng những người này hơn. Không dạy ở Sài Gòn, anh phải nhận dạy ở các tư thực tỉnh nhỏ. Anh như một

ngôi sao già bị quên lãng đương vắng dần ra biên giới xa xăm của vũ trụ. Lần gặp lại anh, cách đó hai năm sau ở giữa chợ Bến Thành, anh già đi rất nhiều, quảng mắt sâu, má hóp, râu mép, râu cằm đậm ra tua tủa mà anh trẻ nãi chẳng buồn cạo, mớ tóc đen dày và cứng của anh được chải lật một cách sơ sài và không có *brillantine*. Anh cho tôi biết anh hiện dạy ở một trung học tư thục tận Long Xuyên. Ở đó người ta xếp giờ cho anh dạy ba ngày liền rồi anh lại về Sài Gòn trông nom giúp đỡ gia đình. Chị hiện buôn hàng tẩm bán ở chợ Trương Minh Giảng gần đây và kiếm cũng đủ tiêu. Anh có hỏi tôi về Đại học xá, về các anh em còn ở đây, về câu lạc bộ, về phòng ăn, v.v... nhưng tia nhìn của anh dường như gửi vào một cái gì... một kỳ vọng gì trong tâm tưởng. Tôi biết khuôn mặt anh già đi nhiều, y phục của anh cầu thả đi nhiều như kia, không phải vì anh túng (đành rằng cách làm ăn có vất vả), mà là vì anh đã hoàn toàn từ bỏ giấc mộng sinh viên, chẳng còn gì kích thích anh làm dáng! Nhưng khi chia tay anh, nắm tay tôi rất chặt, anh nhìn thẳng vào tôi như muốn trao đổi tâm hồn, hai hàm răng nghiến lại, khuôn mặt có đỏ lên vì một tình cảm xấu hổ nào bên trong, và anh nói: “Mình chỉ cần chịu khó vất vả hai năm nữa thôi cậu ạ!” Sau câu nói, anh cười, nụ cười nửa xao xuyên, nửa gay gắt.

Sao lại hai năm nữa thôi? Tôi tự hỏi khi đã chia tay Tiến. Rồi tôi thắc mắc, thường cứ hai, ba tháng lại sực nhớ đến câu nói của Tiến. Nhiều khi đi trên các ngã đường Sài Gòn, tôi muốn được gặp Tiến để hỏi xem tại sao anh chỉ cần chịu khó vất vả hai năm nữa. Nhưng Sài Gòn rộng gấp năm gấp sáu Hà Nội, dân Sài Gòn đông gấp bảy, gấp tám Hà Nội thì niềm hy vọng được bắt chợt gặp nhau cũng loãng đi đến bảy, tám lần... Chẳng sao gặp được Tiến, tôi tự trách đã không hỏi rõ địa chỉ để đến thăm tiểu gia đình anh. Nói là xóm Oọc thôi thì đi đến đây cũng như đi vào Bàn Cờ biết đâu mà tìm.

Thế rồi, có lẽ đúng hai năm qua đi, một buổi sáng Chủ nhật kia vào hồi mười giờ, tôi thoáng thấy một bóng người bước qua cửa Đại học xá. Mắt tôi sáng lên vui mừng nhận ra người đó chính là Tiến. Tiến cũng đã trông thấy tôi và rảo cẳng bước lại. Anh không tiêu tụy như ngày nào gặp nhau giữa chợ Bến Thành, nhưng anh cũng không có vẻ chú ý đến việc chải chuốt bề ngoài, trông anh bây giờ đạo mạo ra.

Anh bắt tay tôi, lắc lắc mạnh:

- Dạo này cậu viết văn nhiều lắm hả? Thế mà chẳng tặng sách anh em.

Tôi đáp:

- Muốn tặng sách anh nhưng nào có gặp anh đâu!

Anh cười:

- Còn nghĩ hè chắc cậu viết đủ? Thôi được, bây giờ cậu tặng tôi đi, phải đủ bộ đấy.

Tôi mời anh vào, khi đó chỉ có mình tôi ở nhà. Vợ tôi đã mang các con sang Khánh Hội thăm thằng em họ tôi từ sớm. Tôi nói với anh:

- Đủ bộ thì quả thực không có, hiện trong nhà chỉ còn tác phẩm cuối cùng biếu anh.

Tôi phải thanh minh ngay rằng không phải sách tôi bán chạy đến thế mà vì *stock* ế, nhà xuất bản đã bán cân hết cả, hiện giờ nếu qua đường Lê Lợi anh sẽ thấy tên tôi nhan nhản bầy ở vỉa hè.

Đúng lúc đó anh K. sinh viên Sư phạm ở buồng bên cạnh sang thăm tôi. Tôi giới thiệu K. và Tiến bắt tay nhau.

K. nói với tôi:

- Đây cậu, bà đấm tôi hôm qua đi khắp đường Lê Lợi để xem cô nào là dưng sĩ.

Tôi biết là K. nói đến một nhân vật trong tác phẩm mới của tôi. Chị K. bên kia tường cười khanh khách, chị nói với sang:

- Em biết là chuyện ấy có thực, em phải tìm cho ra cô dượng sĩ đó.

Anh K. cười giễu vợ:

- Bu nó kém quá, tiểu thuyết là gì? Là cuộc đời cộng với nghệ thuật. Đã đành cũng có một phần sự thực nhưng phần sự thực đó cũng đã thêm mắm, thêm muối để biến dạng đi rồi còn đâu.

Chị K. cương quyết:

- Đấy rồi anh xem em sẽ tìm ra bằng được cô dượng sĩ đó.

Tôi chỉ biết cười và ký tặng Tiến một cuốn.

Khi K. về, Tiến hỏi tôi:

- Cậu đã có đủ số chứng chỉ?

Tôi gật đầu, Tiến lại hỏi:

- Thế cậu còn ở đây làm gì?

Tôi cười đáp anh thẳng thắn:

- Vì một lẽ giản dị là lương giáo sư của tôi tháng nào vừa xoắn tháng ấy, tiền đâu mà mua nhà.

- Thế còn tiểu thuyết của cậu?

Tôi cười càng lớn:

- Mời anh lên đường Lê Lợi, *Bonard* cũ!

Tiến kéo tôi ra khỏi phòng. Tôi vừa theo anh (mà cũng chẳng biết là anh sẽ đưa tôi đi đâu) vừa giải thích thêm:

- Anh em lớp cũ ở lều với chúng mình ngày xưa chẳng còn mấy nữa. Anh thì tậu được nhà, anh thì đổ xong bị đố đi xa... Hiện nay một mình tôi ở ba phòng.

Tiến trợn mắt:

- Ba phòng?

- Thì các bạn cũ tuy đổi đi nhưng vẫn gửi phòng để thỉnh thoảng về Sài Gòn có chỗ trú chân. Tôi giữ hộ. Hàng năm tôi ghi một chứng chỉ Văn khoa, ghi để đấy không học mà cũng không thi, tuy nhiên mỗi năm ghi một chứng chỉ, tôi cũng còn được ở Đại học xá chừng hai mươi năm nữa.

Tiến cười:

- Cậu nhất định sẽ mọc rễ ở đây thành một thứ cỏ thụ sinh viên?

Tôi gật đầu cười theo anh và nhận thấy khuôn mặt anh có một cái gì trang trọng hẳn như một trái cây rầu rĩ dưới nắng hè, vừa gặp lúc chín tới! Tôi nhắc vội lại vài nét kỷ niệm thuở ở lều, cũng là gián tiếp nhắc lại bầu không khí bình dân, cởi mở, thành thực thuở cả một phần dân tộc miễn tự do tập trung ý lực vào niềm đau xót.

Anh quả là một trái chín, anh hiểu ý nghĩ của tôi, cả khuôn mặt anh như thoáng rợp một làn mây suy tư, rồi bỗng anh ngẩng lên nhìn tôi vẫn đi sát bên anh và hỏi:

- Các anh em sinh viên vẫn xứng đáng là... sinh viên?

- Nói về tâm hồn – tôi đáp – nói về nguyện vọng thì bao giờ các anh em cũng xứng đáng. Nhưng ngày nay mỗi người chúng tôi sống gặp vào mình như một thứ cây trinh nữ, tinh thần khép lại vì thoáng có hơi tay. Hầu hết các anh em cảm thấy chua xót, những đặc quyền vật chất ở Đại học xá vẫn còn, nhưng nhiều anh tự thú không muốn hưởng vì những thứ đó không còn lý do tồn tại nữa. Tôi nói là các anh em sinh viên vẫn xứng đáng, anh hiểu chứ?

Tiến gật đầu và kéo tôi rẽ ngang vào dãy cuối cùng –

chúng tôi đã đến dãy cuối cùng. Đi được mấy bước tôi giạt mình nghe có tiếng reo:

- A ba đến!

Một sinh viên trẻ chỉ chừng mười tám hay mười chín ở phòng số 4 nhô ra reo vui như vậy.

Tiến cười, chỉ vào anh sinh viên giới thiệu:

- Minh, đứa cháu lớn của tôi đấy anh ạ.

Minh khẽ cúi đầu chào tôi kính cẩn.

Vừa lúc đó có tiếng một anh bạn gọi, tôi tạm để Tiến lại với con và hẹn với anh: "Tôi chờ anh ở phòng tôi nhé." Người gọi tôi là T. anh bạn cùng dãy. T. học năm thứ tư Y khoa. Anh có cái đặc biệt là trong ba năm Y khoa vừa qua, năm nào anh cũng học "đúp" và thi đủ bốn khóa. Kể cả năm thứ ba là năm từ xưa đến nay chưa có ai phải "đúp" mà anh vẫn "đúp" như thường và cũng thi đủ bốn khóa như thường. Lần nào thi thoát khóa thứ tư, anh cũng xuýt xoa kêu "hú vía" và cười khanh khách rồi làm một bữa tiệc mừng mời anh em cùng dãy.

Có lần T. nói với tôi:

- Ở Y khoa chúng tôi không như ở Văn khoa các anh, muốn ghi chứng chỉ nào thì ghi và năm năm vẫn gặp, vẫn chung sống, vẫn cảm thông với các bạn cũ theo học chúng chỉ khác. Ở Y khoa chúng tôi, chậm một năm là lớp bạn cũ như biến mất đi đằng nào và mình cảm thấy cô độc bỏ ngõ trước làn sóng mới ủa tới (đến đây anh cười, vỗ tay vô cớ), nhưng rồi mấy năm sau tôi cũng quen đi. Đấy rồi anh xem, năm năm *médecine* tôi sẽ học đủ thành mười năm!

Tôi cười vui vẻ đáp lời anh lần đó:

- Học *médecine* càng nhiều năm càng dày kinh nghiệm chứ sao.

Tôi biết không phải anh không có khiếu về Y khoa, trái lại nữa, nhưng vì anh bận nhiều thứ quá. Anh bận dạy học tư ngoài để chu cấp cho tiểu gia đình anh. Chị T. chiếm kỷ lục ở Đại học xá về phương diện sòn sòn năm một. Lần thứ hai lên bàn đề chị đau ngắt đi. Mấy ngày hôm đó T. đi đi lại lại bần khoản và tuyên bố với chúng tôi là nhất định “tốt”! Nhưng chỉ chừng ba tháng sau đã thấy các chị cùng dây khúc khích cười loan báo tin: “Bà T. đã lại có bầu rồi!” T. là người thứ hai chiếm ba buổi Đại học xá như tôi. Ngoài việc dạy học kiếm tiền lo chu cấp cho gia đình, T. còn phụ trách tổ chức mấy trường kỹ thuật cho người bình dân tới học. Vì vậy năm Y khoa nào anh cũng bị “đúp” và thi đủ bốn khóa. Chúng tôi vẫn gọi đùa anh là: “T. bốn khóa!”

T. là bạn nối khố với tôi về xi-nê. Tôi thường ngồi sau chiếc *Lambretta* xanh của anh để cùng đi thưởng thức những phim hay. Gặp buổi chủ rạp mời nhà báo xem trước một phim nào đặc biệt để quảng cáo, tôi cũng kéo T. đi theo. Lần này T. gọi tôi cũng không ngoài mục đích kéo tôi đi xi-nê. Tôi xin lỗi anh nói là có Tiến đến chơi. Tôi nhắc đến Tiến hồi ở lều T. gật gật đầu:

- A Tiến, tôi có nhớ!

Nhưng Tiến không phải là chỗ quen thân với T. nên anh chào tôi rồi đi xi-nê ngay.

Tôi về phòng, nửa giờ sau Tiến trở lại.

- Mới ngày nào anh Tiến nhĩ - tôi nói - tôi đi phò rể anh, chưa đầy năm sau anh có cháu trai đầu lòng, rồi năm 1951 gặp nhau, thằng cháu đó lên mười mà bây giờ nó đã học xong Tú tài, lên sinh viên. Minh vừa được xin vào đây?

- Phải cháu nó vừa xin được vào đây - Tiến đáp - Cháu nó ghi tên học ban Toán.

- Minh năm nay mười chín đấy anh nhĩ?

- Vàng cháu mười chín tuổi ta.
- Trời, mười chín tuổi ta mà đã đỗ xong Tú tài, lên sinh viên.

- Thì anh bảo chúng nó bây giờ học tiếng mẹ đẻ đỡ được nửa đoạn trường, đâu như bọn mình ngày xưa. Nhiều gia đình có con mười tám đã đỗ Tú tài.

Thấy tôi mỉm cười, anh hỏi:

- Cậu cười gì?
- Trong gia đình văn nghệ - tôi đáp - tôi cũng gặp hoàn cảnh này. Ông bạn già của tôi chừng năm mươi tuổi là một nhà văn lão thành thời tiền chiến, con anh năm nay chừng hai mươi lăm tuổi cũng có mặt trong làng văn nghệ trẻ, đều là chỗ quen biết với tôi cả. Mỗi khi tôi đến thăm ông bạn già, nói chuyện với bố cũng "anh anh tôi tôi" quay sang đàm thoại với ông con cũng "anh anh tôi tôi". Thượng hạ bằng đẳng! Bây giờ gặp anh cũng vậy, Minh đã là sinh viên rồi.

Tiến "ồ" một tiếng lớn để phản kháng và anh nói:

- Cậu cứ gọi thẳng Minh là cháu chứ sao? Thì cậu đã từng đi phù rể bố nó kia mà.

Tới đó Tiến đứng dậy từ biệt tôi ra về, ân cần dặn tôi chiều thứ bảy lại xóm Oọc thăm vợ chồng anh. Anh đã ghi lại trên bàn viết của tôi cả một bức họa đồ để tôi dễ tìm nhà. Tôi nhận lời. Ngay hôm sau tôi đến thăm Minh tại buồng. Minh ở cùng mấy sinh viên trẻ, chỉ hơn Minh chừng hai, ba tuổi, trong số có mấy anh quen tôi. Thấy tôi đến một anh reo:

- A anh Sơn đến chơi! Thế nào số báo sau anh có sáng tác nào thế?

Tôi vừa cười vừa trả lời anh bạn vừa đưa mắt nhìn Minh. Anh chàng khẽ cúi đầu chào tôi nhưng lúng túng chưa biết kêu tôi là gì. Tôi vỗ vai hắn nói:

- Thôi, cậu cứ gọi tôi là anh cho tiện. Anh em với nhau cả mà.

Thế là hắn gọi tôi bằng anh và xưng em. Người hắn nhỏ nhắn, da trắng giống mẹ, trông đúng là sinh viên... sủa!

Đúng chiều thứ Bảy, tôi y ước đến xóm Oọc thăm gia đình Tiến. Tôi đến vừa lúc chị Tiến ở chợ Trương Minh Giảng về, chị ngồi trên chiếc xích-lô máy, phía trước là hàng vải của chị chất lên khá cao. Chị nhận ra tôi ngay.

- Giờ ơi – chị nói – từ năm nào còn ở Hà Nội đến giờ mới gặp anh.

Tôi vừa đáp là nhiều lần có ý muốn đến thăm anh chị mà không có địa chỉ rõ ràng, vừa để ý quan sát sự thay đổi y phục của chị. Chị mặc quần hàng Mỹ A, một thứ lụa đặc biệt của Cao Miên dệt bằng tơ tằm mà bóng như lĩnh và rất bền. Áo trong chị mặc là thứ áo cánh dài tay, cổ tròn bằng *phin* nôn, ngoài cùng chị mặc chiếc áo dài cài khuy dệt bằng tơ ta màu mỡ gà. Kể ra ở vào một thời đại đô thành chịu ảnh hưởng quá đậm đà màn ảnh Âu Mỹ, mà còn một người đàn bà trẻ ăn mặc nhũn nhặn thế cũng là hiếm lắm rồi. Tuy nhiên khi đã vào trong nhà, có một mình tôi và Tiến, tôi còn nói đùa:

- Gớm, anh để chị ấy ăn mặc tân thời đến thế kia à? Thay đổi hẳn đi so với ngày nào.

- Cậu tinh – anh đáp với nụ cười thân thiết, tay phải vung lên – nhà tôi đi bán hàng tẩm như xưa, thành phố Sài Gòn lại là thành phố quốc tế đâu có như chợ Quang, chợ Tó ở Hà Đông, chợ Noi, chợ Bưởi ở gần Hà Nội mà bảo ăn mặc như xưa được.

Anh nói tiếp, khẽ hơn một chút vì thấp thoáng bóng chị ở buồng sắp ra:

- Lắm khi nghĩ lại cách phục sức của nhà tôi xưa, mình vẫn thấy nhớ... nhớ một thời dĩ vãng êm đềm hơn, hiền lành hơn.

Chị đã ra, chỉ còn mặc áo cánh, Tiến cười lớn tiếp nối câu chuyện một cách ồn ào vì điểm chính cần dấu đã dấu xong:

- Không hiểu có phải mình bây giờ đã đến tuổi hướng về dĩ vãng hay không. Tôi chỉ hơn cậu chừng bốn, năm tuổi mà sao tôi có cảm tưởng già hơn cậu đến gấp bốn lần số tuổi hơn đó.

- Có lẽ tại tôi sống giữa cuộc đời sinh viên.

Chị Tiến lên tiếng:

- Nhà tôi bây giờ già thật kia, tính tình như ông cụ. Những ngày nghỉ là họp liền với mấy ông bạn rung đùi đánh chẵn.

- Chứ sao – anh Tiến nói.

- Ông ấy ham chẵn – chị tiếp tục kể tội anh – đến nỗi ông ấy nói giá có quyền sẽ cho lập một tỉnh chuyên đánh chẵn.

Cả ba chúng tôi cùng cười. Tôi hỏi Tiến:

- Giờ anh dạy ở đâu?

- Tôi nhận dạy mấy lớp Việt văn ở Thủ Đức gần đây thôi. Già rồi, chả tội gì lặn lội đi đâu xa nữa.

Tôi gạt đầu hưởng ứng:

- Vả lại chị đi buôn vải thế kiếm cũng đủ.

- Đúng thế - anh đón lấy lời tôi – sở dĩ tôi dạy cũng là để cho đỡ buồn. Thăng Minh nhà tôi đã biết họp với

mấy anh em mở lớp Toán-Lý-Hóa luyện thi Trung học Phổ Thông.

Anh gật đầu hỉ hả:

- Cuối tháng nó vẫn biểu tôi một số tiền nhỏ để dùng làm vốn chẵn. Em thằng Minh là thằng Mẫn cuối niên học sang năm đã thi Tú tài Một rồi; con Khanh, đứa thứ ba, nữ sinh Trưng Vương, thì cũng cuối niên học sang năm thi Trung học Phổ thông; con Liễu, con bé út, còn ở dưới tiểu học. Ấy chiều hôm nay chúng nó đi xi-nê cả. Tôi giao cho thằng Minh là con chim đầu đàn phải trông nom việc học cho các em, giờ đây tôi mũ ni che tai...

- ... Để đánh chẵn – chị tiếp lời anh, giọng giễu cợt – tôi lạ trời có hôm cảnh binh bắt được...

- Cảnh binh nào mà vào cái xóm khỉ này, sâu thăm thẳm như giếng – anh cau mày một cách vui vẻ ngắt lời chị như vậy.

Tôi nói với anh:

- Bây giờ thì tôi hiểu câu anh nói với tôi lúc chia tay hai năm trước đây ở chợ Bến Thành: “Minh chỉ cần chịu khó vất vả hai năm nữa thôi cậu ạ.”

Anh gơ tay như để đánh dấu câu tôi nói, vẻ mặt thoáng buồn và đáp:

- À đúng, cái dạo ấy tôi đang “bi” (anh chặc lưỡi) cũng không phải là bi lằm đến sợ đói, trong này thì đói thế nào được... Dạo đó tôi đương cần kiếm tiền để thằng Minh ăn học đến nơi đến chốn. Một năm trước đó, nhà tôi đã quyết định trở lại nghề hàng tám. Cũng may nhờ được mấy thằng bạn sinh viên quen giới thiệu cho biết chỗ buôn, thuê giúp quầy hàng ở chợ Trương Minh Giảng... Chúng tôi quyết định thằng Minh phải học đến nơi đến chốn, phải học xong Tú tài!

Tôi mỉm cười hiểu ý nhưng vội quay đi.

Vừa lúc đó Mẫn, Khanh, Liễu đi xi-nê về. Chúng chào tôi “Lạy bác ạ” miệng dẻo như kẹo. Riêng với Mẫn tôi nói:

- Ủ, hai năm nữa cháu vào Đại học xá sẽ gặp bác!

Tôi nghĩ thầm tiếp ngày đó bác sẽ lại bảo cháu: “Thôi cứ gọi tôi bằng anh cho tiện, anh em cả mà!”

Tôi nhận lời ở lại ăn cơm chiều với gia đình Tiến. Trong bữa ăn, Tiến tự nhiên nói về ý kiến sáng tạo. Khuôn mặt anh suốt trong câu chuyện trở lại trang trọng hẳn.

Anh nói:

- Tôi đã từng lặn lội đi tận Long Xuyên, Rạch Giá “làm ăn”, cố cho thằng lớn học hành đến nơi đến chốn. Tôi không sáng tạo gì cho chính bản thân tôi, nhưng tôi đã sáng tạo tương lai cho con tôi. Thằng lớn nay đã thành đạt, nó sẽ vào đời, đau khổ với đời, tranh đấu với đời, uốn nắn sửa chữa, phản ứng lại đời... Nó thắng lợi là tôi thắng lợi phải không cậu? Tôi đã đọc tập sách cậu tặng hôm nọ. Hãy là xếp những câu khen chê sáo ngữ đi, nhưng không ai phủ nhận rằng trong hoàn cảnh này kẻ cầm bút như cậu không thể không mang nặng niềm ước vọng chân thành sáng tạo để nói lên cái gì u uất trong lòng, trong khi quanh chúng ta biết bao cảnh nửa người nửa ngợm, lửa tham vọng đốt cháy tình cảm, chỉ còn khói khét bốc lên và lũ hầu hạ ôm đàn lên ca ngợi hình ảnh sương khói thơ mộng mùa thu.

Xong bữa cơm dễ thường đến mười giờ khuya, tôi rủ Tiến xuống Đại học xá thăm “cháu Minh”. Anh bằng lòng. Tôi từ biệt chị Tiến cùng anh lên tắc-xi.

Tiến ngồi bên tôi im lặng không nói gì nữa. Tôi đưa mắt ngắm nét mặt thoải mái của anh trong bóng tối lờ mờ. Con anh quả đã là cánh tay nối dài của anh để hái một trái mộng, mộng sinh viên.

Mới hơn mười giờ khuya mà Đại học xá đã khá im

lặng. Những sinh viên đỗ khóa đầu thì đi nghỉ mát xa, những sinh viên phải thi khóa hai thì bắt đầu “cày”. Đi qua phòng 1 (phòng anh ở ngày đầu dãy), tôi nghe tiếng anh vỗ đùi kêu: “Thôi chết rồi, còn chưa đầy một tháng nữa thi mà bồ ấy chưa trả cuốn *Pathologie* có chết không.”

Tới phòng Minh ở, Tiến rón rén bước rồi dừng lại, để một ngón tay lên miệng ra hiệu cho tôi dừng theo. Bên trong, dưới ánh đèn nê-ông sáng xanh, Minh đang chăm chú cúi đầu xuống trang sách. Tóc hắc đen, da hắc trắng, càn trắng dưới ánh đèn nê-ông.

Tiến ghé vào tai tôi nói khẽ:

- Thôi chúng ta rút lui để cho cháu nó học.

Khi đã ra xa, Tiến nêu một nhận xét rõ ra là một cựu sinh viên Văn khoa:

- Cậu có thấy không – nhận xét của anh – nhìn một sinh viên chăm chú đọc sách dưới vùng ánh sáng xanh, bên ngoài bóng tối vây bọc, tôi nghĩ đến ánh đèn của những thư sinh trong Liêu Trai.

Tới cổng Đại học xá, tôi muốn kéo Tiến về phòng tôi, anh nói (khuôn mặt, ánh mắt của anh dưới ánh đèn khi đó vui như trẻ thơ):

- Thôi lần này chúng ta hết chuyện rồi, cậu cho tôi về.

Tôi tiễn anh ra ngoài cổng, đường Minh Mạng giờ này vắng tanh, thỉnh thoảng một chiếc tắc-xi có khách vụt qua. Bóng ngôi nhà thờ gần đấy đượm vẻ trầm mặc với gác chuông cao vút ngang với hai hàng cây sao. Chiếc xích-lô máy bè bè, bóng anh xích-lô lực lưỡng ngồi cao lênh khênh che lấp bóng Tiến mà tôi biết cũng vào hạng lực lưỡng, chiếc xe rồ máy rồi tiến vun vút dưới hai hàng cây sao đổ bóng xuống con đường vắng lặng lốm đốm ánh điện. Chiếc xe khuất sau đầu đường Ngã Sáu như

mang đi một thế hệ cũ với những ước vọng, thắc mắc cũ đã một phần nào được giải quyết. Thế hệ đó ra đi để lại đằng sau một thế hệ mới với những ước vọng thắc mắc mới trong một hoàn cảnh mới. Tôi là cái gạch nối. Bầu không khí u uất – cơn giông – một trận mưa đổ xuống cho trời rạng dần. Tôi vẫn có ý nghĩ lạc quan thế để cười vào mặt mọi điều bạc, hèn hạ, ngu xuẩn của đời.

CON CHUỘT CHÙ

Một tiếng động làm Kha sực tỉnh. Chàng đã ngủ được một giấc dài rồi thì phải. Tiếng động đó kèm theo với tiếng kêu – nói là tiếng thở thì đúng hơn – “hức hức” rất đều.

Lại con chuột chù quanh quẩn dưới gầm giường.

Căn nhà xinh xắn của Kha, Miên mới mua đều được các bạn bè khen là ngăn nắp và thoáng, thoáng vì có ba bề cửa. Hai phòng và một gác xép để ở (con bé ở ngủ trên gác xép), bếp nước, phòng tắm riêng biệt, Miên ngủ phòng trong, Kha làm việc phòng ngoài. Viết xong, hoặc khảo cứu xong hoặc đọc xong, Kha trở vào phòng trong ngủ. Nhưng cũng nhiều khi Kha ngủ luôn ở chiếc sập gỗ phòng ngoài (chàng vẫn gọi đùa là chiếc *divan local*). Những buổi tối có bạn ngồi nói chuyện lâu, khi bạn ra về bao giờ Miên cũng mắc màn trước trên chiếc *divan local* ấy. Miên biết những hôm đó Kha phải làm việc khuya để đuổi kịp thì giờ.

Từ lúc sực dậy Kha lắng nghe...

Con chuột vẫn luẩn quẩn dưới gầm giường, tiếng thở nhẹ hơn nghe như tiếng thút thít.

Hàng tuần Miên cho rửa nhà vào sáng thứ Bảy. Những viên gạch tàu sạch bóng và đỏ ửng làm Kha nhớ

đến màu nước sông Hồng miền Bắc và những lò gạch Bát Tràng ngay sát bờ sông. Kha không khỏi không khó chịu khi nghĩ đến cái khối nhỏ hôi ẩm là thân hình con chuột chù đang lê sát trên những phiến gạch thơm mát đó.

Kha ôn lại mấy tháng trước, khi Kha, Miên vừa dọn đến căn nhà mới mua này. Thoạt là một con chuột nhỏ dài, lúc nó bò luồn vào gầm tủ trông như một con sâu lớn biết chạy, thực ghê tởm! Kha, Miên cho quét vôi, sơn cửa lại. Trong khi khiêng tủ ra, người thợ quét vôi đã nhanh tay dùng cán chổi kẹp được đầu con chuột vào chân tủ.

Nhà cửa sơn quét lại phong quang hẳn trông như rộng ra, con chuột chù thanh toán xong, Kha thấy nhẹ người. Chừng hai tuần lễ sau, đương đêm ngủ Kha nghe tiếng “chút chút” bên dưới gầm giường: là một con chuột chù khác không biết từ đâu xuất hiện. Kha nghe tiếng nó tha giấy về phía cầu thang. Chiếc thang lên gác xếp này được đặt trên cái hộp gỗ như hình cái bục nhỏ. Kha đoán là con chuột chù mới định làm tổ bên trong khoảng hộp kín đó. Trời ơi, chỉ một con thì thọt trong nhà đủ làm Kha bứt rứt khó chịu như bị dằm tay mà chưa nhổ ra được, nay nó lại định thiết lập cả một tổ chuột chù trong nhà! May sao, chừng ba, bốn hôm sau, con bé ở đương ngồi giặt quần áo ở khoảng sân nhỏ gần bếp thì con chuột chù từ phòng nhà trên lao xuống. Mặc dầu không có ai đuổi, nó cũng kêu “chít chít” rồi cuống quýt chúi đầu lẩn sau thùng dầu. Con bé ở bỏ giặt, tay cầm chiếc guốc tới kéo mạnh thùng dầu sang bên. “Con sâu” dài ngoằng, đen chũi và có đuôi đó lẩn này thì cuống cuống thật sự, nó chạy bỏ trở lại đường cũ, con bé dùng chiếc guốc đập chặn nhưng không trúng, con chó lớn hàng xóm từ cửa bên hông xô tới húc đầu vào con chuột. Thế là con chuột quay đơ, giãy đành đạch mấy cái rồi chết. Cung cách cuống quít của nó khi chạy tựa hồ như cách nói lắp bắp của một người thiếu thông minh không biết ứng đối ra sao với người khác giễu

mình, rồi khi bị mồm chó vừa đụng vào đã chết thực y hệt cái chết của hạng người dẫn độn, dẫn độn thương thay đến mức sống và chết hầu như không còn ranh giới nữa. Con chó ngẩng đầu lên rồi lẳng lặng quay ra cửa bên hông (nó cũng biết khinh giống chuột chù), con bé ở chỉ việc xách đuôi con vật nhỏ, nát nhéo vút vào thùng rác.

Miền nói với Kha:

- Còn cống rãnh khó lòng mà thoát được chuột chù vào như vậy anh ạ.

Nghĩ một lát, Miền tiếp:

- Hình như giống chuột chù chỉ từ cống ngoi lên đến mặt đất là tới cao độ của chúng.

Dù sao thì Kha cũng thoát cái ám ảnh chuột chù trong một thời gian và chưa biết tìm cách đối phó với những con sau ra sao. Đêm ngủ, Kha lắng nghe tiếng chuột rúc trên trần nhà bên hàng xóm. (Thành thử Kha bây giờ lại hay để ý đến chuột!)

Nhà bên là cửa hàng tạp hóa của một người Tàu đã nhập Việt tịch. Một cửa hàng tạp hóa có lẽ phải do người Tàu chủ trương mới lột được hết tinh thần của hai chữ "tạp hóa". Ngoài hiên, dưới mái vẩy bằng tôn là chiếc tủ đóng đơn giản, chia ra từng kệ, trên để từng chồng chậu sành, bát sứ loại rẻ tiền. Dưới gầm tủ ngổ ngang những tìn nước mắm Phú Quốc, Phan Thiết. Trên nóc tủ là những thùng tôn lớn nhỏ đủ các cỡ, lớn là những thùng gánh nước, nhỏ là những thùng vục nước. Sát tủ dựng chổi đót, chổi cọ. Treo lủng lẳng bên trên là những chổi nhỏ bằng rễ tre, những bàn chải lớn cũng bằng rễ tre. Góc hiên đối diện với tủ là chiếc xe ba gác dùng để đi lấy hàng. Phía trong, ba bề tường là ba chiếc tủ cao sát trần nhà bày những lọ trà, những chai la-de, nước cam, nước suối Vĩnh Hảo... ngăn thấp bày rau, củ cải, cà-rốt... Ấy là chưa kể một quầy bằng gỗ tạp kê khoảng gần giữa nhà làm nơi

thu tiền và để sổ sách... Ấy là chưa kể còn mảng tường trống bên trong, đóng nhô ra một bàn thờ cũng bằng gỗ, thờ Quan Công. Mười một giờ khuya, giờ đóng cửa, chiếc xe ba gác được đẩy vào, rồi những thùng tôn, những tin nước mắm, những chậu sành bát sứ, chổi đốt, chổi cọ... được chất đống dưới sàn, trên xe. Như thế thì quả thực chuột cũng không còn chỗ chen nữa. Phải chăng vì vậy mà chúng kéo nhau lên trần.

Và đêm nằm chú ý phân tích tiếng kêu của chúng, Kha thấy cũng thú. Có lúc hai con cắn nhau rồi chí chóc cả lũ y như một gia đình vợ chồng đánh nhau, đàn con khóc bù lu bù loa bên ngoài. Có khi đó là tiếng kêu của con chuột trườn mình ra cửa sổ, các con khác vừa né mình nhường lối vừa như càu nhàu. Cứ nghe cái điệu trườn mình, Kha cũng hình dung được thân hình chắc nịch của con chuột. Có lúc tiếng kêu thêm thiếp như con nọ làm nũng con kia, đó là lúc cả gia đình nhà chuột đã yên tề yên tất, con nào chỗ nấy.

Những con chuột ở trên cao này – lẽ cố nhiên không phải là chuột chù – chúng bạo và khôn. Đã có lần qua hiệu tạp hóa vào lúc vắng khách, Kha chứng kiến cảnh một con từ trên trần tuột theo chiếc dây thừng xuống ăn cắp một củ cà-rốt lớn rồi lại leo ngược lên. Kha liền tưởng lại hồi nhỏ chàng bầy chuột nhắt ở bếp bằng cách chống cái rá lên bằng một chiếc que có dây buộc ngang, dưới rá rắc gạo. Khi chuột nhắt vào ăn gạo, Kha giật dây cho rá ụp xuống. Thường thì chỉ lừa được một con đầu, con thứ hai đã biết ra phía sau ẩn cho rá ụp lệch xuống, rồi đàn hoàng bò quanh lại nhặt những hạt gạo. Trông con chuột nhắt lúc đó sao mà hóm hỉnh. Về sau này Kha vẫn thường có ý ví những con chuột nhắt đó với người dân quê nghèo nhưng tinh khôn trong việc sinh nhai độ nhặt. Nhưng còn giống chuột chù biết ví với gì bây giờ. Cả một vùng hời hám nó tỏa ra để tự vầy bọc như thế thì làm sao nó chẳng

yếu đuối về thể chất và ngu độn về tinh thần? Kha nhớ lại lời các cụ xưa và ví thắm trong ý nghĩ: Những nhà ăn ở thất đức, giàu sang bất nghĩa thường hay sinh ra lũ hậu duệ đần độn, dở hơi như vậy.

Mới tối hôm qua đây và có lẽ cùng vào giờ này, con chuột chù mới – con thứ ba – xuất hiện. Con này lẩn thẩn hơn hai con trước, đã dám leo lên đầu giường Kha khiến chàng phải vùng dậy rồi với lấy chiếc then cửa định đập chết, nhưng nó nhanh chân chạy vào buồng trong – buồng Miên – buồng này nhiều đồ đạc nên Kha đành chịu. Mùi hôi của con chuột đó còn vương vất mãi ở khoảng màn chiếu nó vừa bò qua. Cho nên đêm nay, nghe con chuột lẩn quẩn bên dưới, Kha e rằng nó sẽ lại leo lên đầu giường như đêm qua, chàng cương quyết vùng dậy, bật đèn sáng trưng, đóng cánh cửa thông vào buồng trong. Căn phòng kín, chỉ còn hai cửa sổ mở. Một tay lăm lăm cầm chiếc then cửa dài, một tay cầm chiếc guốc. Biết thế nguy, con chuột chạy luồn dưới tủ sách, qua gầm bàn định vào buồng trong. Thấy cửa đóng, nó lúi ỉn dưới gầm tủ đựng ly chén và không quên kêu lên mấy tiếng “chút chút” mà Kha cho là tiếng kêu ngạc nhiên. Kha khua chiếc then gỗ xuống gầm tủ đựng ly chén, con chuột kêu lên một tiếng lấy đà chạy ngược trở lại tủ sách và chui vào gầm sập. Kha kéo chiếc sập ra một chút rồi ấn mạnh vào, những móng chân sập sẽ kẹp chết con chuột vào tường. Lại một tiếng kêu và bóng đen chũi của nó chạy chéo qua gầm bàn. Trong khi nó quanh quẩn trước cánh cửa đóng chưa biết tìm lối thoát bằng cách nào, Kha đã chạy tới đập chiếc then cửa xuống. Con chuột không bị trúng vào đầu gậy chỉ bị kẹp một chút. Nó kêu “chóe” quấy mạnh rồi vùng ra được để chui vào gầm tủ đựng ly chén, mẩu bánh mì ngậm ở miệng rơi ra. Nó đã kiếm được một mẩu bánh mì!

Con này khá mạnh – Kha nghĩ thắm – chắc là “chuột

thanh niên” đây, cứ nát nhẽo như hai con trước thì một cái đập vừa rồi đủ quay đơ.

Có tiếng động, Kha quay nhìn đã thấy nó lúi lũi luồn qua tủ sách để trở về “an toàn khu” là gằm sập. Kha cúi xuống không nhìn thấy nó đâu. Nó đã kiếm được chỗ lẩn riêng biệt nào đó phía trong cùng.

Vẫn lăm lăm tay then, tay guốc, Kha đứng rình ở góc của ra vào ngoài cùng. Nếu được nhìn hình mình trong gương lúc đó, Kha hẳn phải buồn cười và ngạc nhiên. Sát khí đằng đằng! Có tiếng cựa mình phòng trong. Miên đã dậy và biết chàng đương rình đánh chuột. Nàng không hỏi gì. Có tới ba phút qua, con chuột không nhúc nhích. Sự yên lặng trong căn phòng xúc động từ tâm của Khoa, sự yên lặng của tử thần mà chàng là đại diện! Kha nghĩ vậy rồi chui vào màn nằm xuống, vẫn để đèn bên ngoài. Chàng lắng nghe. Bên dưới không cả tiếng thở của con chuột. “Con chuột thanh niên” này không những mạnh lại còn thông minh nữa, thực là vào hạng ưu tú của giống chuột chù. Kha nhắm mắt. Chàng có thể chợp ngủ và thậm chí mong con chuột nên biết lợi dụng lúc đó mà leo lên chiếc ghế dựa vào tường kia thoát ra ngoài bằng cửa sổ. Chàng đã chợp ngủ thật! Khi chàng mở mắt ra, con chuột chù đương tìm lối thoát qua khe cửa vào phòng trong và khe cửa bên hông ngay gần đấy (hai cửa này hợp thành hình thước thợ). Nó cố bò dẹp người, những muốn mỏng như tấm “các” để có thể chui qua, nhưng không được. Nó bèn nhảy cao mấy cái chạm vào cửa rồi rơi xuống. Bản năng giết chóc thức dậy trong Kha và chàng vùng dậy tay then, tay guốc tiến lại, chàng đập khá mạnh chiếc then, tiếng kêu khô khan vang trong đêm khuya (chắc Miên bên trong đương mỉm cười). Thanh gỗ thì cứng quá, tay chàng thì vụng – xưa nay chàng vẫn vụng – chàng đập trượt, con chuột chui kịp vào gằm tủ ly chén. Mẩu bánh mì

vẫn còn lẩn lóc đó, nó chỉ nghĩ đến cách thoát thân không buồn nhặt lại nữa.

Kha vừa luồn then xuống gầm, con chuột đã kêu lên một tiếng rồi như một con chó cùng đường liều nhảy xổ ra định cắn người đánh mình, Kha luống cuống tránh sang một bên. Sự thực nó cũng chỉ cuống quýt chạy liều như vậy. Giờ đây nó đã trở về “an toàn khu”. Kha kéo cái sập ra một chút và trông thấy bóng nó ở góc trong cùng chân sập. Rón rén trèo lên sập, gạt màn chiếu sang một bên, Kha lao chiếc then xuống, chiếc then bị mắc lưng chừng vì khoảng trống giữa tường và sập quá hẹp, con chuột chạy lại phía cửa cũ, nhảy lên cao mấy cái, dáng thật tuyệt vọng, Kha đã chạy tới và tay then lần này có đập trúng nhưng không được mạnh lắm, con chuột rú lên một tiếng, oằn mình lại và vẫn chui thoát vào gầm tủ ly chén như thường, lần này vì sợ quá nó “bĩnh” ra một cục xinh ngay gần mẩu bánh mì. Kha khẽ lắc đầu thương hại, nhưng bản năng thô bạo thuần túy đã vùng dậy kêu gào Vĩnh Cửu, cả tình cảm lý trí của “con người văn hóa tích lũy” ở chàng tuy vẫn hiện diện vừa xao xuyến vừa thê thiết đấy, mà đành cam chịu cảnh bắt lực “không thể đem voi bỏ rọ”. Chàng hăm hở tiếp tục khua then xuống gầm tủ. Không thấy động tĩnh chàng đứng dậy nhìn xuống góc, đuôi con chuột thò ra ngoài quá nửa. Với những người bạo tay thì chỉ việc chộp đuôi nó nhắc bổng lên, quật mạnh xuống là xong, nhưng Kha vốn ghê những cái gì nát nhéo động đậy như đĩa và chuột, nhất đây lại là chuột chù, chàng chỉ khẽ đập chiếc then... Như lần trước, con chuột kêu lên một tiếng rồi nhảy xổ ra, tiến về phía cửa ra vào, dẹp mình xuống nhưng không chui nổi, đành rẽ vào “an toàn khu”. Thế là con chuột khám phá thêm một cửa lớn nữa, nhưng cửa đó cũng kín như hai cửa kia chẳng giúp ích gì cho nó. Bị đập trúng hai lần, bộ lông nó có xơ xác và dáng chạy hoảng hốt nhiều, tựa như vừa chạy vừa run lập cập.

Kha chống then, đứng nguyên chỗ cũ thân người suy nghĩ. Nghĩ lại mười năm trước đây hồi còn kháng chiến, chàng được cử đến mấy trại tù binh người da trắng để hỏi khẩu cung, khai thác tài liệu. Phần nhiều họ thuộc đoàn Lê dương nên gồm gần đủ quốc tịch Âu châu: Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hung, Đức, Áo... (không có Anh). Mấy người lính Tây Ban Nha có vẻ cần cù, thật thà đôi khi thô lỗ, họ là dân những miền núi hẻo lánh phía Bắc: Andorre, Pampelune, Cantabria,... và đã từng tham gia cách mạng chống Franco, bị truy tẩm riết đành phải bán xới quê hương, đăng vào đội Lê dương. Mấy tù binh Pháp, Ý, có vẻ tinh quái lém lỉnh riêng của họ, tựa như gặp cảnh nào họ thích ứng để vui với cảnh đó. Mấy người Đức trầm lặng hơn, hình như trước họ thuộc đoàn thanh niên Quốc xã của Hitler. Mấy người Hung luôn luôn khoe kinh thành Budapest của họ thơ mộng hơn Paris; họ đã từng theo phe tiểu tư sản địa chủ chống nhau với Cộng sản cho đến khi Cộng sản hoàn toàn thắng thế, họ phải chạy ra nước ngoài rồi gia nhập đoàn Lê dương Pháp.

Một số bạn Kha khi hỏi cung tù binh da trắng, thường cố tình hỏi mĩa ý muốn thực sự làm nhục họ. Một số khác đồng hơn, đồng ý với Kha là nhục mạ tù binh không làm đẹp thêm chiến thắng của mình, trái lại nữa. Riêng với Kha, từ ngày ấy chàng đã có quan niệm: làm nhục người khác là làm nhục chính mình, nhìn người khác quy lụy – nhất là vì miếng ăn, việc thường hay xảy ra ở trại tù binh – chàng có cảm tưởng như chính nhân phẩm mình bị sa sút. Bất cứ một cá nhân nào, theo ý Kha đều mang trọn vẹn hình ảnh của nhân loại nói chung. Tước đoạt nhân phẩm của một cá nhân là làm thương tổn đến nhân phẩm của cả nhân loại. Mặc dầu cán bộ kháng chiến trong quân đội không hề đeo phù hiệu, nhưng tù binh thường thưa với người hỏi cung mình bằng câu: “*Mon Lieutenant*” (Thưa Thiếu úy). Thoạt cách xưng hô đó có chủ tâm tăng bốc, nhưng nói chuyện

với Kha được một lúc thì chủ tâm tăng bốc đó không còn, chỉ còn một tình cảm gần gũi, thân mật, rất nhân đạo giữa hai người đối thoại. Kha vẫn ôm mộng giang hồ bốn bể, đặt chân khắp năm châu, nên hề đọc được tài liệu nào về danh lam thắng cảnh quốc tế, danh nhân quốc tế, chàng nhớ rất kỹ và rất lâu. Nói chuyện với tù binh Hung, chàng nói về thành phố Budapest, bên Buda có gì đặc biệt, bên Pest có gì đặc biệt, quãng nào con sông Danube có đảo nhỏ, nơi nào có xưởng đúc kim loại, nơi nào là trung tâm sản xuất đồ hộp,... Xen vào những câu chuyện thân mật đó chàng hỏi về quân số, về tên người chỉ huy, tổng số súng lớn nhỏ có trong đồn và số đã bị phá hủy. Tài liệu khẩu cung tù binh của chàng vì vậy bao giờ cũng dồi dào đầy đủ và chính xác. Đó là tự nhiên như vậy, chàng không hề cố tâm dùng phương pháp đó làm thủ đoạn. Một tù binh Đức có cùng Kha đem vấn đề phong trào lãng mạn Đức ra thảo luận. Đòi bên cùng đồng ý phái lãng mạn Đức có một điều khác căn bản với phái lãng mạn Pháp, phái lãng mạn Pháp phản đối phái cổ điển và lý tưởng thơ của họ, ở Đức trái lại lãng mạn và cổ điển sát cánh nhau để phê phán cái ngạo mạn của thứ duy lý ngớ mình là vạn năng. Lãng mạn không phủ nhận những thành công của duy lý, họ chỉ có tham vọng tiếp tục công việc của duy lý với một phương pháp hoàn bị hơn.

Câu chuyện với người tù binh Áo nhẹ nhàng hơn, Kha nói Kha mến tâm hồn nghệ sĩ của người Áo. Kha nhắc đến bữa ăn điểm tâm ở Vienne với chiếc bánh sữa tròn như trái cam lớn, tách cà phê sữa cũng tròn bằng sứ trắng và dầy, một đĩa nhỏ mạ kền trên có miếng bơ xinh, và một ly pha lê nước lạnh trong veo...

Kha nói bằng một giọng say mê hấp dẫn, chính những người đã từng qua thăm Vienne chưa chắc đã hiểu Vienne bằng Kha. Có lẽ chính anh tù binh người Áo tới lúc đó càng cảm thấy yêu quê hương xứ sở. Anh thần người

giây lâu rồi mới nói: “Thiếu úy đi nhiều lắm nhỉ?” Sự thực Kha chỉ tả theo những bức ảnh, nhưng chàng không cải chính. Bên những chiến công của người Việt, chàng muốn hoàn toàn chinh phục tù binh bằng tinh thần hiểu biết cởi mở của mình. Chàng không cho là mình đã nói dối bởi chàng yêu Vienne như thế thật. Chàng yêu Vienne ở chỗ mỗi một đường phố - như lời chỉ dẫn bên dưới tấm ảnh - là một công trình nghệ thuật, nhưng chàng yêu Vienne nhất ở chỗ cứ nhìn vào tấm hình thì người bồi bàn cũng có vẻ trí thức và giữ được nhân phẩm riêng của họ. Lúc đó - lúc nói chuyện với người tù binh Áo - chàng mong sao kháng chiến sớm thành công để mọi người nỗ lực gây dựng kiến thức cho nhau, gây dựng nhân phẩm cho nhau, tôn trọng nhân phẩm của nhau. Nhân phẩm theo Kha là một cái gì từ trong tỏa ra, chứ không phải từ ngoài đắp vào. Kha lại nghĩ chàng bắt đầu xây dựng nhân phẩm của chàng bằng cách tôn trọng nhân phẩm của kẻ khác (của tù binh chẳng hạn). Sau này chàng còn nghĩ rộng: mọi chính thể chỉ có một con đường duy nhất là minh chứng sự hiện diện của mình bằng hành động gây dựng và tôn trọng nhân phẩm của toàn dân. Hành động ngược lại thì dù lời hoa ý gấm đắp vào thân thể cũng không che nổi sự nghèo nàn của tâm hồn, nghèo nàn vì dối mình dối người. Đã tự dối mình, tự phủ nhận mình như vậy làm sao tìm nổi chân lý?

Tay chống then cửa, dưới căn phòng sáng trưng, bên ngoài có lẽ trời đã sắp sáng, con chuột chù vẫn nín thin thít dưới gầm “an toàn khu”, cả một khối dĩ vãng ủa về với những kỷ niệm tù binh, như vậy có liên lạc gì với hiện tại? Kha hiểu liên lạc ở chỗ chàng không sung sướng gì trước cảnh những người hay những vật gặp bước đường cùng. Chàng chạy lại kéo chiếc sập ra một chút nữa: tấn bi kịch giữa người và vật cần kết liễu sớm, nhẹ cho con chuột, nhẹ cho chàng. Bóng con chuột thờ hờn hển ở góc

trong cùng kia bây giờ trông khá rõ. Kha trèo lên giường, phóng đầu gậy xuống. Tuy không trúng nhưng con chuột cũng kêu lên một tiếng thất thanh và chạy ra phía cửa ra vào. Lòng nó xác xơ lấm rôi, dáng bò khật khưỡng lật đật, nó quay đi, quay lại trước cửa ra vào, nhảy lên mấy cái vô cùng tuyệt vọng. Kha đã nhảy xuống, đập được một gậy vào trúng ngang lưng, con vật khốn nạn cố vùng vẫy, thành ra nằm lật ngửa. Kha ép mạnh chiếc gậy, nó chỉ kêu được một tiếng nhỏ nữa rồi mồm há và ọc ra một ngụm máu, hai chân trước bị chặn dưới gậy, hai chân sau tiếp tục giẫy, nó nằm tênh hênh, Kha nhận ra đó là con chuột đực. Nhịp giẫy của hai chân thưa dần, nó ngáp, miệng tiếp tục nhỏ thêm mấy giọt máu đen quánh: sự sống đang tan rã trong nó. Sau cùng nó thôi giẫy, hai chân buông ngật ra, đồng thời từ hạ bộ ứa ra một chút nước lấp lánh dưới ánh đèn. Người ta thường bảo những người bất đắc kỳ tử trong khi cố giẫy giụa với cái chết, sau cùng thường xuất tinh khí, con chuột này cùng một trường hợp đó chăng? Thế là sau một tiếng đồng hồ săn đuổi, Kha đã đoạt được sự sống của con vật. Hối chuông nhất vang lên từ nhà thờ gần đấy (vào lúc bốn giờ rưỡi sáng) nghe như báo khúc tang ai.

Kha dùng chiếc kim cặp đuôi con vật, mang ra bỏ vào thùng rác trước cửa, dùng guốc xoa khoảng máu nhỏ để lại, rồi chẳng buồn kê lại giường, chàng chỉ mở cánh cửa thông với buồng trong, rồi tắt đèn chui vào màn ngủ.

Khi chuông đồng hồ hàng xóm gõ năm giờ, chàng sực dậy, tưởng như có nghe tiếng động dưới giường. Chàng nghĩ thầm nếu quả có con chuột khác xuất hiện thì lần này với kinh nghiệm sốt dẻo chàng có thể thanh toán nó xong ngay. Nhưng không phải.

Sáng dậy, Miên từ phòng trong ra hỏi: "Anh đánh chết được con chuột rồi?" Kha gạt đầu đáp: "Anh đã vất vào thùng rác!" Vệt máu đen trước cửa ra vào, mẩu bánh

mì và cục phân nhỏ trước cửa vào buồng trong là những di tích. Hôm đó là thứ Bảy, Miên cho rửa nhà. Con bé ở xối nước vào chân thang gác, ba con chuột nhỏ từ bên trong hộp gỗ trôi qua ra lỗ hổng và bị con bé đập chết tức khắc. Kha hiểu tại sao con chuột bố định tha mẩu bánh vào, và tại sao mấy lần nó nhảy chồm lên cao một cách tuyệt vọng trước cửa đó.

Buổi chiều hôm ấy, Kha mở cửa tủ lấy chiếc sơ-mi thoáng thấy dưới chân một bóng đen: một con chuột chù khác vừa từ gầm tủ nhô ra, bò quờ quạng như mù dờ, khế ngộ nguậy cái đầu... Đúng như con chuột mất hồn, nó không nhìn thấy chân người đứng gần đấy sao? Nó bò cứng nhắc và uể oải như con chuột giả, như con chuột chạy bằng lò so và vào lúc lò so đã duỗi ra gần hết. Kha cúi đầu, rút guốc ra và ném đúng vào con chuột. Nó chết ngay. Đó là con chuột cái cô độc ngơ ngác đi tìm chồng, tìm con. Nó chết như ngủ, hay đúng hơn như tỉnh khỏi một ác mộng.

Lý trí nói: Kha đã thanh toán được cả ổ chuột chù trong nhà; bệnh dịch hạch chớm phát ở một tỉnh duyên hải, sự thanh toán đó càng đúng lúc.

Nhưng nhiều ngày sau đó, mọi lần nhìn đứa trẻ con hàng xóm ngáp, Kha lại liên tưởng ngay đến con chuột ngáp và ứa máu dưới thanh gỗ chặn ngang ngực, với ít nhiều thắc mắc ngẫm ngùi.

TỰ DO LINH HỒN

1

Sáng Chủ nhật, trời sà xuống thấp hoài và mưa rơi rào rào... Trận mưa sáng này tiếp tục trận mưa đêm hôm qua. Những trận mưa trái mùa! Ít khi tháng Giêng âm lịch mà miền Nam có mưa lớn như vậy. Nhưng chỉ trái mùa theo quan niệm thủ cựu của người, trái lại với cây cỏ thì những giọt mưa rả rích vào giữa mùa nắng này mới quý làm sao. Vào lúc mưa thưa hạt hay tạm dứt, cây phượng ngoài sân rủ cành xuống la đà như vừa thường thức dư vị trận mưa qua vừa thành thời chờ đợi trận mưa tới. Không biết là lần thứ mấy trời lại âm u thấp xuống. Và mưa rơi. Thanh vẫn ngồi nguyên chỗ cũ nhưng đưa mắt nhìn quanh gian nhà và dừng mắt lại nơi treo áo mưa.

- Phải đến thăm Tú vào đúng lúc mưa này – Thanh nghĩ – chỉ còn một tuần nữa tới ngày cưới.

Vẫn từ chỗ ngồi nhìn qua cánh cửa hé mở, Thanh thoáng thấy dáng cô nữ y tá lướt qua đường, khuôn mặt trái xoan, nước da rám hồng, đôi môi màu đậm đà hơn. Thanh thấy cô ngược nhìn trời đón những hạt mưa lất phất, vô cơ nhòe miệng cười, hàm răng trắng đều, rồi khuất. Từ ngày Thanh sắp lấy vợ, cô không “xung phong” giúp Thanh việc bếp núc như xưa nữa; hơn thế mỗi khi qua cửa cô cũng chẳng buồn đưa mắt nhìn vào nhà. Cửa nhà

Thanh hôm nay tuy hé mở, nhưng với cô cánh cửa đó đã vĩnh viễn đóng, Thanh giữ lấy hình dáng cuối cùng của cô trong trí nhớ - (lúc cô ngửa mặt nhìn trời đón những hạt mưa lất phất) - để tiếp tục nghĩ thầm: “Mình chỉ phải cúi xuống một chút và hai khuôn mặt giáp nhau theo một góc độ nào đó là gặp được đôi môi ấy như đêm hôm nào lần đầu tiên hôn Tú.”

Thanh chưa kịp đứng dậy khoác áo mưa thì mưa đã tạnh. Mưa tạnh hẳn chẳng vì trời hết âm u và sáng dần... Chợt một tia nắng vàng lọt khỏi kẽ mây chiếu xuống, phút chốc vạn vật chan hòa trong nắng vàng như một nụ cười bất ngát. Cả nắng cả mưa đều hữu lý! Nhưng giờ đây nắng, việc khoác áo ra đi trở thành vô lý và cả việc đến thăm Tú cũng không còn động cơ quyến rũ. Sự vắng lặng của căn nhà lúc này thật hợp với lòng ước muốn của Thanh.

2

Thời còn ở Hà Nội, Thanh đã ưa đọc sách Phật vì luôn luôn được nghe cha – Khóa – giảng về đạo Phật. Thanh thuộc các mẩu chuyện đạo, các dụ trong kinh Phật, và thuộc lòng những điểm chính đời Đức Thế Tôn để kể lại cho người khác nghe, Thanh kể thuộc lòng:

“Gần 3.099 năm về trước, Thái tử Tất Đạt Đa sau khi dạo khắp bốn cửa thành, mục kích những thảm cảnh già, đau, ốm, chết, Ngài bỏ cung điện quốc thành đến rừng khổ hạnh nơi núi Tuyết, quyết chí tu hành những mong tìm đường giải thoát cho chúng sinh. Mỗi ngày chỉ ăn một hột vừng, thân thể gầy ốm, xiêu đổ mà Đạo chẳng tìm ra, Ngài thấy rằng tu khổ hạnh đầy đoạ xác thân không phải là con đường tìm ra

Đạo. Một lần xuống sông Ni Liên Thuyền tắm gội, gặp người dâng sữa Ngài uống, sức khỏe hồi phục, Ngài lần đến cội Bồ Đề mát mẻ, ngồi xuống phát thệ rằng nếu không thành Đạo sẽ không rời khỏi chỗ đó."

Câu chuyện về tiểu sử Đức Phật Thích Ca trên, Thanh nói được một năm, sang năm thứ hai Thanh thuộc thêm chi tiết đoạn cuối:

"Đêm đó Ngài át được tất cả các ma quái. Quỷ vương Mara - chúa tể của Ái tình và Tử thần - đã vận dụng hết sức lực mà cũng không làm loạn tâm Bồ Tát. Canh hai, Ngài chứng quả Túc Mệnh Minh thấu suốt được quá khứ; canh ba, Ngài chứng quả Thiện Nhân Minh thấu lẽ sanh, trụ, di, diệt của vạn pháp; canh tư, Ngài chứng quả Lưu Tận Minh biết rõ nguồn gốc đau khổ của chúng sinh là vô minh. Vì chúng sinh Ngài không nhập Niết Bàn tịch mịch mà còn ở lại bốn mươi chín năm truyền Đạo, gieo hạt từ bi bác ái làm cầu nối giữa Mê và Ngộ, giữa phù hoa của thế sự với an lạc của chân tâm."

Thoạt đầu, cậu học trò Thanh kể sự tích của Đức Phật cho bè bạn nghe như con vẹt, nhưng rồi lâu dần có một cái gì siêu hình của đạo Phật thấm vào tâm hồn cậu như hương sen thấm vào cánh trà, như một hạt giống nảy mầm rồi bén rễ vào đất màu. Tính tình Thanh từ nhỏ vẫn trầm mặc, càng lớn Thanh càng ưa suy nghĩ. Vô tình, thái độ ưa ngó vào trong đó đã hợp với thái độ nhà Phật đặt cho con người đối diện với chính mình, để vừa nhìn vào điểm nguồn cội ở chính mình vừa vì thế mà quán thấu cả vũ trụ vô biên.

Ngày đó Khóa có lần nhập cảnh một chuyến phim ảnh Kodak, được hãng sản xuất biếu những bức hình đẹp để quảng cáo. Khóa chọn treo trên tường hình một thiếu nữ mặc áo voan ngồi trong phòng trang điểm, đùi và ngực có đôi chút hở hên. Đi học về thấy thế, Thanh lên

tiếng thống trách bố mẹ: “Cậu mẹ treo bức hình đó, người ta cười cho không đúng đắn!”

Khi Thanh đã lên gác, Khóa đưa mắt nhìn vợ mỉm cười nói:

- Cái thằng nó lại “bảo hoàng hơn Vua”, muốn vượt cả bố nó về phương diện diệt dục trong đạo Phật!

Rút cục, Khóa phải nhượng bộ mà cất bức hình đó đi, treo thay vào bức hình khác chụp lũ cá vàng đương bơi trong bể kính.

Thanh tiếp tục đọc những sách khảo luận về đạo Phật, những kinh Phật, những nguyệt san truyền bá Phật giáo. Bước vào rừng Thiển như chim trích lạc vào khu rừng già, nhưng Thanh quyết tâm gỡ mối bằng cách ghi chép những nét chính. Chân lý vốn đơn giản nhưng khi đã chuyển mình thì thiên sinh vạn biệt, ghi chép chính là để giữ vững những rường mối, hoặc lần theo một khía cạnh thiên sinh vạn biệt đó mà tiến tới chân lý. Thành thử nếu vui vui nhận xét kỹ, ta thấy có sự tiến triển từ Khoá (đời cha) đến Thanh (đời con); đạo Phật tràn bờ và hỗn mang ở Khóa thì bắt đầu được gỡ mối cố sắp xếp cho thành hệ thống ở Thanh.

Đọc những ghi chú của mình, nói và giải thích về những ghi chú của mình, suy nghĩ về những ghi chú của mình, Thanh lắng lòng lại và muốn thể hiện chân không trong trí mình. Ngày lên Trung học Đệ nhị cấp cũng là ngày Thanh bắt đầu vào ngành hội họa. Ngày đó tại Hà Nội có hai giáo sư hội họa dạy lớp riêng: họa sĩ C. và họa sĩ N. Thanh đã theo học họa sĩ C. chẳng phải họa sĩ này đã trang trí cho đêm kịch kỷ niệm ngày Phật Đản tại nhà Hát Lớn, mà vị họa sĩ C. giữ được phong độ bất khuất của người nghệ sĩ, trong khi N. mở phòng triển lãm dành khoảng trống vọng nhất tại giữa phòng để treo bức hình lớn nhất của viên thủ tướng! Sau đó N. còn đi cầu cạnh

viên thủ tướng cử đại diện đến khai mạc. N. biết làm như vậy sẽ được giới chính quyền xu nịnh đương thời mua nhiều tranh. Quả thực N. đã không nhầm. Nhưng cũng vào hôm khai mạc, một nhà văn quen biết cùng thể hệ với N. dừng lại khá lâu trước bức họa chân dung viên thủ tướng. N. đon đả tiến lại, nhà văn vẫn ra chiều ngấm nghĩa bức chân dung gật gù nói rất ngọt: “Cả phòng hội họa có bức này toa vẽ đẹp hơn cả!”

Thanh theo học hội họa được ba năm thì hiệp định Genève. Cũng là năm Khóa cam chịu khánh tận, di cư vào Nam với hai bàn tay trắng. Chân ướt chân ráo tới Sài Gòn, Khóa đã cùng vợ đi Nha Trang giúp một người bạn thầu khoán. Thanh ở lại Sài Gòn, thuê túp lều tranh gần đường Chí Hòa, một mặt giúp việc trình bày và minh họa cho tờ Văn Hóa của Khiết, một mặt tự trau dồi nghệ thuật bằng những tác phẩm vẽ bột màu hoặc sơn dầu.

Khám phá ra Thanh là họa sĩ, Khiết – ông chủ báo Văn Hóa – mừng như tìm được một đồng chí trung kiên trên con đường cách mạng. Khiết gọi Thanh là “họa sĩ nhà”.

3

Hà Nội yên tĩnh với mặt hồ Gươm phẳng in bóng tháp Rùa, với chùa Trấn Võ uy nghi, với hồ Tây rộng càng rộng mênh mông mỗi buổi chiều mặt trời ngả bóng về phía núi Ba Vì xa. Cánh đồng trung châu miền Bắc yên tĩnh với những lũy tre làng, với những cánh đồng bát ngát, với tiếng chuông thu không. Ở cảnh trí miền Bắc như vậy Thanh mới có thể lắng lòng lại mà suy nghiệm về lý chân không của nhà Phật. Vào trong Nam ở giữa Sài Gòn với

ánh nắng chói chang, với nhà cao, đường lớn, phố bụi, xe cộ đủ loại đi lại như mắc cửi, đạo tâm của Thanh gặp dịp cọ sát với thực tế và Thanh được dịp thể hiện cá tính.

Đi vào không khí chan hòa ánh nắng miền Nam, thuê nhà một mình ở Chí Hòa, thoát tiên là sự thức giấc của tình trai. Năm 1954 – năm vào Nam – Thanh đã hai mươi bốn. Sự “thức giấc” như vậy xem ra là muộn.

Căn nhà tranh Thanh thuê lụp xụp nhưng rất thơ mộng ở chỗ trước căn nhà có một khoảng sân nhỏ trải cuội, giữa sân có cây phượng vĩ khá cao. Vào mùa nắng tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba dương lịch, hoa nở đỏ ối và những lá nhỏ rụng xuống màu vàng óng. Bên trong căn nhà ngổn ngang giá vẽ, *pallette*, ống bút, sơn, hộp màu, khung, tranh cũ, tranh mới, tranh vẽ dở; trên tường ván ghim những bản vẽ phác lớn nhỏ đủ cỡ. Bàn làm việc bằng gỗ tạp, trên mặt bàn có tấm kính lớn đôi chỗ mẻ vỡ, dưới tấm kính cũng ngổn ngang những *croquis* nhỏ. Thứ đồ sộ nhất và cũng trang trọng nhất trong căn nhà là cái giường gỗ lớn, thấp, trên có nệm và phủ một tấm nhung đỏ thẫm màu tiết dê. Thứ khăn trải giường nhưng này là di ảnh thời gia đình Khóa còn phong lưu ở Hà Nội. Phải nhìn cái giường gỗ thấp, rộng thênh thang đã rất hợp thời trang đó, lại còn phủ một lần nhung vương giả mới thấy hết cái khôi hài của căn nhà tranh lụp xụp làm bối cảnh cho nó.

Một hôm bộ ba Tân, Kha, Luận trong gia đình Văn Hóa bắt chọt xuống đường Chí Hòa tìm tới thăm Thanh. Tân đã trở mắt hết nhìn cái giường lại quay nhìn Thanh mấy lần rồi mới phát biểu một câu:

- Thế này thì thế gian này *tout est possible!*

Kha không dấu được thèm muốn nằm lăn lên giường, quay mặt vào tường, tưởng có thể lập tức làm một giấc ngon lành; trong khi đó Luận vỗ vai Thanh, khẽ nháy mắt hỏi:

- Cậu đã ngủ với người đàn bà nào trên giường này chưa?

Nghe cái điệu Thanh cười hềnh hếch Luận biết là...
“thằng bé chưa dám” càng lắc đầu ngao ngán hơn:

- Rõ hoài! Rõ hoài!

Ngay sát nhà Thanh là căn nhà hai tầng đồ sộ, nhưng không có lấy một mẫu sân và để trang trí cho cái khối gạch, gỗ, sắt khô khan ấy một ít mẫu xanh thiên nhiên. Chủ nhà cho treo lủng lẳng trước tiền đình mấy giò phong lan. Thành thử căn nhà tranh nhỏ xíu của Thanh với sân trái cuội, với cây phượng, với hoa phượng, với lá phượng, với bóng phượng đổ xuống ngả ngớn đã như một nụ cười xinh xắn đơn giản nhưng bất tuyệt của thiên nhiên.

Các trẻ em quanh xóm (rất nhiều) khoái “chú Thanh” (chúng gọi thế) vô cùng vì chú Thanh hiền lại hay vẽ chúng nó, vì khi chú Thanh đi vắng chỉ khóa cửa trong nhà, chúng vẫn có thể tự tiện vào sân chơi dưới bóng phượng.

Mỗi khi Thanh đi vắng khóa cửa lại, người ta đọc thấy hàng chữ viết bằng sơn trắng lớn thoạt trông tưởng là hàng khẩu hiệu: “Thư từ sách báo xin ném vào trong nhà!”

Mấy cô gái quanh xóm: cô chủ hiệu may, nữ y tá, nữ thư ký cũng ra chiều mến Thanh. Những khi giữa tháng tiền gần hết không thể đi ăn hiệu được, các cô xung phong thổi cơm, làm thức ăn giúp Thanh. Các cô cũng có chú ý đến cái giường “thất bảo” của Thanh, trong thâm tâm chắc các cô nghĩ rằng mình đương giúp đỡ một hoàng tử trá hình. Giúp đỡ Thanh như vậy, các cô vừa thỏa được lòng vị tha, vừa thỏa được lòng vị kỷ một cách trong sạch: gần đàn ông mà vẫn giữ tròn danh tiết. (Thanh hiền lắm! Thanh có biết nói đùa cho sự hiện diện của các cô thêm duyên, nhưng không bao giờ Thanh đi xa hơn. Nói theo danh từ nhà Phật, có nhân mà chưa gặp duyên chăng?)

Trên đường Chí Hòa có một khu cư xá công chức thiết lập từ hồi Pháp thuộc, đó là những căn biệt thự xinh xắn và những biệt thự nào cũng cố triệt để lợi dụng khoảng sân trống để trồng cây, những cây đều đã lớn. Chính giữa khu cư xá là một ngôi chùa cổ, sáng Chủ nhật nào các em đồng nam, đồng nữ của gia đình Phật tử khu này cũng đến họp bạn và theo học Phật pháp dưới sự hướng dẫn của mấy anh chị đoàn trưởng. Một buổi sáng Chủ nhật, “chú Thanh” đã theo mấy cháu Phật tử đến chùa, được ban huynh trưởng hết sức quý mến giới thiệu với hai vị cố vấn giáo lý và cố vấn gia đình, cùng các bác gia trưởng nam và nữ, các bác bảo trợ trưởng và phó.

Thanh vẽ *caricature* hai chị trưởng của gia đình Phật giáo và cũng là hai chị em ruột: Sâm và Tình. Khi ra về, Sâm và Tình có vào thăm túp lều tranh của Thanh và cùng cười rất nhiều về chỗ ở đó. Mối cảm tình của hai nàng biểu lộ với Thanh khá rõ rệt vì thứ vui tính hiền lành và căn nhà ngọ nghĩnh của Thanh cũng có, vì Thanh đã vẽ *caricature* cho hai nàng cũng có. Tuy là hí họa, nhưng Thanh vẫn làm nổi bật những nét đẹp của hai nàng. Sâm - cô chị - hơi đầy người, nước da trắng, màu trắng mịn như mỡ đồng (nói theo cách ca ngợi trong Kinh Thi), đôi mắt tròn, thật tròn, từ xa nhìn lại càng thấy rõ đôi mắt nhưng đó mở lớn với một chút ngơ ngác đáng yêu trên khuôn mặt đôn hậu. Về khêu gợi ở thân hình hơi đầy của Sâm có mâu thuẫn với đôi mắt và khuôn mặt thơ ngây của nàng. Nét hí họa của Thanh đã khéo ghi được một cách thông minh cái lý thú của hai vẻ mâu thuẫn đó. Nhìn gần trên mép Sâm xanh phớt một hàng lông tơ. Điểm đó làm nhan sắc của nàng đuối đi đôi chút. Tình có nét mặt rất thanh tú, nhìn thẳng khuôn mặt trái xoan đó đã đẹp, nhìn nghiêng những nét thanh tú càng nổi bật, nhất là khi nàng chỉ mỉm cười. Vùng trán hơi thấp một cách âu yếm, mớ tóc đen dày của nàng rủ xòa xuống ngang vai và đóng khung lấy khuôn mặt

đẹp đó. Thanh nghĩ đến một trái đào chín nặng từ một cành non nằm nũng nịu trên một mớ bông bong mượt mà. Thân hình Tinh không đầy như Sâm mà thon và chắc lẳn khi đi, đôi cẳng cao của Tinh hơi đầy cho thân hình đổ về phía trước như sẵn sàng muốn ngã vào đôi cánh tay người yêu. Thanh chỉ không bằng lòng có nụ cười của nàng, nụ cười hơi dần với hai chiếc răng cửa phẳng... quá phẳng. Nụ cười kém duyên đó đã làm bất lợi lây cho giọng nói của nàng mà Thanh nghe như một người đầy lưỡi.

Lần đầu tiên Thanh đã phân tích quá soi mói hai vẻ đẹp đó. Năng miễn Nam đã thấm vào hồn Thanh? Và chẳng Thanh đã hai mươi bốn tuổi rồi còn gì! Thanh có đến nhà thăm hai nàng, và chủ nhật nào cũng đến chùa họp vui, chỉ tránh giờ lễ.

Tại sao Thanh tránh giờ lễ?

Ngày đầu dự khóa lễ chánh thức, thoát tiếng niệm Phật của các em đồng nam, đồng nữ Thanh nghe thấy ngộ nghĩnh như những nét vẽ bằng âm thanh một dãy đồi lên xuống rất đều. Rồi Thanh cũng theo mọi người khi đứng thẳng đọc, khi quỳ đọc, khi xá rồi đọc tiếp, khi cùng đứng chờ vị đại đức chủ lễ cắm hương lên lư rồi mới đọc tiếp (cuốn sách nhỏ "Nghĩ thức tụng niệm" Thanh cầm trên tay). Thanh thấy các em đồng nam, đồng nữ đã thuộc lầu các bài niệm, giọng các em đều đều làm chàng thẳng thốt khởi sự tự đặt vấn đề.

Đọc sách Phật, nghiên cứu đạo Phật lâu, nhưng mãi tới hôm đó Thanh mới trực tiếp chứng kiến cuộc hành lễ. Đạo Phật ở nước nhà đã bắt đầu chú trọng đến hình thức, điều đó không phải là dở, nhưng rồi liệu có sa vào khuyết điểm vì quá chú trọng vào hình thức mà lời tụng niệm sẽ thành máy móc, hoặc làm dẫn người đi? Đó là một sự ám sát linh hồn không thể dung thứ được.

Hôm sau, cũng đúng lúc Thanh còn đương loay hoay với những ý nghĩ trên thì Sâm, Tình đến.

- Anh Thanh đi chứ? – Tiếng Sâm nói kèm theo tiếng cười của Tình.

- Mời các chị vào đây, tôi sửa soạn xong rồi.

Nói là sửa soạn xong rồi, nhưng Thanh đã sửa soạn gì đâu. Khi Sâm, Tình bước vào, Thanh đứng dậy nhường giường cho hai nàng ngồi. Tình rón rén ngồi xuống, chăm chú nhìn Thanh lỏng bít-tắt vào chân, Sâm thì cúi nhìn nệm giường tay vịn về mép nhưng. Chiều thứ Bảy đó, hai nàng đã đúng hẹn đến rủ Thanh để cả ba cùng tới nhà Tú xem Tú duyệt cho mấy em Phật tử vũ khúc Quay Tơ mà các em sẽ trình diễn vào dịp kỷ niệm Đức Phật thành đạo tuần tới.

Tú là cô gái Nam, quê ở Trà Vinh, cùng học với Sâm, Tình ở trường Gia Long.

Thoạt Tú e lệ khi thấy có thêm Thanh là người đàn ông lạ. Nàng mời Thanh ngồi, giọng lí nhí. Nàng lấy phấn đánh dấu vị trí của từng em, sáu em chia thành ba cặp. Khi bắt đầu duyệt cho các em, nàng hoàn toàn quên hết người xung quanh. Nàng khen em này, sửa lại bước đi cho em nọ, nàng vỗ mạnh tay làm nhip, đôi mắt chăm chú theo dõi... Vũ khúc Quay Tơ các em vừa ca vừa múa đã gần thuộc hết, chỉ còn bỏ ngỡ đôi chút ở phần điệp khúc.

Điệp khúc, Tú hát:

"Nhẹ bàn tay

Nhẹ bàn tay

Mừng duyên thắm

Má hồng say

Gió lay cành trúc

Gió giục vừng đồng

Hương tơ quện với hương đồng

Guồng quay quay tít nổi lòng vui vui.

- Các em nghe chị nè – “Nhẹ bàn tay” – ngồi xuống luôn. Nghe chữ “mừng” quay sang bên phải. Trật rồi cưng! Bữa hôm em đi trật, bị rầy hoài nhớ không?

- “Mừng duyên thắm” – (Thanh lắng nghe giọng Tú cao vút) – Đổi chân này – Đó được rồi đó.

- “*Má hồng say...*” - Này cưng dòm chị đây...

(Thanh ngừng nhìn thẳng về phía Tú, tưởng như lời vừa rồi là Tú nói với mình. Hai tai Tú có đeo vòng khuyên lớn, lông mày có tô đậm đôi chút.)

- “*Gió lay cành trúc...*” thì cưng đi lên nghe không, hai tay cầm đũa vẫn vậy, em bên tay mặt vẫn tiến vô, mà vô chính giữa...

- “*Gió giục vừng đồng...*” chỗ này các em phải giơ tay lên như đỡ bình trên vai vậy.

- “*Hương tơ quện với hương đồng... Quện với hương đồng...*”

(Thanh lắng nghe Tú nhắc lại, tiếng nàng nhẹ nhàng như lời kêu gọi thiết tha của chính nàng thốt ra để tự kiểm soát tình duyên.

- “*Guồng quay quay tít...*” hồng được, xây mặt lại, đi thụt lùi nghe. Bây giờ cưng trở lại chỗ cũ đừng đi thụt lùi nghe.

- “*Hương tơ quện với hương đồng... Guồng quay quay tít...*” em nghe câu thứ nhứt qua câu thứ nhì thì bước trở lên!

- “*Nổi lòng vui vui...*” em bước xéo lên một bước, ừ đó, coi được rồi đó.

(Giọng nói hồn hậu miền Nam của Tú khi vừa cất lên đã bám chặt lấy hồn Thanh rồi thấm dần... thấm dần...

xuống chiều sâu, giọng nói càng về sau càng quyến rũ nghe vui vui, đắm đắm thân mật, dịu dàng.)

- Em bước xéo lên một bước, ừ đó, coi được rồi đó. Coi chừng chun em nè, chun dứt không trúng thành ra coi lộn xộn. Một, hai, ba... ba hơi dứt lại. Trật rồi cưng! Đừng bước dài quá nghe cưng, bước vừa vừa thôi, dứt lại chút xíu nữa nghe cưng. Khi nghe chị hát lại *"nổi lòng vui vui..."* tay trái em phải qua bên này, tay mặt để vô bên hông này.

- Thôi các em nghỉ nghe. Mấy lần trước về nhà chắc dượt dữ lắm hả? Lần này cũng vậy nghe, mai dượt một buổi chút nữa là rồi đó.

Về hoạt động ở Tú ngừng khi buổi tập dứt, về e dè phút đầu không còn, vì thế nét thùy mị của Tú càng thêm trong sáng. Thanh không ngừng kín đáo theo dõi cử chỉ của Tú khi trở lại tiếp chuyện Sâm, Tình và Thanh. Khi thì Tú đặt tay lên ngang ngực, chớp chớp mắt, khi thì Tú để một ngón tay trở lên má, rồi ngược nhìn người đối thoại cười mỉm, vành môi như vành trăng thượng tuần mọng ánh sáng hy vọng.

- Chiều mai anh Thanh có đến xem dượt lại nữa không? – Tình hỏi Thanh khi ba người đã ra ngoài đường.

- Có chứ! - Thanh đáp.

- Mai đến lượt anh phải đến đón chúng tôi ở chùa.
- Sâm nói.

Thanh cười thay cho lời đáp ứng ý.

Tình tiếp:

- Tú tốt đấy chứ chị Sâm? Chị Tú theo Công giáo đấy anh Thanh ạ.

Thanh đưa ngón tay trở lên miệng như để giữ câu hỏi chực buột ra: "Chị Tú là người Công giáo à?"

- Chị Tú – vẫn lời Tình – thích vũ và yêu trẻ lắm.

Chia tay cùng Sâm, Tinh rồi, Thanh dừng lại ở đầu ngõ xóm trước cửa nhà ông y tá trưởng bệnh viện Bình Dân. Ông này đương từ chối không nhận tiền của ông cụ Đông y cùng xóm – cụ bị áp lực máu cao, được ông tiêm giúp. Bên đòi trả cũng nhiệt tình, bên từ chối cũng cương quyết một cách thân ái.

- Ông không nhận tôi không bằng lòng chút nào!
- Cụ ơi, sao cụ lẩn thần thế, tình hàng xóm với nhau, đây chính là bổn phận của tôi.

Cũng có thể - Thanh nghĩ – bên đòi trả đã biết chắc rằng bên kia nhất định chẳng chịu lấy, và bên được trả cũng cần được bên kia đòi trả thật sự để cương quyết từ chối mà biểu lộ lòng thân ái của mình; rút cục khi đôi bên chia tay, cả hai cùng không mất gì, mà cùng được rất nhiều ở chỗ cùng cảm thấy tâm hồn nơi rộng.

- Kia sao anh lại mua chiếc mũ mới? – Anh công nhân 1 hỏi anh công nhân 2 (cả hai anh cùng ở trong cuối hẻm).

- Úi chao, đáng là bao. – Anh công nhân 2 đáp.
- Nhưng mà cái cũ của anh là tôi mượn.
- Thì anh cứ giữ mà dùng!
- Cha chả là tức. – Anh công nhân 1 nói bằng giọng hài hước thông minh – Thù này biết bao giờ ta trả được đây?

Rồi anh công nhân 1 kéo anh công nhân 2 ra đường lớn:

- Thì hãy ra đây kiểm một chai la-de lai rai dăm ba sọt chứ!

Tú ơi, chúng ta có thể yêu nhau trong tình yêu cởi mở của hai công nhân và thay vào chai la-de kia sẽ là thứ rượu nồng đậm hợp cần?

Tú đã nhập thể vào hiện hữu của Thanh?

4

Ba giờ rưỡi gà gáy sáng, bốn giờ gà gáy sáng, bốn giờ rưỡi gà gáy sáng. Thanh mở cửa ra sân, đỉnh trời mây có nhiều vết màu xám từ chân trời có dâng lên màu ánh sáng vàng nhạt. Tháp thoáng ánh đèn đây đó lọt qua khe cửa như tương tư nhau, vầy nhau thâm lặng. Sáng Chủ nhật này Thanh đến tìm Luận, Kha từ sớm tại tòa soạn Văn Hóa, lại được gặp luôn cả Khiết, ông chủ báo nữa. Bốn người cùng đi ăn sáng.

Trong câu chuyện Khiết nêu một nhận xét về tuổi tác:

- Có thể tạm lấy năm 1910 phân mốc tuổi – Khiết nói – Những người sinh từ 1910 trở về trước là thế hệ cũ, hoàn toàn bỡ ngỡ trước văn hóa Tây phương; sinh vào khoảng từ 1910 đến 1930 là thế hệ lý tưởng của giai đoạn lịch sử này, họ hiểu văn hóa cũ, họ tiếp nhận văn hóa mới, họ là hiện thân của đau khổ vì từng trải ngoại xâm, chứng kiến cách mạng đổ vỡ, là nạn nhân của bao bão quyết, lưu manh, đấu cơ chính trị. Những người sinh từ sau 1930 thuộc một thế hệ mới hẳn, những người đại diện cho nền văn hóa cũ như những ngôi sao vừa chìm xuống chân trời Tây khi chính họ là những ngôi sao mới vừa xuất hiện ở chân trời Đông. Trên văn đàn có biết bao nhiêu tác giả thuộc thế hệ sau 1930. Tác phẩm đầu tay của họ chói lọi như một nhát gươm thần, nhưng hãy coi chừng để đừng ngắn ngủi như loáng gươm, sau khi đã dốc hết bầu tâm sự ở tác phẩm đầu, chớ để những tác phẩm sau trở thành tầm thường, nghèo nàn hoặc lảm cẩm, lặp lại những ý đã nói ở tác phẩm đầu: mình lại ăn cắp chính mình. Nếu những thiên tài thế hệ sau 1930 mà mai một, trách nhiệm chính là thế hệ 1910 – 1930 chúng ta phải gánh. Chúng ta chưa đặt được chút nền móng vững chãi gì cho thế

hệ sau, chúng ta chưa phản ánh được hết nếp sống của dân tộc trong cái thể dung hòa hai nền văn hóa Đông và Tây, thể hệ chúng ta sống phong phú trong đau khổ mà chúng ta chưa hoàn thành được... Một bức bích họa ghi chú lấy muôn một vẻ hùng vĩ của bước thăng trầm đó.

“Anh thuộc thế hệ sau 1930 – Thanh hưởng ý nghĩ về Tú để tự nhủ thâm – gặp Tú anh bị tiếng sét ái tình, tâm sự anh cần trải lên giấy trắng, anh chỉ viết một tác phẩm duy nhất để tránh về sau mình khỏi ăn cắp của chính mình như lời bác Khiết nói, anh sẽ viết về đôi ta, viết về anh và em, Tú ạ.”

Câu chuyện của Khiết tận cùng bằng thuật tin một số chính khách bù nhìn cho thực dân Pháp trước đây hiện sống sung túc ở Pháp với số tiền chuyển ngân của họ. Rồi khỏi đất mẹ, để lại một gia tài nghiêng ngả cho dân tộc, họ ra đi như một người ngoại quốc biết lo xa và họ có thể sống cha truyền con nối trên đất nước người và đọc tin tức bên đất nước nhà bằng tâm trạng bàng quan nếu không phải là tâm trạng tự phụ của kẻ cao kiến “nguy bang bất nhập loạn bang bất cư”.

Ba giờ chiều, y hẹn, Thanh tới chùa để đón Sam, Tình đứng lúc chùa đương làm lễ Cầu hồn Tử sĩ. Mỗi người cầm một bản *ronéo* đồng thanh tụng bài Truy Niệm Chiến Sĩ Trận Vong của Thầy Sa Di Thích Thiện An. Những nét đổi âm thanh lên xuống đều đều:

*Đền... nợ... nước... càn... nung... gan... mật...
 Chí... nam... nhi... còn... mất... không... màng...
 Dầu... cho... thịt... nát... xương... tan...
 Nêu... gương... hùng... dũng... nghênh... ngang...
 giữa... trời...*

Tình quỳ nấp sau cái cột gạch lớn ngăn giữa hai gian chùa, Thanh chỉ thấy rõ Sâm. Nhìn xa một chút, màu da trắng mịn như mỡ đông của Sâm càng đẹp. Nàng chấp

hai tay, ngón giữa tay phải có đeo chiếc nhẫn mặt đá màu đỏ xẫm. Nàng lẩm nhẩm... Thoạt Thanh tưởng nàng đọc theo bài tụng niệm mà nàng thuộc:

Than... ôi... cao... cả... hy... sinh...

*Than... ôi... trí... dũng... anh... linh... hùng...
cường...*

Nhưng không, vào từng đợt ngân dài của lời tụng, Thanh vẫn thấy đôi môi nhỏ như cánh hồng xinh của nàng mấp máy. Thì ra Sâm đọc bài Kinh Nhật Tụng riêng của nàng, thỉnh thoảng nàng cúi đầu vái vái như để chấm câu. Đôi tay thon búp ấy vái vái như vậy trông sao mà hiền, sao mà ngoan!

Vẫn chăm chú quan sát Sâm, đôi khi lời đồng ca tụng niệm lọt vào ý thức hững hờ của Thanh:

Hồn... tử... sĩ... bồi... hồi... phảng... phát...

Phách... âm... linh... dờ... dật... bên... đài...

Thanh thấy nhiều khi cặp môi xinh của nàng lẩm nhẩm mà đôi mắt chim khuyên của nàng vẫn ra chiều lơ đãng và ngơ ngác. Nàng quý kia, thân hình thẳng thật thẳng, bộ ngực đẹp thật đẹp, bộ ngực như hai ngọn đôi mộng chào đón tình người muôn thuở.

Nơi... nước... Phật... sen... vàng... đóm... nở...

Cảnh... Tây... phương... rục... rờ... hào... quang...

Ôi, nàng sẽ hiu quạnh biết bao nếu suốt đời nàng chỉ tụng niệm như vậy mà không có bóng một người đàn ông quý xuống ngay bên nàng và gục đầu trên bộ ngực rờ rờ sức sống đó.

Cầu... xin... đức... Phật... đoái... thương

*Rước... hồn... chiến... sĩ... lên... đường... siêu...
thăng*

Bài tụng niệm chấm dứt, mọi người đứng dậy, nàng cũng đứng dậy theo. Nhận ra chàng, nàng tươi cười tiến

lại gần. Hàng lông tơ xanh phớt trên mép làm chàng thất vọng. Trong một lúc Thanh đã tưởng yêu Sâm. Không, chàng chỉ nhìn Sâm qua hình bóng của Tú.

Tình đã tới, tiếng nàng trong và vui:

- Thế nào anh Thanh, đến xem chị Tú dượt cho các em lần chót nữa chứ?

Thanh, Sâm cùng bưng tỉnh khỏi vùng không khí hư hư ảo ảo với hai nụ cười mỉm che dấu tâm tư.

- Đi chứ anh Thanh? – Tình hỏi thêm một lần nữa.

Thanh muốn giữ trọn vẹn hình ảnh Tú qua Sâm lúc quỳ trước bàn thờ Phật, nước da trắng mịn, đôi bàn tay hiền ngoan chấp lại trước ngực, nét đôi mộng của sinh thành... Thanh đã muốn lắc đầu trả lời: "Tôi đến nói với hai chị chiều nay tôi bận không đến xem dượt được," nhưng không hiểu vì sao chàng lại gật đầu đáp:

- Vâng thì đi.

Thế là cả ba cùng đến nhà Tú để dự buổi tập dượt cuối cùng cho sáu em. Tú mặc chiếc áo dài hoa tím nhị hồng, đẩy mình nàng ngợp màu hoa. Ba nàng chống nạng từ nhà trong ra phòng khách. Cụ đã sáu mươi tuổi mà chưa có một sợi tóc bạc, vùng trán cao, khuôn mặt vuông, đôi mắt cũng như nụ cười rất hiền nhưng vẫn thấp thoáng vẻ hóm hỉnh của trời trẻ. Cụ có vẻ thèm chuyện, lúc đó có một mình Thanh ở phòng khách. Sâm, Tình và Tú sang phòng bên. Cụ nói:

- Bác từ Trà Vinh lên Sài Gòn năm 1912, ngày đó, kể từ sau nhà thờ Đức Bà, dân còn thấp đèn dầu chưa có đèn khí (điện). Hồi bác còn trẻ, cha! Nghịch lắm, dân dao búa mà! Bác lên Sài Gòn ba tháng mà không có việc đi mần. Cha! Bác xoay sở cực thiệt cực. Rồi bác vô lính đi Pháp, khi trở về nước, bác đi khắp Trung Nam Bắc. Mãn hạn lính bác vô *Gendarmerie*. Bác bỏ *Gendarmerie*, đi thầu, đi buôn.

Cha! Bác mần ăn khá từ đấy, bác đi hoài... đi hoài, bác sang Lào gặp một người bạn buôn người Bắc tên Khóa buôn một chuyến cau khô.

Thanh nhớ ngay đến thành tích chuyến buôn này mà ông bố mình vẫn thường thao thao nhắc lại với các chú, các bác bên tòa soạn Văn Hóa và cả với mẹ mình ở nhà nữa, bèn vội vã ngắt lời:

- Dạ thưa bác, cậu cháu có buôn ở Lào, chính cậu cháu tên là Khóa.

Tuy nói vậy mà Thanh cũng chẳng hề ngạc nhiên nhiều về sự gặp gỡ bất ngờ đó vì còn mãi đưa mắt ngắm tà áo hoa của Tú ở buồng bên.

- Cha... Cháu là con anh Khóa? Thế ảnh đâu?

- Dạ cậu cháu... ba cháu hiện giúp một người bạn thân ở Nha Trang.

- Chừng nào ảnh ở ngoài vô, nhớ đưa lại thăm bác nghe. Cha... Cháu là con anh Khóa? Ba cháu xem tử vi giỏi thiệt giỏi. Gặp bác ở Lào ,nghe bác thuật chuyện, ba cháu biết ngay là cung Thân của bác có sao Thiên Mã. Cha... Ba cháu đoán giỏi thiệt là giỏi. Chuyến buôn cau khô của bác với ba cháu ngộ thiệt là ngộ. Hai anh em gặp nhau ở Vạn Tượng cùng hùn vốn buôn một chuyến cau khô, lòng mua hết cau ở Vạn Tượng, rồi lẩn sang các vùng kế cận, tất cả lãi hai trăm năm chục ngàn. Cha... Mần ăn như vậy sướng thiệt sướng. Ba cháu người giỏi thiệt giỏi.

Đốc bầu tâm sự xem chừng đã vội, cụ buông tha Thanh sau khi căn dặn thêm một lần nữa: "Bao giờ ba cháu từ ngoài vô nhớ đưa lại thăm bác nghe."

Các em học vũ hôm nay đã thuộc điệu, Tú chỉ phải vừa hát vừa vỗ tay làm nhịp cho các em nhảy. Thanh không dấu diếm, chăm chú nhìn Tú, mỗi khi tia nhìn của Tú vô tình gặp tia nhìn của Thanh, Tú chớp mắt. Tú đứng

gần cửa sổ, chiếc màn cửa bằng sa-tanh trắng theo gió lùa vào phấp phới, nhiều khi như cánh tay người đàn ông nào mặc áo trắng, âu yếm quàng vai áo hoa của Tú và Thanh muốn ghen. Thanh nhìn Tú như người khát ở sa mạc uống nước.

Khuôn mặt Tú trái xoan, mái tóc rẽ giữa, uốn khoảng rủ xuống ngang vai, còn khoảng trên đầu thì chải mượt, đôi mắt với đôi mi thường khép hờ, rất thích hợp với đường cong khum khum của đôi lông mày ở trên. Thanh nhìn nàng thờ, bộ ngực lẽ ra phồng căng... nhưng chiếc áo nịt chặt giữ khoảng đó xẹp xuống chút ít, điều này làm Thanh càng mến nàng. Với bộ mặt xinh và hiền như vậy mà có thêm đường cong rõ rệt thì quyến rũ biết mấy. Việc nàng cố tình bó ngực, Thanh cho là một cử chỉ biểu lộ đạo đức. Nàng hé miệng cười, nụ cười e ấp như bông hoa dưới áp lực của nắng gió, nở mà không biết là mình nở. Làm sao cuộc sống còn ý nghĩa nếu Thanh để sống mất nàng!

Tú đã cho các em nghỉ. Nàng lại nói chuyện với Sâm, Tinh và với Thanh, rồi cả bốn người ra hiên xuống thềm, đứng giữa vườn hoa. Hình như Tú biết, nên mỗi lần Thanh đứng gần thì lời nói của nàng không được tự nhiên, hai tay vung vẩy cùng một lúc, cùng một chiều, ngưng ngấp và nàng chớp mắt, đôi mi mòng mọng, hơi thở hỗn hển nhẹ.

Có điều lạ là Thanh không hề muốn ghi nàng bằng một vài nét. Thanh cho là nét bút của mình bất lực chăng? Sự thật hình ảnh Tú ăn nhập vào với một hình ảnh lý tưởng nào trong Thanh; không dám vẽ Tú vì Thanh sợ xúc phạm đến nàng và cũng xúc phạm đến hình ảnh lý tưởng.

Lúc sắp ra về, thoáng thấy ba Tú chống nạng ra hiên, Thanh đơn đả lên hỏi chuyện. Lần này Thanh cảm thấy sự cần thiết phải làm thân với cụ. Cụ kể chuyện vì sao mà cụ bị tật ở chân. Năm 1950, cụ đương đi ở đường

De Gaulle, thấy chiếc GMC của nhà binh Pháp từ xa lao lại chệnh choạng, biết là thằng lính say, cụ đã lên hè nép vô bờ tường, thế mà rủi thay cụ như nam châm hút chiếc xe lại. Rầm! Cụ ngã bất tỉnh. Xe đưa vô nhà thương, cụ phải cưa mất một chân.

- Vô phước mà thành ra có phước, – cụ nói – bác không bị tật ở chân thì bác còn đi hoài. Bị tật ở chân, bác ở nhà trông nom hai đứa, chúng nó học bằng người cả. (Tú còn người anh trai mới được học bổng đi Pháp học về kỹ sư canh nông.)

Thấy Thanh nói chuyện thân mật với ba, khi tiễn Thanh ra sau cùng, Tú nói khẽ:

- Khi nào không mắc chuyện chi, mời anh lại chơi.

Thanh chỉ đợi có thế!

Đêm 24 tháng Chạp âm lịch, trong buổi trình diễn văn nghệ kỷ niệm Phật Thích Ca thành Đạo tại chùa Chí Hòa, không có Tú. Là người Công giáo, nàng không đến dự một buổi lễ bên Phật giáo? – Thanh tự hỏi: Nàng không nghĩ đến dự, mặc dầu nàng biết nếu tới sẽ gặp Thanh ở đây. Nàng chưa yêu Thanh? Khoảng chín giờ tối, Thanh đạp xe qua nhà nàng, cuối đường Champagne. Cửa đóng kín, đèn tắt, ngôi nhà âm thầm như ngôi chùa. Thanh thấy thương người con gái dịu hiền đó, ngôi nhà âm thầm, cảm lạnh, bỗng như lãnh cung. Thanh mỉm cười ôn lại vang trong trí những lời đáng yêu của Tú.

- Hồng được, xây mặt lại, đi thụt lùi nghe... Bây giờ cứng trở lại chỗ cũ đừng đi thụt lùi nghe. Cái chun trật rồi cứng... Đừng bước dài quá, bước vừa vừa thôi, dứt lại chút xíu nữa nghe cứng...

5

Thanh lại chợt thức giấc từ bốn giờ sáng để suy nghĩ liên miên và thêu dệt những lời đối thoại, đối thoại với Tú.

- Em muốn anh phải...

- Em ơi, đất nước này đã có hàng ngàn năm lịch sử em nhỉ. Tiền nhân chúng ta đã từ biết bao nhiêu đời kế tiếp nhọc nhằn đau đớn...

- Em muốn anh...

- Không một đỉnh núi nào chỉ có một con đường để lên. Em thấy không, người đức hạnh chẳng bao giờ không kính trọng kẻ đối thoại của mình.

- Em muốn anh...

Lời nói của tình yêu luôn luôn phải bình tĩnh dễ dàng – Thanh tự nhủ thế và đã nêu thành một kỷ luật, một phương châm – nhất là trong vấn đề tế nhị, quá ư tế nhị này.

- Em nhỉ, linh hồn chỉ đẹp khi là một linh hồn tự do trong lựa chọn đường đi thích hợp, như vậy mới có thể đắm mình trong nguồn sống vô hạn mà giao cảm với siêu việt...

Lời mình phải luôn luôn bình tĩnh và dễ dàng – Thanh tự nhủ. Thanh bỗng nhớ đến bài ngụ ngôn “Em bé và cái gương” mà em bé hàng xóm mấy hôm nay học ra rả hàng ngày làm Thanh cũng thuộc. Bà mẹ răn con khi con giận bóng trong gương:

*Rằng con hơi có làm sao
Con làm nên thể ai nào xui ra
Chính từ bóng chứ là ai đây
Giận dữ gì như vậy con ơi*

*Ví con nét mặt tươi cười
Bóng trong gương cũng tươi cười khác chi*

....

*Tấm gương là mực công bình
Để ta soi bóng sửa mình mai sau*

Một hạt bụi mánh lối cũng phải thổi cho bay khỏi linh hồn, linh hồn phải trắng tinh để mà bàn chuyện tự do linh hồn. Thái độ đó Thanh phải thực hiện cho bằng được để xứng đáng với niềm tin của Tú...

Tiếng gà gáy sáng làm trí Thanh hoàn toàn lảng đi trong một vài giây, khi trở lại suy nghĩ tiếp, Thanh bỗng như biến thành một nhân vật khác. Thanh thấy muốn nổi giận với mọi hình thức tôn giáo, chính những hình thức đó đã phản bội cứu cánh kia. Tôn giáo nào chẳng gặp nhau ở trên tột đỉnh? Nhưng rồi Thanh trở lại bình tĩnh ngay. Đó là một kỷ luật, đó là một phương châm! Sự ma luyện trong nội tâm mà động lực là tình yêu ấy làm cho Thanh khôn ngoan thêm, sáng suốt thêm, khôn ngoan mà không phải dẫn đo, sáng suốt mà không hề vị kỷ. Chỉ để vươn tới bao dung hòa đồng!

Sở dĩ Thanh đã thức giấc từ bốn giờ sáng, để rồi cứ loay hoay suy nghĩ liên miên như vậy vì chiều thứ Bảy hôm trước Thanh đã đến thăm Tú. Thanh gặp Tú ở nhà một mình. Thoạt Tú tiếp Thanh ở phòng khách, Tú bận bộ *pyjama* hồng, ống quần hơi ngắn và chèn. Thanh hiểu lắm – (và cả Tú nữa) – nàng mặc bộ đồ đó, đầu phải chỉ để cho một người đàn ông nhìn nàng say mê, để nàng có thể ngồi lên lòng người đó. Trong câu chuyện, giọng Tú nhỏ nhẹ đáp lại mỗi khi Thanh hỏi; ngược lại lời của Thanh khi hỏi cũng như khi đáp thường đứt quãng, vì trong câu chuyện Thanh luôn luôn tự nghĩ tình yêu bọc phát giữa trai gái là một tôn giáo đại đồng hơn cả, các tôn giáo khác chỉ nên là những bờ để hướng dòng sông

ra biển theo đường thẳng. Các tôn giáo khác không bao giờ nên và cũng không bao giờ có thể là một cái đập ngăn chặn dòng sông tình ái. Một trai, một gái với mãnh lực yêu đương, với sức hút sinh thành của vũ trụ, hai người hòa hợp với sức hút đó mà thể hiện công cuộc sáng tạo nhân loại, tôn giáo nào mà ngăn chặn nổi!

Khi hai người xuống thêm ra vườn, Thanh rụt rè nắm lấy bàn tay thon nhỏ của Tú và cúi xuống nói khẽ:

- Tú đẹp và hiền như Đức Mẹ.

Tú hốt hoảng rụt tay lại làm dấu trên ngực và thốt lên câu nghe đau thương:

- Lạy Chúa!

Thanh thấy đau lòng tưởng như chính mình vừa cầm dao tự chích vào đầu ngón tay, lúng túng chào Tú rồi rút lui chẳng dám nhìn thẳng vào đôi mắt Tú xem Tú có giận mình không?

Bên ngoài trời đã thật sáng, Thanh vươn vai mắt nhìn vào một khe cửa theo dõi bóng đu đưa của một cảnh phượng bên ngoài. Bỗng có tiếng chân bước lao xao vào sân, Kha và Luận đã cất tiếng gọi Thanh. Đôi khi sớm Chủ nhật, Luận bắt chọt lái xe đến rủ mọi người cùng đi ăn phở như vậy. Câu chuyện mà có Luận đi thì tất nhiên vừa nhảm vừa vui rồi. Thanh rửa mặt mũi, đánh răng, thay đồ rồi theo chú Kha, chú Luận ra xe. Khi xe qua nhà thờ Ngã Sáu, Luận phải cho hãm ga lại vì đông người đi lễ quá. Tự nhiên Thanh thấy nhớ tiếng chuông thu không miền Bắc, tiếng chuông lằng lằng nhẹ nhàng, cả vũ trụ cũng trầm lặng tịnh mịch suy ngẫm theo tiếng chuông. Người dân Việt trước đây nhiễm tinh thần đạo Phật, hẳn nhiên sâu xa bao nhiêu, mà hiểu đạo lý Phật thì hời hợt. Nhưng điều đáng quý nhất theo Thanh là họ giữ được vẻ người toàn vẹn tinh anh. Có thể bỏ khuyết điều hời hợt đó bằng cách cho in nhiều sách để phổ biến bằng cách tổ chức thành

đoàn Phật tử để nghiên cứu Phật pháp, nhưng chớ bao giờ xâm phạm đến cá tính, xâm phạm đến chất người của con người.

Thanh không ngờ rằng tình cảm biểu lộ của Thanh chiều hôm thứ Bảy đã làm Tú xúc động vô ngần. Khi Thanh lúng túng chào Tú vội vã rút lui, Tú bần thần đứng lại ngoài vườn giây lâu, khi sự tĩnh thì trên tay nàng đã có bông hoa cỏ mầu tím mà nàng cúi xuống ngắt từ lúc nào. Nàng đưa bông hoa lên mũi ngửi, mùi hoa thơm thoảng lẫn với mùi đất hăng hắc, như niềm vui nhỏ của đời có pha chút chua cay. Nghĩ lại vừa rồi Thanh nắm tay mình, Tú nghĩ rằng nếu nàng cứ để vậy, Thanh đã ôm nàng rồi. Nàng cũng là con người vô danh, nhưng nàng muốn ghi được sự hiện hữu của mình trong thời gian, trong không gian bằng giây phút thực sự trong cánh tay người yêu.

6

Sang buổi chiều Chủ nhật, Thanh không dần nỗi nhớ nhưng, cháu Thanh lại đến thăm... hai bác (bây giờ Thanh xưng hô như vậy rất tự nhiên). Nhưng tuy là đến thăm hai bác mà Thanh luôn luôn quay về phía Tú hỏi chuyện. Thanh hứa với hai bác bao giờ ba mình ở ngoài vô, thế nào cũng mời lại đây. Khi hai bác đã vui vẻ rút lui vào nhà trong, Thanh hỏi Tú về phép tắc bên đạo.

Tú nói hết những điều cần thiết.

Thoạt Tú nói về tuần cấm phòng, mọi người đọc kinh nhiều, hãm mình, ăn chay, ép xác. Nếu xét mình có tội thì xưng tội để chịu phép giải tội rồi rước lễ (chịu phép mình Thánh Chúa).

Thanh nghe làm vẻ chăm chú, ngắm đôi môi chúm, rồi gật gù như thể hiểu lắm, sự thực Thanh chẳng hiểu gì cả, Thanh chỉ thấy đôi môi Tú đẹp.

Thanh hít mạnh, ngực căng rồi thở phào. Biết nàng đã nói hết chuyện tuần cấm phòng, Thanh hỏi tú về chuyện giả thiết một người ngoại đạo muốn lấy một người Công giáo thì phải thế nào? – Tú đáp: “Thì gia đình Công giáo cho Cha Sở hay. Cha Sở hỏi người ngoại đạo có ưng theo Thiên Chúa giáo không. Rồi Cha Sở định ngày làm phép rửa tội, có sổ ghi người đó được cấp giấy rửa tội ngày nào, tại đâu, do linh mục nào. Thế là người con trai được quyền dự Giáo hội, được chịu các phép bí tích; có bảy phép bí tích, ngày cưới được làm phép tại nhà thờ.

Cách Tú nói rạch ròi trôi chảy, chứng tỏ Tú là người ngoan đạo biết chừng nào, Thanh càng quý mến và quý trọng nàng.

- Anh theo đạo Phật? – Tú hỏi.

Thanh nhìn Tú giây lâu để chứng tỏ cho Tú hay là Thanh biết giờ đây đến lượt Thanh bị cật vấn.

- Theo đạo Phật như một tôn giáo - Thanh đáp - nghĩa là đến Chùa dâng hương hoa và quỳ lễ dưới bệ Phật thì không, nhưng suy cứu đạo Phật như một đường sống để hiểu để hành động thì có.

- Hiểu phải chăng là hiểu về lý nhân quả của đạo Phật?

- Còn vượt xa hơn nữa, hơn nhiều nữa đến căn nguyên thanh tịnh chân không của bản thể và tâm.

Thanh nhìn Tú, Tú nhìn lại Thanh vẻ chú ý lắng nghe.

- Kinh Lăng Nghiêm nói – Thanh tiếp – lấy kính hứng ánh sáng mặt trời rọi vào mớ bụi nhụi thấy lửa. Lửa từ mặt nhật chẳng? Vậy sao cây rừng không bị thiêu trụi hết? – Lửa từ bụi nhụi chẳng? Vậy thì sao còn cần bàn

tay và cái kính? – Lửa từ cái kính chãng? Vậy sao cái kính người cầm đó không cháy và cả bàn tay người cầm cũng không cháy? Vật chất như tứ đại: đất, nước, gió, lửa. Tinh thần như ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; những sắc đó, tâm đó thấy đều biến hiện vô thường. Bản thể và tâm hỗn thanh tịnh rồi tùy theo tâm của chúng sinh tạo nghiệp như thế nào thì hiện ra thế ấy.

Tú khê gặt đầu nhưng đôi mắt bờ ngỡ. Thanh nghĩ thầm: “Nếu em là vợ anh, anh sẽ có thì giờ để nói rõ hơn, em có thì giờ để hiểu hơn.”

Tình bạn một ngày thêm khăng khít mà tình yêu thì ngập ngừng, giới luật của Giáo hội là bức tường ngăn. Trong những phút gặp mặt, khi dứt câu chuyện Thanh chỉ còn biết nhìn Tú chăm chăm và Tú thì lảng nhìn về phía khác, vẻ rụt rè như buổi đầu. Thanh không dám nắm tay Tú một lần nữa vì kính trọng tín ngưỡng của nàng. Biết rằng có lấy được nhau không? Và Thanh vẫn chưa hề một lần ghi hình ảnh Tú bằng đường nét. Mà với Tú thì mỗi lần Thanh ra về, nàng ngồi xuống khâu, đường khâu chệch choạc, xao xuyến.

Thanh được xem một phim ở Eden, vội tìm Tú ngỏ ý mời Tú cùng đi. Tú kín đáo từ chối. Thanh ân cần khuyên Tú đi xem phim đó một mình. Tú gặt đầu ưng thuận.

Có gì đâu, trong phim có hai câu đối thoại giữa một nữ bác sĩ ngoại đạo với một vị linh mục.

Nữ Bác Sĩ (cười thân mật): *Cha tốt lắm, mặc dầu Cha là người Công giáo.*

Linh mục (cười hờn hậu): *Bác sĩ tốt lắm mặc dầu bác sĩ không là người Công giáo.*

Lời đối thoại đơn giản mà thâm thúy của hai tâm hồn phóng khoáng, bao dung nhau để chỉ công nhận có lẽ phải và ngầm kết tội bao thái độ cố chấp hẹp hòi.

- Tú ơi anh muốn quỳ xuống, hôn lên tay em mà rằng: “Chúng ta hãy đổi thoai với nhau theo tinh thần cởi mở quý giá ấy.”

7

Nhưng rồi Thanh cũng không cần đến những tiểu xảo như vậy nữa. Có những sự kiện bất ngờ bên ngoài thúc đẩy mối tình.

Về Tú, một buổi trưa, nàng đi xe đạp vừa tới ngã tư Phan Đình Phùng và Duy Tân thì nghe tiếng phanh ô tô rùng rợn, chiếc xe chở xăng lớn của hãng Shell sơn đỏ còn tiếp tục lết thêm một quãng nhỏ... khiến Tú khi dừng xe lại thấy ngay hình một người ngã xấp bất động bên lề đường nhựa. Quãng đường này vốn đã vắng lại càng vắng vào quãng một giờ trưa, hình người chết xấp – Tú biết là người đó chết tức khắc – vì vậy trông càng bi thảm. Chết tức khắc như vậy – Tú tự hỏi trong bàng hoàng – hồn lìa khỏi xác ra sao và bay về đâu. Người tài xế đã nhả xuống xe, tiến tới đứng bên người xấu số, mãi tới lúc đó mới thấy một dòng máu ứa ra chảy xuống mặt đường, dòng máu lập tức chảy xiết theo triền dốc xuống đúng một miệng cống ngầm sát vỉa hè gần đấy, dòng máu thẫm màu, đôi chỗ lấp lánh dưới ánh nắng, không cuống quýt nhưng chảy mau, chảy xiết... Tú tưởng tượng như khi người xấu số vừa ngã đập đầu xuống mặt nhựa, sọ bể ra, máu bị tù túng lâu ngày còn bở ngỡ, vướng chân trong những khớp xương, thớ thịt, nhưng rồi một phút sau khi ứa được ra ngoài và rót xuống mặt đường, máu biết đã đạt được tự do và máu chảy xiết, chảy xiết mang theo sự sống ra khỏi cơ thể, tiếng reo siêu âm của dòng máu chảy xiết để rồi chui tọt xuống miệng cống đen ngòm đã lay động đến

cội rẽ tâm hồn Tú. Tú thấy sự sống kia mới thực đáng quý biết chừng nào!

Thanh thì theo dõi việc khắp Sài thành sừng sốt về tin cô M. một tuyệt thế giai nhân vừa uống thuốc ngủ tự vẫn, khi người nhà biết mang vào nhà thương không kịp. M. không những là tuyệt thế giai nhân mà còn là một thiếu nữ có học thức, nàng đã bắt đầu bước vào ngưỡng cửa đại học. Năm ngoái, một ông chú họ xa từ Pháp về nhà nàng, vì thân thích ông không còn ai khác. Là vai chú nhưng ông chỉ hơn M. chừng ba bốn tuổi. Hai người yêu nhau, họ không giấu giếm gì, toàn thể gia đình này theo Tây học. Tuổi xấp xỉ, họ xa, lấy nhau được. Có những chiều thứ Bảy, đôi trai gái đưa nhau đi nhẩy đến quá mười hai giờ mới về. Về lịch lãm của người chú từ thủ đô ánh sáng bên kia trời Tây về đã làm cô gái thấy cuộc đời tràn ngập màu hồng hạnh phúc và tâm hồn rung lên thành bản trường ca tình ái, nồng nàn chờ đợi. Rồi ông chú lên đường sang Pháp nói là tiếp tục học nốt cho đến tột đỉnh của tài năng, sẽ trở về trong một ngày rất gần. Hai tháng qua đi, cô gái không nhận được một lá thư. Cô có mang... Ôi ánh sáng hạnh phúc giả trá, âm thanh điệu ngoa... - Thanh nghĩ. Trong tình yêu kia, người con gái đã đem cả cái chủ quan say mê và đáng quý của mình dâng hiến người yêu, trong khi người đàn ông hưởng thụ một cách tình táo và do đó bỏ ổi làm sao.

Nếu Tú hiến dâng nàng cho Thanh, sự tin cẩn đó càng làm Tú cao quý lên muôn phần dưới mắt Thanh. Thế là Thanh đến tìm Tú đôi mắt sáng, hơi thở gấp. Lúc đó đã gần chín giờ. Căn nhà im lìm chìm trong bóng tối bên ngoài, quanh nhà lá cây vườn xao xuyến nhẹ hòa với tiếng xào xạc lớn của hàng cây ngoài đường. Phòng nàng còn ánh sáng.

- Lời cầu nguyện phải làm cho đôi mắt sáng lên,

đừng làm cho đôi mắt tắt đi em ơi – Thanh nghĩ vậy khi gỡ
khẽ cánh cửa.

8

- Ba má ngủ rồi - Tú nói khẽ khi mở cửa nhận ra Thanh.

Lời nói thầm của nàng khiến sự gặp đột nhiên nhuộm màu hò hẹn tội lỗi. Thanh vào rồi, phòng khách mới được bật đèn. Kế với phòng khách là phòng học của nàng, cánh cửa mở tung. Thanh thân mật dời phòng khách bước vào phòng học. Bàn học của nàng kê ở phía góc, trên bàn ngổn ngang sách in, sách viết, một chiếc đèn có chụp xanh tỏa vùng ánh sáng vàng rất bâng khuâng xuống khoảng bàn đủ để nàng đọc hay chép bài. Thanh tưởng như nàng còn ngồi kia và chăm chú suy nghĩ về mái tóc của nàng cúi xuống từ khoảng tối bên trên. Ngay phía sau bàn học là chiếc giường sắt cá nhân phủ nệm trắng xóa, thang giường là thứ lò xo uốn cong ở giữa, khi có người nằm thì nhún xuống.

Tú đã rót nước mời Thanh uống. Tình Thanh yêu nàng nặng như núi Thái Sơn và bền bỉ như mạch suối của núi đó.

Tú thu gọn bàn học, Thanh đặt tích nước xuống. Thấy sẵn có thỏi phấn hồng, Thanh cầm lấy vẽ. Thật là thần bút, chỉ sơ mấy nét đơn giản mà mái tóc ấy, khuôn mặt ấy, khuôn mặt đầy đặn như trái hồng, hai mi mắt khum khum và miệng cười lơ đãng. Lần đầu tiên Thanh vẽ Tú. Tú đưa mắt nhìn nét vẽ, nàng hỏi:

- Khi các anh học vẽ, chắc có vẽ đàn bà khỏa thân làm mẫu?

Hỏi dứt câu Tú cúi xuống, hai mắt hơi dướn lên nhìn về phía khác, rồi lại hạ xuống ngay khiến Thanh có cảm giác cả khuôn mặt nàng, nhất là đôi môi nàng gợn sóng như hình ảnh trên một màn bạc căng trũng khi có đợt gió lướt qua. Thanh cũng biết đó chỉ là ảo giác, vì luôn luôn Thanh nghĩ về phía Tú tha thiết quá, nên bất cứ ảo giác nào cũng chỉ có tác dụng làm Tú đẹp thêm lên ngay lúc có ảo giác và đẹp sau ảo giác.

Thanh cười hỏi lại:

- Ai bảo Tú thế?

- Biết! – Tú đáp gọn, nũng nịu, ánh mắt sáng lên rồi dịu ngay.

- Có thể, nhưng người đàn bà khỏa thân dưới mắt họa sĩ không ngưng vì lúc đó đường nét thân thể là hiện thân của nghệ thuật.

Thanh biết là mình ngụy biện một cách hẹp hòi, vì nói như vậy thì cảm giác yêu đương khi mình ôm người đàn bà khỏa thân không là nghệ thuật sao? Nhưng Thanh vẫn tiếp tục:

- Có một nàng công chúa Tây phương ý thức được nét cong tuyệt mỹ của mình, bèn khỏa thân cho họa sĩ để nhờ nghệ thuật vĩnh viễn hóa đường nét của mình.

Sự đụng chạm giữa hai làn môi đã là một sự kiện phổ thông quốc tế, nên khi nói với Tú, Thanh luôn luôn có khuynh hướng cúi xuống tìm gặp môi nàng và sự ám ảnh – đã từ lâu – mãnh liệt đến nỗi ngay khi ấy Thanh vẽ hình Tú lần thứ hai đã vô tình dùng phấn vẽ làn môi trước rồi mới tới khuôn mặt sau. Thanh cố ý nói nhiều về khỏa thân, về đường nét để Tú nghe quen và bạo với hình ảnh đó. Việc Tú dám hỏi trước về người kiêu mẫu khỏa thân

khiến Thanh yên lòng không còn nghi ngờ gì về cảm tình của nàng đối với mình.

Thanh tiếp tục gian dối một cách đáng yêu:

- Đường nét của người đàn bà đẹp cần đi vào vĩnh viễn nhờ nghệ thuật. Đường nét đó gắn với hương thơm, thứ hương thơm thanh khiết đã được siêu hóa bởi nghệ thuật.

Một cơn gió mạnh từ ngoài lùa vào khuôn cửa.

- Tôi còn nhớ câu chuyện đọc đã lâu – Thanh tiếp – có một điêu khắc gia đắp tượng người đẹp bằng cát vàng trên bãi biển; bức tượng được đắp trong một lúc hứng khởi tuyệt vời, nhà điêu khắc vội cho nấu sáp để đổ lên mà giữ lấy, nhưng thủy triều tiến quá nhanh, không kịp! Biết rằng không bao giờ bắt lại được nguồn cảm hứng đó, qua một đêm không ngủ, buổi sớm mờ sương hôm sau, nhà điêu khắc đã như kẻ mất hồn, tiến thẳng và đi sâu xuống biển để... lần tìm những mảnh tượng.

Một cơn gió mạnh hơn lùa vào, cái đầu tròn rất xinh của Tú xù lên tươi bởi, Thanh mỉm cười nhìn khuôn mặt đẹp của Tú, rồi lướt lên khắp thân thể của nàng như muốn nói lớn trong im lặng: “Đường nét của Tú... cần được vĩnh viễn hóa, Tú nên khóa thân...”

Tú nhìn Thanh như cầu cứu, nàng sợ cái im lặng lúc đó.

- Nếu Tú đổ nước – Thanh tiếp – xóa bức vẽ này thì mặt bàn sẽ là mặt biển và tôi sẽ lặn xuống sâu để tìm lại những nét của khuôn mặt Tú.

Tú mỉm cười luống cuống, miệng như muốn nói điều gì mà không tìm được lời, một bàn chân xinh đặt vào vùng ánh sáng, nàng đi dép quai *nylon*, móng chân phớt màu cánh sen lợt. Áo lá bên trong nàng mặc hằn lên, cổ viền *dentelle*.

- Tú – Thanh nói trong cơn sốt – em xem, tên đòi ta sinh ra đã là để lấy nhau rồi, chẳng còn một trở lực nào cản nổi. Anh yêu Tú, chúng ta phải lấy nhau, điều đó mới là quan trọng. Anh không thể ở đây nhìn em được nữa. Anh về. Mai anh sẽ lại để em trả lời. Nếu không lấy nhau được, đừng bao giờ gặp mặt nữa.

Thanh bước quanh chiếc giường sắt ra thêm bằng lối cửa ngách, tiến băng ra đường, ngoái cổ lại. Một ngôi sao chói lọi trên sát vòm cây tím đen như muốn cười giễu bóng tối chập chờn bao phủ quanh nhà người đẹp.

Thanh đi đến tòa báo Văn Hóa. Đã mười giờ khuya nhưng vào giờ này chắc chắn Khiết còn làm việc ở đây. Không hiểu sao, vào lúc này Thanh chỉ nghĩ đến Khiết như nghĩ đến người anh cả, một cố vấn thân yêu. Tới nơi, Thanh thoáng thấy bóng Luận và Kha bên trong, Luận ngật cổ ra cười, ý hân vừa nói câu gì nhằm nhí đặc ý. Còn Kha, Thanh thấy Kha sắc xảo quá, uy nghi quá trong yêu đương, chẳng hợp với tâm tình tha thiết và thơ dại của Thanh. Ngập ngừng một giây rồi Thanh đi thẳng, thất vọng.

Ra đường Thanh không tự chủ được nữa, bước miết mãi về phía nhà Tú. Có lẽ đã quá mười giờ khuya. Thanh rón rén bước lên thêm...

- Tú ơi!

Có tiếng trở mình ngồi dậy, tiếng chân quờ quạng dưới đất tìm dép, rồi tiếng dép rón rén. Tiếng khóa mở khê, quả đấm khê xoay, cánh cửa từ từ hé mở. Khuôn mặt yêu kiều của Tú vừa xuất hiện giữa nền tối bên trong và khoảng ánh sáng bên ngoài, Thanh đã nắm lấy tay kéo nàng lại ôm riết trong vòng tay, thoát hồi hộp rồi đê mê:

- Anh không thể chờ được đến ngày mai, anh phải gặp em, anh đã gặp em!

Thanh cúi xuống hôn lên trán Tú rồi lên má, sau cùng ngừng lại trên môi, thoạt là sự ngừng lại bờ ngõ, rồi qua đi mấy giây, Thanh hiểu Tú đã bằng lòng, cái hôn mới thật có ý thức và ý thức đó lớn mạnh rất chóng để còn bạo dạn lay động ý thức của Tú nữa.

TIẾNG CHUÔNG
CHÙA LÀNG

Đang ngồi đọc lại bức thư, có tiếng chuông réo lên, Mẫn ngừng đầu nhìn ra, gương mặt rạng rỡ hẳn, vội vàng đứng dậy chạy tới.

MÃN (vừa mở cửa vừa nói như reo) – A bác, thưa bác cháu có ý mong bác mấy hôm nay rồi!

TIẾNG NGƯỜI BÁC – Lũ trẻ đâu cả?

MÃN – Thưa bác, lũ chúng giờ này cháu bắt lên gác cả.

Một người trạc lục tuần bận quốc phục bước vào, tóc hoa râm, bộ râu mép cũng vậy, đôi mắt sáng, không đeo kính, khuôn mặt hồng hào phúc hậu. Mẫn khóa trái cửa lại rồi cả hai tiến vào trong.

MÃN (cùng ngồi xuống với người bác) – Thưa bác, từ hôm lộn xộn, các trường được lệnh tạm đóng cửa, nghỉ dạy học, cháu mong bác hoài, giá cháu không bận trông cho họ sửa nốt mấy chỗ dột trên mái ngói trước khi mùa mưa tới thì cháu đã lại đặng bác rồi.

NGƯỜI BÁC – Thì bác cũng thấy đường cái cứ về chiều là lộn xộn nên chán chẳng muốn đi đâu.

MÃN (đưa một tờ thư cho người bác) – Lần này có thư của mẹ cháu viết cho chúng cháu.

NGƯỜI BÁC (cầm lấy lá thư) - Ô hay quá nhỉ. Cũng may gia đình mình có người nhà ở bên Pháp, thư từ tin tức vừa nói được nhiều vừa mau, chứ cứ như nhiều gia đình khác trông vào bưu thiếp thì chán chết.

MẪN (giọng buồn rầu) – Lần nào được đọc thư của mẹ cháu, cháu cũng chỉ muốn khóc!

Người bác cười gật đầu và cúi xuống chăm chú đọc. Tiếng bà mẹ miền Bắc rầu rầu vẳng lên từ những dòng thư.

“Các con của mẹ,

Nghe tin ở bên này các con, các cháu mạnh khỏe, mẹ mừng. Còn ở nhà thấy mẹ và các em, các cháu đều mạnh khỏe cả. Các con cứ yên tâm giữ đạo đức tốt thì mẹ rất mừng, khi nào đại gia đình xum họp mẹ sẽ nói chuyện nhiều. Các con nhớ giữ gìn sức khỏe kẻo mẹ thấy các con lo bận công việc hình như có gầy đi nhiều.

Anh Toàn, cháu của già...”

NGƯỜI BÁC (ngẩng lên hỏi Mẫn) – Toàn thỉnh thoảng có về đây không cháu?

MẪN – Dạ, chú ấy mới về đây hôm nọ, rồi lại phải lên Tây Ninh ngay, chú ấy trông coi kho xăng trên ấy.

Người bác cúi xuống đọc tiếp. Tiếng nói nhẵn nại và tràn đầy yêu thương của người mẹ vang lên buồn buồn:

“Anh Toàn cháu của già... Già nói chuyện gia đình nhà để con biết, thấy con khỏe mạnh, vợ con và các con đều mạnh khỏe, con cứ yên tâm, vợ con ở nhà rất tốt, trông nom hai con của con rất đầy đủ, học hành năm nào cũng lên lớp, khi giỗ mẹ con có mời cả già, các cậu, các mợ tới ăn giỗ vui vẻ lắm. Nội ngoại rất thương vợ con, vì hai chữ đạo đức là vốn rất quý, con cố gửi thư và ảnh về cho vợ con kẻo ở nhà

rất mong. Thôi già chả biết nói chuyện gì nữa, chúc các cháu đều mạnh khỏe cả, đợi ngày đoàn tụ.

Mẹ của các con."

MẮN – Bao giờ đọc thư mẹ, cháu cũng không cầm được nước mắt. Mà rõ ràng trong thư mẹ cháu không bao giờ than khổ than cực cả và đúng như trong thư điều cần dặn duy nhất suốt đời mẹ cháu bao giờ cũng là: *"Các con cứ yên tâm giữ đạo đức tốt thì mẹ rất mừng!"*

NGƯỜI BÁC – Mẹ cháu cũng giống bà sinh ra bác, mẹ cháu còn thuộc thể hệ cũ mà, nếp sống cổ là một cái gì thuần phác (cười để che cảm động cho cháu). Mẹ cháu cũng biết đề nghị trang cho bức thư là *"Pa-ri ngày..."*

MẮN (cũng cười theo, qua một giây suy nghĩ bỗng sực nhớ ra điều gì) – A, thưa bác, cũng chuyển thư này cho em cháu ngoài đó cho hay tin bác Cửu đã mất.

NGƯỜI BÁC – Bác Cửu mất rồi?

MẮN – Hình như bác Cửu hơn tuổi thầy cháu.

NGƯỜI BÁC – Ông Cửu tuổi Canh Tí, bác nhớ lắm, hơn thầy cháu ba tuổi, thầy cháu tuổi Quý Mão (cười) bọn anh em chúng tôi nhớ tuổi nhau lắm chứ không như các cậu bây giờ đâu (khẽ vượt chòm râu muối tiêu), thành thử ra xóm nhà giờ đây chỉ còn mình thầy cháu là già khộm nhất (lắc đầu chép miệng), những anh em đồng cỡ tuổi với bác giờ còn lác đác như sao về sáng, cứ rụng dần... rụng dần...

MẮN – Thế bác kém thầy cháu mấy tuổi?

NGƯỜI BÁC – Một tuổi thôi, bác tuổi Giáp Thìn. Ấy cũng vì bác kém thầy cháu một tuổi mà đạo đó đại gia đình nhà ta bèn chấp nhận cho bác theo Tây học. (Có tiếng ồn ào dữ dội từ ngoài đường vọng vào) Gì mà dữ vậy, lại biểu tình hả cháu?

MÃN – Vàng (nhìn đồng hồ) sáu giờ chiều rồi, giờ biểu tình đấy, cho nên bác có thấy dọc theo hàng phố các cửa tiệm, cửa nhà đều đóng im ỉm?

Có tiếng đập cửa rộn ràng, cả hai bác cháu cùng giật mình ngồi thẳng người. Tiếng thét từ ngoài: “Chủ nhân đồng bào ra nhờ một tí” rồi lại tiếng đập cửa, rồi lại tiếng thét: “Chủ nhân đồng bào ra nhờ một tí!”

NGƯỜI BÁC – Cháu cứ lánh mặt vào trong này đi để bác ra cho. (Mẫn lánh vào chỗ khuất nhưng vẫn nhìn rõ phía ngoài cửa. Người bác vuốt mớ tóc muối tiêu đứng dậy thông thả đi ra phía cửa). Các ông hỏi gì? Chủ nhân đi vắng, tôi là bác chủ nhân đây.

Bên ngoài cửa, hai thanh niên áo sơ-mi phanh ngực, quần ống túm, mỗi tên cầm một cây mía gãy, miệng nhả mía ngòm ngòm. Ngoài mặt đường nhốn náo khoảng một trăm người biểu tình khác, sát khí đằng đằng.

THANH NIÊN I – Ông cụ ủng hộ cho hai cây gậy để căng biểu ngữ.

THANH NIÊN II (nhỏ bả mía, cắn một khẩu khác, vừa nhai vừa nói, thỉnh thoảng sặc nước mía một chút) – Chủ biểu ngữ chúng tôi căng bằng hai cây mía này gãy mất rồi. Ủng hộ cho hai cây gậy đi, bọn tôi tranh đấu là tranh đấu cho cả đồng bào mà.

NGƯỜI BÁC – Các cậu đợi tôi chút nhé (ông trở vào tìm các xó cửa gầm giường thấy có một chiếc gậy mang ra). Nhà chỉ còn một chiếc gậy này, các cậu dùng!

THANH NIÊN I – Ông vào tìm cho cây nữa đi, có một là phải có hai, bọn tôi tranh đấu là tranh đấu cho tất cả đồng bào mà.

THANH NIÊN II (ngửa cổ nhìn lên ban công) – À có

thêm chiếc gậy nữa đây rồi. Ê này chú bé, rút cho chiếc cán cờ trên đó xuống đây.

TIẾNG MỘT ĐỨA TRẺ (từ trên gác nói xuống) – Sức mấy, cán cờ của nhà người ta!

NGƯỜI BÁC (nhận ra tiếng đứa trẻ) – Thăng Hiến đấy phải không?

TIẾNG ĐỨA TRẺ - Thưa ông vâng ạ.

THANH NIÊN I – Vút cho ta chiếc cán cờ xuống đây!

ĐỨA TRẺ - Hôm nay ngày giỗ Quốc Tổ, cờ treo ngày giỗ Quốc Tổ, anh không biết sao?

THANH NIÊN II – Khỏi cần giỗ Tổ, bọn ta tranh đấu thế này là đủ rồi. Vút chiếc cán cờ xuống đây mau.

NGƯỜI BÁC – Cứ gấp cờ lại đưa cho người ta cái cán, cháu!

Thằng bé tuân theo lời ông, hì hục trên ban công một phút rồi ném chiếc cán cờ xuống. Một người sịch bước tới dừng lại, đó là một thanh niên sĩ quan, trên má bên phải một vết sẹo dài ăn sâu xuống, kỷ niệm một lần đạn set qua trong chiến dịch mùa mưa năm ngoái. Thanh niên I và Thanh niên II vừa lẳng biểu ngử vào gậy vừa ngược lên, gặp tia nhìn lạnh lùng của viên sĩ quan trẻ tuổi, tia nhìn không những coi khinh sự chết mà coi khinh cả sự sống nữa. Hai thanh niên vội vã cầm biểu ngử đi vào đám đông đã bắt đầu di chuyển. Người bác trở vào nhà, Mẫn ra, hai bác cháu tiếp tục câu chuyện.

MẶN – Thưa bác, nhà cháu ở trong bếp sắp ra chào bác.

VỢ MẶN từ trong ra.

VỢ MẶN – Lạy bác ạ, bác vẫn được mạnh?

NGƯỜI BÁC – Kìa cháu, cảm ơn cháu, bác vẫn mạnh. Các cháu nhà này vẫn ngoan cả đấy chứ?

VỢ MẪN – Thưa bác, chúng nó nghịch lắm ạ (cười), có lẽ chỉ sang năm là đã có đứa đi biểu tình được rồi. Thưa bác, hôm nay bác sơ cơm với chúng cháu rồi nghỉ lại luôn đây, chín giờ đã giới nghiêm rồi.

NGƯỜI BÁC – Tất nhiên thế rồi. Cháu cứ vào bếp đi, có món muối vừng thường lệ cho bác không?

VỢ MẪN (cười) – Thưa bác từ ngày nhà cháu bắt chước bác ăn cơm gạo lức muối mè mỗi tuần một lần, thì thường xuyên nhà có món muối vừng. Xin phép bác, cháu vào.

NGƯỜI BÁC - Ừ cháu vào.

Vợ Mẫn vào.

MẪN – Thưa bác, thế mà di cư vào đây đã mười hai năm rồi, thấm thoát chóng thế.

NGƯỜI BÁC - Các cháu còn trẻ không sao, chứ như bác bây giờ gần đất xa trời rồi nên đêm nào không ngủ được nhớ làng áo đố.

MẪN - Địa thế làng ta đẹp thật chứ bác nhỉ, ngay sát bờ con sông nhỏ, vào làng phải qua một chiếc cầu đá, ngay đầu làng là một cây si cổ thụ với một tòa miếu cổ. Cháu còn nhớ mỗi lần đứng ở đầu làng nhìn sang con đường nhựa bên kia sông dẫn về Hà Nội, cháu tưởng như nhìn sang một thế giới nào khác biệt hẳn với thế giới thanh bình của làng.

NGƯỜI BÁC - Ấy thế mà trẻ con xóm Chợ ngay đầu làng còn như chịu ảnh hưởng của con đường nhựa thường có thái độ ngỗ nghịch. Đi sâu vào giữa làng thì con đường nhựa, hình ảnh của nền văn minh mới, cũng mờ đi. Nếu lại rẽ vào xóm nhỏ hai bên với những hàng rào ô rô, những hàng rào dâm bụt với những ao bèo thì hoàn toàn đi vào thế giới thuần phác của người dân Việt thuần túy.

MẪN – Thưa bác chắc bác còn nhớ cô Ty cháu, cô cháu đã mất trong một ngõ xóm như vậy.

NGƯỜI BÁC – Bác nhớ, cô cháu về nhà chồng được hơn một năm, sinh đứa con đầu lòng đầu được ba tháng thì thọ bệnh mất.

MẪN – Cô cháu bị bệnh tả đấy bác nhỉ.

NGƯỜI BÁC (gật đầu) – Đạo đó mùa hè nào mà chẳng có bệnh tả hoành hành.

MẪN – Đến ngày nay mà cháu còn như nghe rõ tiếng than khóc của bà cháu và còn như thấy rõ thằng em trai, con cô cháu, vào lúc gà lên chuồng, khóc đòi mẹ và sà xuống theo bất kỳ bóng người đàn bà nào đến giờ tay bế nó. Bà cháu còn khóc cô cháu mấy ngày sau, người kể lẽ nào là ông cháu mất sớm, bây giờ lại đến lượt cô cháu, thành thử người chỉ còn một thầy cháu. Người than rằng người khổ từ trẻ đến già. Tiếng bà cháu khóc than thật là sâu thẳm, vang lên trong chiều quê, ngày nay nhớ lại cháu còn muốn chảy nước mắt.

NGƯỜI BÁC - Ờ, ờ... bác nhớ... bác nhớ... (Lái sang chuyện khác) Ấy, thế đất của làng là thế đất Ngô Công – thế đất con rết – đình làng lại ở thế đất Qua Đàng – thế đất dây dưa kết từng chùm – nhiều thầy địa lý cho rằng vì vậy các họ trong làng đều khá. Bác nhận có đúng thế. Nay nhé họ Viết trước đây cũng cung cấp cho làng được mấy ông cử nhân. Đến họ Quản, mà tổ chôn ở bãi Đình Hát trông ra gò Thiên Tôn thì trước đây cũng có đến hai đời quận công. Họ Nguyễn, mà tổ chôn ở gò Con Tiên cũng đã có người làm đến Chương-lục-bộ Tướng-ấn, tức như tể tướng...

Có tiếng ồn ào bên ngoài, Mẫn cau mày nhìn ra. Tiếng người từ ngoài đường loáng thoáng lọt vào: “Họ đốt tòa báo!” “Cảnh sát ném lựu đạn cay giải tán đấy!”...

NGƯỜI BÁC (tiếp tục câu chuyện về làng) – Mà họ Lê đặt vào thế đất có Dẫn – thủy, giàu nhưng hay bị ác tật như lao, cùi. Bác nhận xét thấy có thể thật! Đẹp nhất phải nói đến hướng đình làng ta nhìn ra con quy là một cái gò lớn. Vào những ngày mưa dầm tháng Tám, tháng Chín, nước từ con quy dềnh lên... dềnh lên... trắng xóa, trông tuyệt đẹp. Thế nước dềnh lên như vậy các thầy địa lý gọi là ngọc-giai-thủy – nước như thêm ngọc!

Có tiếng gõ cửa. Hai bác cháu ngừng chuyện cùng quay ra yên lặng nghe ngóng. Lại có tiếng gõ cửa.

NGƯỜI BÁC – Để bác ra xem sao.

Người bác tới cửa nhận ra người gõ là chàng sĩ quan khi nãy có cái nhìn khinh bỉ lạnh lùng của kẻ không những coi thường sự chết mà còn coi thường cả sự sống nữa.

CHÀNG THANH NIÊN SĨ QUAN (C.T.N.S.Q.) – Thưa cụ mấy tiệm giải khát quanh đây họ đóng cửa cả, cháu khát nước quá, phiền cụ cho cháu ly nước.

NGƯỜI BÁC – Xin mời ông vào nhà một chút, không có chi phiền, xin mời ông vào!

Hai người vào, Mẫn đứng lên đón chào.

MÃN – Mời anh ngồi, để tôi vào lấy nước trà. (Mẫn vào.)

NGƯỜI BÁC – Tôi cứ ngỡ quân nhân như các ông trong mấy ngày gần đây đều phải cắm trại một trăm phần trăm?

Mẫn ra, mang theo ly nước trà đặt trước viên sĩ quan.

C.T.N.S.Q. (khẽ cúi đầu nói với Mẫn) – Cám ơn anh, (với người bác) thưa cụ, đơn vị cháu đóng ở miền Trung, cháu mới xin được nghỉ phép về đây tìm người nhà, tìm một bà chị để báo tin buồn.

MÃN – Thế anh đã tìm thấy bà chị chưa?

C.T.N.S.Q. – Thưa chưa, chị tôi vừa đổi sang chỗ ở mới tận bên Gia Định, có lẽ mai tôi mới có thể tìm thấy được.

MẪN – Anh về Sài Gòn có nhà người quen?

C.T.N.S.Q. (lúng túng) – Dạ cũng có... tức là nhà... bà chị tôi...

MẪN – Vậy thì đêm nay anh chưa có chỗ ở?

C.T.N.S.Q. – Thưa tôi định tìm đến một khách sạn.

MẪN – Thôi anh cứ ở luôn đây, trên lầu ba có một căn phòng duy nhất là căn phòng làm việc của tôi, anh nghỉ ngơi thoải mái, mai sáng đi Gia Định sớm. Bây giờ tiện thể anh xơi cơm chiều với bác cháu chúng tôi.

C.T.N.S.Q. - Ồ... Vâng... cảm ơn anh nhiều lắm. (Mẫn vào nhà, chàng sĩ quan nói với người bác) Thưa cụ, cháu thật hên, quả tình cháu đương băn khoăn không biết tìm khách sạn ở đường nào bây giờ, cháu ít khi vào Sài Gòn nên không thạo đường cho lắm.

Vợ Mẫn theo Mẫn bung mâm cơm ra đặt lên bàn, cúi đầu chào đáp lễ chàng sĩ quan.

VỢ MẪN – Thưa bác, để bác và nhà cháu ngồi tiếp khách ngoài này, cháu xin phép trông nom cho ba cháu ăn ở trong nhà.

NGƯỜI BÁC – Được, thế món muối vừng của bác đâu?

VỢ MẪN (chỉ vào chiếc lọ Mẫn đương cầm tay) – Thưa bác, nhà cháu đích thân phụ trách mang ra đây ạ. (Mọi người cùng cất tiếng cười, vợ Mẫn lui vào. Ba người đàn ông sửa soạn bát đĩa rồi cùng vừa ăn vừa nói chuyện.)

MẪN – Thưa bác, lúc này bác cháu mình đương nhắc đến chuyện gì của làng mình nhỉ? À phải rồi, bác đương nhắc đến chuyện địa lý, (nói với viên sĩ quan) thưa anh, ấy lúc buồn tôi thích được nghe bác tôi nhắc đến chuyện làng.

C.T.N.S.Q. – Chính tôi cũng cùng tâm trạng ấy, mà có lẽ tất cả những ai đã từng sống ở chốn đồng quê đều cùng tâm trạng như vậy. Nghĩ về làng, nghĩ về nếp sống ở thôn quê, mình mới có cảm tưởng là mình bất diệt (cười), thật vậy thưa cụ, sống ở miền hỏa tuyến như cháu, sống chết luôn luôn như treo trên sợi tóc mà cháu dám nói là mình bất diệt với làng xóm.

NGƯỜI BÁC – Tôi nghe giọng nói thì hình như ông là người Quảng Nam?

C.T.N.S.Q. – Thưa cụ vâng, làng cháu cách tỉnh lỵ chừng mười hai cây. Người anh rể cháu tập kết ra Bắc lấy vợ khác ngoài đó và mới năm ngoái đây theo quân đội Bắc vô hoạt động ngay tại Vùng Một chiến thuật, tức là vùng quê hương của chúng cháu.

MẶN – Thế anh đã có lần nào được gặp ông anh nhà?

C.T.N.S.Q. (lắc đầu) – Tất nhiên là chưa anh ạ. Điều đáng buồn là hai anh em mà nay ở hai trận tuyến (giơ tay sờ vết sẹo ở bên má phải) vết thương này tôi nhận ở mặt trận Chu Lai năm ngoái, biết đâu không do viên đạn của chính ông anh rể tôi (cười ngao ngán). Có thể lắm chứ! Đến như tháng trước đây, hai đứa cháu về quê nội ăn giỗ thì ban đêm bị đạn súng cối 81 câu nhắm vào nhà chết cả hai (lại lắc đầu ngao ngán). Có thể là đạn súng cối của ông anh tôi, của cha hai đứa trẻ, câu vào lắm chứ, sao không.

MẶN – Vì vậy nhân dịp nghỉ phép anh vào đây báo tin buồn cho bà chị hay?

C.T.N.S.Q. – Vâng.

MẶN – Sao bà chị anh không cho hai cháu cùng vào đây?

C.T.N.S.Q. – Bà chị tôi mới tái giá!

Cả MẶN và người bác cùng cất tiếng “à” một tiếng rồi

im lặng kéo dài tới vài phút. Sau cùng Mẫn tìm cách đổi hướng câu chuyện.

MẮN – Thưa bác, bác có nhớ sự tích vị Thành Hoàng thờ ở đình làng ta?

NGƯỜI BÁC – Làng ta không thờ một Thành Hoàng như mọi làng mà thờ năm vị cả thấy, một vị ở đình, một vị ở miếu Chợ, một vị ở miếu Chùa và hai vị ở miếu Cả. Đó là năm vị Cao Sơn Đại Vương, con đức Lạc Long Quân theo mẹ xuống biển. Chả làng ta gần sông gần nước nên thờ các vị.

MẮN - Ô bây giờ cháu mới biết điều đó.

NGƯỜI BÁC – Cháu có nhớ miếu Cả còn thờ bà Phi họ nhà?

MẮN – Dạ cháu nhớ. Thường thường đêm giao thừa năm nào thầy cháu cũng mang đồ lễ ra miếu Cả.

NGƯỜI BÁC – Không riêng người trong xóm mình, người trong họ mình, mà cả làng cứ vào dịp Nguyên Đán mọi người đều sắm sanh lễ vật mang tới dâng cúng Đức Bà. Cả làng, nhất là những người hay đi xa, đều coi Đức Bà như vị phúc thần luôn luôn che chở cho họ. Có nhiều người thuật lại những khi ốm đau hoặc gặp cơn nguy biến nơi đất nước người, thường nằm mơ thấy một bà đầu tóc bạc phơ, nón thúng quai thao tới an ủi, rồi chẳng bao lâu tai qua nạn khỏi. Thêm một điều, hễ ai phải dời làng thì ở chốn tha phương làm ăn thế nào cũng khá, ai cũng bảo đó là do Đức Bà phù trợ. Bác nghĩ thật Đức Bà đã làm vinh hạnh cho dòng họ nhà. Về những điều này bác giữ nguyên tín ngưỡng cổ truyền, và bác tin rằng bác không lạc hậu, đức tin đó là quý cháu ạ (với viên sĩ quan) có phải không thưa ông.

C.T.N.S.Q. – Dạ, cụ dạy đúng ạ.

NGƯỜI BÁC (với Mẫn) – Cháu ơi, làng cả hai miền giờ

đây đều bị phá vỡ bằng cách này hay cách khác mà chưa có gì thay vào đó. Cháu trông đấy, làng trong này bị bom đạn rơi bời, bị trái phá từ đôi bể rót vào, một phần phải bỏ làng vào những ấp tân sinh, một phần phải lên tỉnh ở, sống chen chúc bên đám dân thị thành ích kỷ, giả dối, bị ối sống bám vào chiến tranh, nhưng hở mở miệng ra là ra điều ta đây nguyên rủa chiến tranh. Lũ nào có chút quyền thế thì ỷ vào quyền thế mà ăn cắp; lũ nào có chút của thì ỷ vào của cải mà thao túng thị trường chợ đen, chợ đỏ. Mới cách đây ít lâu, bác gặp một người học trò cương trực của bác, hẳn nói: “Thưa thầy, nếu con có quyền, con đốt búng đám thành thị đi, bắt tội chúng tận hết về quê mà ở.” Ý kiến ngộ mà hay đấy chứ cháu, làm thế thôn quê trở thành phần thịnh, văn minh lên, và cứu được làng.

C.T.N.S.Q. – Cháu đã từng sống nhiều ở làng, nên cháu thông cảm với lòng yêu làng của cụ.

NGƯỜI BÁC – Chính đời sống khốn nạn ở chốn thị thành này giết những người thanh niên của cả đôi bên trên bãi chiến trường. Chính đời sống khốn nạn nơi đây giúp những kẻ cầm đầu bên kia có cơ xui những thanh niên xông ra chết thay cho chúng. (Chỉ vào mâm cơm) Nhưng chẳng có dân nước nào mâm cơm có ớt cay, chuối chát như dân mình, chẳng có dân nào *estampe* vẽ tranh trèo dừa và dùng toàn loại màu sắc thuần túy như dân mình, chẳng có dân nào có những chuyện tiểu lâm như những chuyện tiểu lâm của dân mình, và đào đầu trên thế giới ra một Hồ Xuân Hương thứ hai? Cho nên, nghĩ đi thì cũng nên nghĩ lại, nếu trách sự sa đọa nổi lên ở chốn đô thị này, thì cũng đừng nên quên rằng dân mình đã lì lợm chịu đựng cuộc chiến tranh từ hai mươi năm nay, sự lì lợm của người dân cả đôi miền đã làm cho những quan sát viên quốc tế phải la hoảng, phải điên đầu, họ thú thực là chịu không hiểu nổi dân mình, nhưng nói như vậy là họ đã hiểu rồi đó, hiểu rằng làm sao cái dân tộc nhỏ bé này

mang nổi trên đôi vai gầy sức nặng của ngót năm ngàn năm lịch sử mà vinh quang đồng nghĩa với gian khổ.

C.T.N.S.Q. – Thưa cụ, lại có người căn cứ vào sấm Trạng Trình: “Mã đề dương cước anh hùng tận, Thân Dậu niên lai kiến thái bình.” Có lẽ dân mình sau một thời gian chịu đựng dịch tả Thực dân rồi dịch hạch Cộng sản, đến lúc được hưởng giai đoạn thanh nhàn chăng?

NGƯỜI BÁC – Không phải dân mình chịu đựng Thực dân và Cộng sản, mà phải nói chính Thực dân và Cộng sản chịu đựng dân mình. Cả hai lần lượt bước vào đất nước này, thoát như chủ nhưng chẳng bao lâu họ thấy rằng đó chỉ là ảo tưởng. Bắt đầu từ đấy họ sống một cuộc sống làm điền đầu họ, chủ không ra chủ, nô lệ không ra nô lệ, cuộc sống của họ chợt nổi lên bệnh như một thây ma trên dòng sông lì lợm là thái độ sống của dân mình, và họ vùng vẫy... họ vùng vẫy với chính họ mong sớm thoát khỏi ảo tưởng đó trong... danh dự! Cộng sản khi ra khỏi cuộc chiến đấu này không còn là Cộng sản nữa đâu, ông bạn trẻ ạ, ông cứ tin tôi, tôi là nông dân mà.

MẮN (nói với viên sĩ quan) – Bác tôi vẫn thường tự hào mình là một nông dân chính cống.

NGƯỜI BÁC – Thật thế đấy ông bạn trẻ ạ, đó là một điều may mắn tôi còn giữ được tính chất nông dân của ông cha để lại. (Hỏi Mẫn) cháu có nhớ cây đa cổ thụ ở đằng sau miếu Cả làng nhà?

MẮN – Dạ cháu nhớ, trời ơi, lúc bé mỗi lần qua đó vào giờ gà lên chuồng cháu sợ muốn chết, ông già, bà cả vẫn bảo là sống dưới gốc đa đó có con bạch xà thành tinh.

NGƯỜI BÁC – Tương truyền tại gốc cây đa cổ thụ đó vào năm Quý Dậu 1873, năm Tây hạ thành Hà Nội, chúng có lần đem quân về làng ta, đàn bà trẻ con chạy thoát cả, chúng bắt được mấy ông đồ bèn đem ra bắn tại gốc đa. Ấy đấy, các cây cối, miếu mạo, ruộng đồng nơi làng

mạc thường hoặc là những căn cứ kháng chiến, hoặc là bãi chiến trường, hoặc là nơi pháp trường hành quyết ông cha thất thế, như vậy đi vào cảnh trí làng mạc đồng quê mà không cảm thấy như đi vào linh hồn của cha ông sao được?

Vợ Mẫn theo dấu tay làm hiệu của chồng tới dọn bàn ăn, rồi mang đồ nước ra. Trong khi đó câu chuyện vẫn tiếp tục.

C.T.N.S.Q. (giơ tay lên gãi đầu về suy nghĩ giây lâu rồi mới nói) – Thưa cụ, bây giờ cháu mới cảm thấy rằng cái chết của bao nhiêu người trong hơn hai mươi năm nay không vô ích.

NGƯỜI BÁC - Không đâu ông bạn, máu không đổ thì thôi, một khi máu đã đổ, máu mang ơn, máu ghi ơn... chẳng bao giờ máu đổ vô ích đâu ông bạn! Quá nửa đời sống của tôi là ở chốn thôn ổ như cây bắt rễ sâu ở lòng đất, cây xanh không hận thù ông bạn trẻ ạ, và tôi đoán chắc thế đấy, ra khỏi cuộc chiến đấu này Cộng sản không còn là Cộng sản nữa đâu. Ông bạn trẻ cũng đừng quên chính Cộng sản đương chịu đựng sự lì lợm của dân ta – dân của cả hai miền – chứ không phải chúng ta chịu đựng Cộng sản. Dân ta lì lợm như con gà đọi giờ gáy sáng. Trong tiềm thức mọi người kể cả những cận bã đang nổi lên mặt tảng xã hội ngày nay đều hoạt động ngầm theo chiều hướng đó. Mặc cho phần trên mặt biển phong ba gào thét, phần dưới vẫn trầm lặng ôm ấp những cá kình, cá ngạc. Chẳng biết có phải đó là ý nghĩa câu “vô vi nhi vô bất vi” của Lão Tử chăng.

Người bác đứng dậy đã toan đi thẳng vào buồng, nhưng chợt dừng lại, đôi mắt thoáng như mất hút vào một ý nghĩ thăm thẳm nào, đồng thời với một nụ cười mỉm trên miệng, nụ cười thật hiền nhưng đượm chút mỉa mai.

NGƯỜI BÁC – Dù sao thì đó cũng chỉ là những vai trò! (Với viên sĩ quan) Phải đến tuổi tôi, ông bạn trẻ ạ, mới thấy rõ điều này! Mỗi người chúng ta đóng một vai trò trên cái sân khấu đời này (ông khẽ lắc đầu) một vai trò không hơn không kém. (Với Mẫn) Thôi bác vào.

MẮN – Dạ bác đã mệt để mời bác đi nghỉ.

VỢ MẮN (ở trong ra) – Thưa bác cháu đã làm xong giường ở trong này, mời bác vào.

NGƯỜI BÁC (nói với viên sĩ quan) – Xin phép ông, tôi thường có thói quen đi nằm sớm. (Với vợ chồng Mẫn) Ồ, bác vào đây.

Người bác vào.

MẮN (với viên sĩ quan) – Để tôi đưa anh lên căn phòng gác ba của tôi, anh cũng cần nghỉ sớm để mai còn sang Gia Định tìm bà chị.

C.T.N.S.Q. – Vâng tôi xin theo anh.

Viên sĩ quan trẻ tuổi theo Mẫn lên gác. Tới gác ba, cả hai cùng dừng lại ngoài sân gác.

C.T.N.S.Q. – Có lẽ đây là lần đầu tiên tôi nhìn thành phố Sài Gòn ban đêm từ cao nhìn xuống (chỉ về phía chiếc *building* xa). Trông như chiếc boong tàu lừ đừ trôi trên không trung anh nhỉ. Ủa mà sao nhà cửa cây cối thấy đều như không có chiều dày, trông như một thứ *décor* vẽ trên phong vậy. Hay tại tâm trạng tôi dạo này nhiều chán nản âu lo mà nhìn cảnh vật ra vậy?

MẮN – Cảnh vật từ lúc hoàng hôn trở đi rồi về đêm bao giờ cũng như thế anh ạ. Nhiều buổi hoàng hôn cảnh vật mỏng và hư ảo đến rợn người.

C.T.N.S.Q. (chỉ vành trăng thượng tuần) – Trăng lặn về phía này ư anh?

MẮN – Vâng, trăng lặn phía đó!

C.T.N.S.Q. – Ông bác anh có vẻ thích làng xóm lắm nhỉ?

MẶN – Thích lắm. Chả chúng tôi mới nhận được thư của gia đình ngoài ấy. Nhiều khi chán nản quá, tôi phải tìm đến nói chuyện với bác. Người có một niềm tin bất biến như vậy, và niềm tin đó rất dễ truyền cảm. Mỗi lần nói chuyện với người, tôi cũng được ấm lòng tới nửa tháng sau. Không hiểu sao.

C.T.N.S.Q. – Cụ nói đừng, đừng nên hỏi tại sao, cụ tin với cả con người cụ, con người còn giữ đức tin hồn nhiên giao hòa với thiên nhiên. Thế hệ của tôi xấu số nhất khi biết mở mắt trông ngắm thì giang sơn đã nghiêng ngửa, tan nát vì bom đạn, thiên nhiên cháy sém trong hận thù. Xông pha nơi tiền tuyến, tôi không sợ chết nhưng chỉ mong cho cái chết của mình có ý nghĩa, mà điều này thì tôi chẳng bao giờ được thỏa mãn, anh tính hậu phương của mình sa đọa trong tiền bạc, ươn hèn trong tham vọng, trong vị kỷ như vậy...

MẶN – Anh có thấy bác tôi khi đề cập đến họ, người cũng nguyên rủa, nhưng rồi người lại có giọng điệu tha thứ ngay, hình như ông bác tôi có khả năng cùng một lúc nhìn được cả hai chiều của sự vật.

C.T.N.S.Q. – Đó là điều chúng ta phải học của cụ (lắc đầu) mà biết có học được không. Bọn mình như cái cây bị nhổ bật rễ khỏi xóm làng, và chúng mình bị phân hóa thật dễ dàng (suy nghĩ giây lâu). Trong một xã hội đương bị phân hóa đến tàn nhẫn như thế này, mọi danh từ sáng tạo dù cao quý đến mấy cũng chỉ dùng được một lần, y như trình tiết của đàn bà! Trước đây tôi vẫn tự cho là mình sáng suốt nhưng bất lực, tới hôm nay được nói chuyện với ông bác anh, tôi chợt nhận chân rằng: Sáng suốt mà bất lực thì quả đó là thứ sáng suốt què quặt!

MẶN (chợt vỗ túi áo trên rút ra tờ thư) - Ấy lúc này

tôi còn dấu bác tôi lá thư này, tuy rằng nếu người biết người cũng đành chữ đại xá đi cho (đưa bức cho viên sĩ quan). Đây là bức thư của thằng em rể tôi, nhân dịp đầu xuân năm nay cậu ta tới thăm chùa làng rồi viết vào nhắc chuyện cũ với tôi.

C.T.N.S.Q. (nhìn qua bức thư) - Ủa thư viết bằng văn vần.

MẮN – Vàng, lục bát. (Hạ giọng) Chúng tôi xưa chả rất bê bối về vấn đề tình ái.

C.T.N.S.Q. (bắt đầu đọc thành tiếng bài thơ thuật sự)

THĂM CHÙA LÀNG

(Thân tặng anh Mẫn)

*Mở trang lịch mới năm nay
Xuân về nhớ lại những ngày xuân xưa
Quên sao Tết ấy thăm chùa
Ai xui gặp gỡ thần thờ lòng ai
Nâu sồng tươi nét trên vai
Lặng thăm đôi mắt, then cài tuổi xuân
Đậm đà câu chuyện giai nhân
Vi ai vương vấn bụi trần vấn vương
Phật đài sức nực mùi hương
Nâu sồng còn vương tơ vương ngại ngần...*

C.T.N.S.Q. (phá lên cười) – Thì ra mùa xuân năm xưa có anh bê bối với một ni cô.

MẮN (cũng cười theo) – Chùa làng!

C.T.N.S.Q. (tiếp tục đọc) –

*Ra về lòng những tần ngần
Thương người lẻ bóng tuổi xuân bẽ bàng
Anh tôi lưu luyến chùa làng
Bưởi tơ hoa trắng thêm càng yêu hoa
Mẫn ơi có nhớ cô Nho...*

MÃN - Ấy, Nho là tên cô em họ tôi, vợ hần. Cô em tôi biết chuyện kỳ kèo tụi tôi quá xá.

C.T.N.S.Q. (ngiêng mắt nhìn Mẫn cười hóm hỉnh rồi tiếp tục đọc).

*Mẫn ơi có nhớ cô Nho
 Nhẹ nhàng gợi ý dẫn đo lựa lời
 “Rằng hồng nhan từ ngàn đời
 Âm thanh cảnh Phật là nơi nương nhờ
 Câu kinh mong trọn đường tu
 Cho sầu lắng đọng, cho thư thái lòng
 Nỡ nào khuấy đục khơi trong
 Đón xuân xin chớ để lòng vương tơ”
 Thế rồi xuân ấy trôi qua
 Trần duyên còn vương, lòng tu được nào
 Đêm đêm bên đĩa dầu hao
 Nam mô cứu khổ lòng xao xuyến lòng
 Trải bao ngày đợi tháng trông
 Bưởi tơ cũng đã mấy vòng trở hoa
 Giữa mùa xanh cốm quê ta
 Giữa mùa hồng chín ni cô lên đường
 Dời tam quan, nhẹ bước ngang
 Chẳng còn lẻ bóng bẽ bàng như xưa
 Nâu sông đã đổi áo hoa
 Tung tăng em bé bài thơ cuộc đời*

MÃN (cười lớn để chấm dứt cho bài thơ) – Thằng cha nhắc lại kỷ niệm này làm tôi ngậm ngùi đáo để, thế là nàng đã có con rồi đấy anh ạ. (Chợt chăm chú nhìn viên sĩ quan) Anh bị động viên vào Thủ Đức khóa mấy?

C.T.N.S.Q. – Tôi xuất thân ở trường Đà Lạt.

MÃN – Trước khi tự ý gia nhập quân đội anh làm gì?

C.T.N.S.Q. – Tôi học trường Văn khoa trên đó.

Cả hai cùng nhìn ra phía xa, một trái hỏa châu vọt lên, rục rỏ như một ngôi sao tự thiêu. Ngôi sao tự thiêu đó hạ thấp dần để lại chỗ cũ một vùng khói đượm màu huyền ảo, đồng thời có tiếng súng trọng liên vọng lại.

MẶN – Lại một vụ tấn công phi trường nữa chắc.

C.T.N.S.Q. – Giờ này chúng chưa thể tấn công phi trường được, đây là đồn nào đó của mình thấy khả nghi thì bắn ra.

MẶN – Đương học Văn khoa anh nghĩ thế nào lại gia nhập quân đội?

C.T.N.S.Q. – Ngồi nghe giảng ở Văn khoa cũng như ngồi xem phan phiu những xác ướp, mà đêm đêm nghe tiếng súng từ xa vọng lại, tôi có cảm tưởng như mình nằm ngủ trên gai... và tôi đã chấp nhận thà rồi đây chết vô lý còn hơn sống hèn. Tưởng cần nói thêm với anh: cha tôi là một trong số lãnh tụ đảng Quốc gia bị bên kia ám hại từ trước hiệp định Genève.

MẶN (gật gù) – Vâng, tôi hiểu... tôi hiểu...

Lại một trái hỏa châu vọt lên khoảng cũ, tiếng đại liên vọng lại, lần này có thêm cả tiếng súng lớn “ùng oàng”... Cũng như lần trước, khói ánh sáng ấy hạ dần xuống rồi tắt ngấm, tiếng súng tạm ngừng, cả hai cùng vô tình đưa mắt xuống đường phố phía có đặt mấy chiếc ống xi-măng cỡ lớn để dẫn nước sông Đồng Nai sau này.

Một đôi trai gái bình dân xuất hiện dưới ánh đèn vĩa hè ngay bên dưới. Người con gái mới lớn, nước da bánh mật khỏe mạnh, cơ thể nảy nở và rắn chắc dưới lần áo mỏng mặc bó lấy thân hình; người con trai đầu chải vuốt cánh phượng về phía sau, dáng đi khuynh khuynh kiêu cách, anh chàng nghiêng đầu lắng lơ nói thảm những gì bên tai người yêu nhưng cô nàng lắc đầu quầy quậy phản đối, một lần anh chàng định phóng tay về phía trước ngực,

cô gái vội đập tay đến “đét” một cái. Mẫn và viên sĩ quan đưa mắt nhìn nhau mỉm cười. Đôi trai gái đã sang bên kia đường, cùng đảo mắt nhìn quanh rồi cùng chui tọt vào chiếc ống cống lớn dẫn nước sông Đồng Nai sau này.

MẮN (mỉm cười) – Đó là một chị hai với một anh xếp ty-pô, cả hai cũng là hàng xóm nên tôi biết họ vẫn hẹn hò với nhau như vậy.

C.T.N.S.Q. – Họ có lý! Và hình như tất cả mọi người trong thời đại chúng ta đều đi tìm cái lý của họ, chỉ còn cái lý đó là có lý hơn cả ở cái thời mạt kiếp này!

Cả hai cùng bật cười. Họ cúi chào nhau lần nữa. Mẫn đi xuống. Viên sĩ quan vào phòng, đóng cửa lại, cởi áo ngoài, tắt đèn lớn, để đèn đêm rồi lên giường nằm. Mẫn cũng đã xuống tới phòng dưới nằm xuống chiếc giường nhỏ đối diện với giường của vợ và con.

Ánh sáng dịu dần... dịu dần... chỉ còn mờ mờ... Trăng thượng tuần từ từ chìm xuống chân trời. Những vì sao lấp lánh... Thỉnh thoảng vẫn có những trái hỏa châu bắn sáng rồi tàn lụi dần và những tiếng súng xa vọng lại.

Viên sĩ quan lúc đã ngủ say, gương mặt nhìn thật gần đượm vẻ ưu tư. Khuôn mặt chàng bỗng nhăn nhúm rồi trở thành trắng bệch, chìm dần vào thế giới mộng. Chàng thoát thấy lại đôi trai gái bình dân dẫn nhau chui vào ống cống lớn, trong đó họ quấn lấy nhau trong đam mê như thể hai con mãng xà thời tiền cổ. Một trái hỏa châu soi sáng và nhuộm hồng khuôn mặt, chàng sĩ quan chợt thấy mình đứng trong một căn nhà hoang vu đất ẩm và ngổn ngang những đồng cứt chuột. Chàng cúi xuống nhặt chiếc áo lót rơi dưới đất, thấy chiếc áo thùng lỗ chỗ khắp nơi vì những vết cắn. Chàng khơi một khe hở gần đấy, đất rụng xuống là tả để lộ cả một cửa hầm lớn. Chàng rùng mình nhận thấy dưới hầm là một hang chuột lúc nhúc những

con chuột lớn, dễ bằng những con lợn con. Có những con hung hăng muốn xông tới cắn, chàng phải tung roi da quất tới tấp khiến chúng buộc lòng phải rút lui vào phía sâu trong hang. Một con bò lớn, đầu còn nguyên, hai mắt mở lớn, nhưng mình và đuôi sau đã bị đục khoét, chỉ còn trơ xương với ít da thịt sót lại đọng máu đỏ lôm. Trước con bò đương bị đục khoét đó là một bộ xương đứa trẻ mới đùn đã gắn lấp hết hình hài. Trước bộ xương một đứa trẻ là một con cừu lông trắng bần xù lên đứng ủ rũ đợi đến lượt mình làm thức ăn cho lũ chuột hung tợn. Chàng sĩ quan toát mồ hôi lạnh bưng tỉnh, đôi mắt mở lớn còn ngơ ngác trong ánh hồng rực rỡ của một trái hỏa châu mới được phóng lên.

Gương mặt của Mẫn cũng đương ngợp trong một giấc mơ. Mẫn mơ thấy mình trở lại đời sống độc thân mười mấy năm trước ở làng quê miền Bắc. Làn sóng đỏ sắp tràn tới thì phải. Dân làng tổ chức ngày kỵ Đức Bà ở miếu Cả, rồi biến đêm không ngủ thành một cuộc biểu tình vĩ đại. Mẫn không dự đêm không ngủ với dân làng mà trở về, tuy biết rằng ở nhà khi đó không có ai, mẹ chàng còn đi tản tảo nơi xa. Nhưng kia cửa ngõ đã mở, mẹ chàng đã về, bên trong cầu tiêu mùi hôi nồng nặc vẫn treo những bộ quần áo quý (khi nào vắng nhà mẹ cũng cất quần áo như vậy để khỏi mất trộm). Mẫn mang những bộ đồ đó qua sân, chiếc sân trước đây trồng hoa mẫu đơn, tử vi, thược dược, đào và mai nữa, nhưng nay những cây hoa đó không còn, sân lát gạch phẳng lì một cách vô duyên. Cất những bộ đồ quý lên nhà xong, Mẫn mới nói với mẹ: “Mẹ đưa tiền cho con đi đóng họ cho cô Uyên đầu làng” (Uyên là cô gái chàng yêu). Chàng đạp chiếc xe *Vélo Solex*, xe đi rất chậm và rất nặng vì máy không nổ. Tới đầu làng, chàng dựng xe vào một bậc gạch. Một tên say rượu nhô đầu ra la hét, lũ trẻ quanh đấy sợ hãi dạt ra xa. Gần nhà người say rượu là chiếc lô-cốt, nhưng bên trong không giam người mà thấp

thoáng một con chó hung hăng như hổ. Mẫn phải đi vòng sau căn nhà giam đó để tới nhà Uyên. Cô gái đưa chàng lên gác, cầu thang lớn, căn gác rộng gió thổi lộng vì bốn bề chỉ có cột chống mà không có tường. Chiếc giường của nàng kê chính giữa như một chiếc huyệt nổi và cả căn gác bỗng biến thành nhà mồ, nhưng Mẫn không thấy ghê rợn, trái lại thấy thèm khát ái tình vì gió càng trở nên lộng và lạnh. Hai người tới ngồi trên giường, Mẫn quệt má Uyên nói: “Em ngủ một mình ở đây lạnh lắm nhỉ?” Nàng cười ưng chịu. Thế là bước đầu khó khăn đã qua. Nàng hỏi: “Anh lạnh lắm sao?” và trao cho chàng lọ dầu. Cái nắp bỗng bị gió thổi bay xuống bậc thang. Chàng vội lần xuống bậc thang nhặt chiếc nắp, khi trở lại ôm nàng liền và kéo nàng nằm xuống giường, vì kéo quá mạnh một cánh tay nàng bị mắc kẹt khoảng dưới lưng nhưng chàng vẫn cúi xuống hôn nàng mặc cho cánh tay bì đè dưới hai lần sức nặng...

Sức tỉnh dậy Mẫn vùng ra ban-công. Thấy có tiếng động phía trên Mẫn ngừng đầu lên hỏi: “Anh còn thức sao?” Viên sĩ quan nhô đầu nhìn xuống đáp: “Tôi vừa thức giấc thôi!” Cả hai cùng nhìn về phía trước vì một trái hỏa châu vừa bắn lên rục rã cả vòm trời khuya, tiếng trọng liên hòa với tiếng “ùng oàng” của trọng pháo, một phi cơ phản lực xẹt qua nền trời thủ đô.

Khuôn mặt hiền từ của người bác xuất hiện với tiếng thở điều hòa, khuôn mặt cổ kính và thanh nhàn. Ông mơ thấy mình đang đánh răng cùng với một người đàn bà, ông không chú ý xem người đó có đẹp hay không, điều đó quá với tuổi ông. Ông chỉ coi người đàn bà như người bạn đồng hành. Ông và người đó đánh răng rất kỹ bằng một thứ muối tán nhỏ mằn mặn và có tính cách sát trùng. Trong giấc mơ, ông cho điều kiện căn bản của nếp sống tập thể là miệng mọi người phải sạch và thơm như vậy nhiên hậu mới tính chuyện bàn bạc việc này việc khác.

Rồi ông ra khỏi cửa bỏ quên người đàn bà ở nơi phòng đánh răng. Ông đi vào một cánh đồng rộng mà không nhận ra ngay là cánh đồng làng, vì lũy tre dài và rộng thế kia đúng là lũy tre nơi chôn nhau cắt rốn của ông, cái đình uy nghi nhường kia nhìn ra cánh đồng mở rộng có con quy thể kia đúng là đình làng ông rồi còn gì. Thế là ông say mê ngắm lại hướng đình làng với khoảng nước ngọc-giai-thủy lên lóng lánh màu bạc quý giá. Hình như trời mưa và thêm nước ngọc đó dâng lên... dâng lên dần... dưới một thứ ánh sáng dịu dịu, nửa như ánh trăng, nửa như ánh mặt trời chiều. Tiếng chuông nhà thờ gần đấy vang lên, đó là chuông lễ nhất khoảng bốn giờ rưỡi sáng. Tiếng chuông lẫn vào trong giấc mơ của người bác trở thành muôn vàn êm ả, tiếng chuông như được vo tròn thành từng khối bông nhẹ nhuộm vàng màu nắng quái rồi cuốn theo gió chiều lẩn nhẹ trên những ngọn lúa xanh màu con gái của cánh đồng quê mệnh mông. Người bác thấy như mình đương được nghe vang vọng ngân nga tiếng chuông chùa làng. Phải, chuông đó được đúc từ đời Lý Thần Tông, tục truyền nhà vua là hậu thân của Ngài Từ Đạo Hạnh.

Ở TUỔI TÁM MƯỜI

*(Riêng tặng anh Doãn Quốc Sỹ
nhân dịp anh bước vào tuổi tám mươi)*

Tôi được gặp anh lần đầu tại trường Sư phạm Saigon khoảng đầu thập niên 1960 trong lễ khai giảng niên học khi chúng ta cùng được giới thiệu trong thành phần ban giảng huấn với các giáo sinh. Trước đó anh làm việc ở Hà Tiên và đã thành danh với những truyện ngắn trong tạp chí Sáng Tạo; trong đó có truyện “Chiếc chiếu hoa cạp điều” được rất nhiều người hâm mộ.

Cảm nghĩ ban đầu của tôi về anh là “Ông này có vẻ nhà giáo nhiều hơn nhà văn” – tùy phục đến cử chỉ hay lời nói không một chút kiêu mạn hay kiêu cách cố làm ra vẻ khác người thường thấy ở những vị đã nổi danh hoặc có đôi chút tiếng tăm.

Sau này dự các buổi nói chuyện về văn học của anh tại giảng đường trường Sư phạm hay tình cờ đi qua lớp anh đang dạy, trong tôi lại nảy ra ý nghĩ “Ông này có vẻ nhà văn hơn nhà giáo.” Anh không có lối diễn tả bay bướm hoặc hùng hồn hoặc tỏ ra uyên bác song có một sức cuốn hút riêng ung dung, chậm rãi, nhẹ nhàng, dí dỏm và thân mật tựa hồ đang kể chuyện, dẫn dắt người nghe đi vào chiều sâu của vấn đề. Cặp mắt lim dim sau làn kính trắng ngó đăm đăm vào khoảng không trước mặt như đang đắm chìm trong một cõi hư vô, anh say sưa như thể đang

nói cho chính mình nghe, không để ý đến ai. Với các giáo sinh thì không lúc nào thuận tiện hơn để chuẩn ra khỏi lớp – quần thảo trên sân bóng, nhâm nhi một tách cà phê hay chạy ào tới một phân khoa đại học để lấy “cours”; song nếu có thì cũng chỉ rất ít em làm như vậy.

Thường nhật anh trầm ngâm ít nói, chỉ đưa ý kiến khi có ai hỏi đến, phải chăng là để tránh những phán đoán không cần thiết. Tuy vậy anh không phải là mẫu người lạnh lùng khép kín. Anh dung hợp được những ưu điểm của cả nhà giáo lẫn nhà văn – thận trọng mà tinh tế, nghiêm túc mà khoáng đạt.

Từ ngày quen biết anh cho tới bây giờ, trên dưới 40 năm, tôi chưa từng thấy anh to tiếng hay giận dữ với ai, cũng như phê phán một người không có mặt.

Với anh, vật chất rõ ràng chỉ là phương tiện – có càng tốt mà không có cũng chẳng sao. Còn thì dùng, mất thì thôi, có tiếc cũng chẳng tìm lại được. Anh thường đến trường bằng chiếc Daihatsu, loại gia dụng, chở được nhiều người. Khi cả nhà cùng đi, anh chị ngồi ở “ca-bin”, các con (4 trai, 4 gái) chia nhau ngồi phía đằng sau. Một hôm, thấy anh đi bộ tới, tôi buột miệng: “Xe anh đâu?” – “Mất rồi.” Không tin ở tai mình, tôi hỏi lại: “Mất?” – “Vâng, mất trộm rồi ạ!”, anh đáp, giọng hững hờ cứ như thể bỏ quên đâu đó một đồ vật không đáng giá. Ít ngày sau, anh đi lại bằng một chiếc vespa kiểu cũ. Chiếc xe này, nực cười thay, cũng bị lấy đi mà không mất. Lúc ra lấy xe, không thấy xe đâu, anh lững thững ra đường kiếm taxi thì thấy xe mình nằm chình ình ở một ngã tư gần đó – chìa khoá “contact” còn cắm trong ổ khoá! Thì ra “người” đã quên không đổ xăng thêm sau khi đã vặn nút xăng qua phần “réserve”. Nếu lấy đăng trí làm tiêu chuẩn xếp hạng giáo sư ở trường Sư Phạm thì chúc quán quân dứt khoát phải về anh. Nhà tôi, anh có lạ gì, thỉnh thoảng cũng tạt vô mỗi lần anh đến thăm anh Phạm Xuân Ninh (tức Hà Thượng Nhân) cùng

ngõ và cách đó không xa. Vậy mà đã có lần anh loanh quanh suốt một buổi sáng mà không tìm thấy! Khi biết chuyện, các con anh bảo: “Chắc không ai biết biệt danh của bố cháu là “lãng đãng thiên sư” ?!”

Con đường văn chương anh theo đuổi đem lại cho anh không chỉ có vinh quang. Anh đã trả giá bằng một lần cải tạo tập trung và một án tù 8-9 năm gì đó. Dẫn thân vào đây là dẫn thân vào con đường đau khổ - tựa như ngồi trên một con thuyền thả trôi theo “Dòng sông định mệnh”, trước sau gì cũng phải đối mặt với giông gió thác ghềnh. Anh bình thân đón nhận những bão tố của cuộc đời mình, không run sợ hay khiếp nhược. Trong tù, anh vẫn giữ được vẻ anh nhiên tự tại, không để mất thói quen thiền định hằng ngày; nhờ vậy mà không suy sụp về thể chất, tinh thần sau khi đã bị giam giữ lâu ngày. Quả thực không còn phương pháp nào hiệu quả hơn để có thêm định lực “gìn vàng giữ ngọc” cho nhân phẩm của mình.

Trái với nhiều người sau này tôi gặp thường cao giọng khoe thời gian họ phải ngồi tù, anh không thèm đả động tới những ngày đen tối anh đã phải trải qua – coi như anh đã mặc nhiên chấp nhận đó là hệ quả của những điều anh đã viết.

Mùa Xuân năm 1995, anh cùng chị ra đi định cư ở nước ngoài. Anh Nguyễn Hải Phương đã viết thật chí lý những câu sau lúc anh em chúng ta sắp chia tay:

*... Đường đời thì bể thì dâu,
Nghiệp văn chương lắm cơ cầu văn chương.
Lọt lòng như đã tha hương,
Thì đi thêm một bước đường có sao ...*

Có điều anh đã bộc lộ ít nhiều lỗ hổng trong trí nhớ. Tôi thấy rõ điểm này khi trò chuyện cùng anh. Song có gì là lạ khi mà đã 78, 79 mùa xuân trôi qua trong đời. Và lại liệu có ích gì khi còn giữ mãi trong đầu những điều

cay nghiệt, những nỗi muộn phiền, những niềm đau khổ. Phải xả hết đi để chỉ nhớ lấy những điều tốt đẹp. Như vậy thì quên chính là một thứ hương thơm bất được của trời. Mà quên đi được cũng có nghĩa là đã hoàn toàn tha thứ (forgive and forget) – cho tới lúc nào đó quên được luôn cả bản thân mình là đạt được tới chỗ “vong ngã” thì anh thành Phật.

Mùa Xuân này – Xuân Nhâm Ngọ, anh vừa chẵn 80. Nếu anh còn ở Việt Nam, gia đình Sư phạm thế nào cũng có mặt tại nhà anh hôm mừng Hai Tết – ngày sinh nhật của anh. Lại được nghe và xem các thành viên “nhí” của “Hội Ca Cầm” – các cháu nội, cháu ngoại của anh chị -); bé Ti, bé Na (con Liên); những bé Bí, bé Lù (con Vinh); bé Nô, bé Oui (con Hưng) và bé Ni, bé Gân (con Dũng-Thùy) hát múa dưới sự điều khiển thật duyên dáng, thật dễ thương của út Hương – một nét văn hoá đặc trưng, độc đáo và rất nhiều ấn tượng của Doãn gia.

Nhìn những số báo Xuân bày bán khắp nơi trong thành phố, tôi không khỏi ngậm ngùi nhớ tới những tháng năm đẹp nhất của đời dạy học của mình tại mái trường Sư phạm – nơi mà mọi người khắng khít với nhau như ruột thịt, toàn tâm toàn ý lo cho giáo dục ngày một tốt hơn. Quên sao được những số Xuân Sư phạm mà tôi có vinh dự tiếp tay anh hướng dẫn các giáo sinh thực hiện vào dịp Tết mỗi năm kể từ khoá III (1964-1966) trở đi. Cả trường hân hoan đón nhận những đứa con tinh thần còn thơm mùi giấy mới, tươi rói mực in, được trình bày trang trọng với một nội dung vừa lành mạnh vừa phong phú xoay quanh các chủ đề văn học nghệ thuật, giáo dục và sư phạm, quy tụ những cây bút có nhiều triển vọng trong giới giáo sinh. Sau này một số em đã theo hần con đường của anh đi và cũng thành danh. Báo chí là khối duy nhất của trường Sư phạm làm được ra tiền, vừa để lại một phần làm quỹ cho báo chí năm sau, vừa tổ chức liên hoan cho

cả các khối khác (học tập, văn nghệ, thể thao du lịch ...) cùng tham dự và có năm còn tặng thêm giải phụ cho các cuộc tranh tài thể thao của nhà trường.

Ở tuổi 80, người ta có quyền sống thanh thản với lòng mình – không còn phải bận tâm biện biệt đúng sai, thiện ác, hay dở, tốt xấu của tha nhân nữa. Tha hồ thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên, gần gũi đất trời hơn và càng yêu thương con người hơn.

Kém anh những 10 tuổi, tôi còn trẻ chán. Vẫn chưa đủ công phu hàm dưỡng để tới chỗ vô ngôn nên tôi còn rất dài lời – những điều viết ra đây không tránh khỏi có chỗ chủ quan, võ đoán và phiến diện. Song có một điều, tôi chắc chắn không lầm. Đó là, với nhiều cựu giáo sư và giáo sinh trường Sư phạm, anh là một mối tự hào. Mãi mãi, với riêng tôi, trong bất cứ cảnh ngộ nào, anh là một người anh lớn mà tôi kính trọng và yêu quý.

Mong anh chị giữ vững sức khoẻ như ngày chúng ta tái ngộ trên đất Mỹ. Ta còn nhớ tới nhau, luôn nghĩ tốt về nhau và với tất cả sự chân thành thì ta sẽ có đủ túc duyên để còn gặp lại. Tôi tin thế.

Saigon, tháng Ba, 2002
NGUYỄN DUY LINH

TÁC GIẢ . DOÃN QUỐC SỸ

Tên thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày Mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt Cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng: “Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp.” Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn Khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là “Thất Tinh”. Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển *Đi được ký* với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

TÁC PHẨM . DOÃN QUỐC SỸ

- SỢ LỬA (Truyện cổ tích, 1956)
U HOÀI (Truyện ngắn, 1957)
GÁNH XIẾC (Truyện ngắn, 1958)
GÌN VÀNG GIỮ NGỌC (Truyện ngắn, 1959)
DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (Truyện dài, 1959)
KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT (1959)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRỨ (1959)
KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH (1959)
KHẢO LUẬN VỀ TÂN ĐÀ (1960)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN (1960)
KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG (1960)
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN (Khảo luận, 1960)
HỒ THỦY DƯƠNG (Truyện cổ tích, 1960)
BA SINH HƯƠNG LỬA (Khu Rừng Lau I, 1962)
NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VÍ TUYẾN (Khu Rừng Lau II, 1964)
TÌNH YÊU THÁNH HÓA (Khu Rừng Lau III, 1965)
NHỮNG NGẢ SÔNG (Khu Rừng Lau IV, 1966)
TRÁI CÂY ĐAU KHỔ (Kịch, 1963)
KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM (1964)
NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU (Khảo luận, 1965)
CÁNH TAY NỔI DÀI (Truyện ngắn, 1966)
ĐỐT BIẾN GIỚI (Truyện dài, 1966)
CA DAO NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
THẦN THOẠI ẨN ĐỘ (Biên khảo, 1969)
NGŨ NGÔN (Biên khảo, 1969)
VÀO THIÊN (Tùy bút, 1970)
SẦU MÂY (Truyện dài, 1970)
CON CÁ MẮC CẠN (Truyện ngắn, 1971)
TRÁI ĐẮNG TRƯỜNG SINH (Truyện ngắn, 1971)
CÚI ĐẦU (Tân truyện, 1972)
THẦN THOẠI NHẬT BẢN, CHÂU ĐẠI DƯƠNG, HY LẠP, BẮC ÂU
(Biên khảo, 1972)
THẦN THOẠI VIỆT NAM-TRUNG HOA (Biên khảo, 1972)
VĂN HỌC VÀ TIỂU THUYẾT (Biên khảo, 1972)
CON KỶ LÂN CUỐI CÙNG (Truyện dịch, The Last Unicorn
của Peter S. Beagle, 1973)
ĐI (Truyện dài, 1982)
MÌNH LẠI SOI MÌNH (Truyện dài, 1995)
NGƯỜI VÁI TỬ PHƯƠNG (Truyện dài, 1995)
ĐẤU CHÂN CÁT XÓA (Truyện dài, 1995)
CÒ ĐÙM (Truyện dài, 1997)

In tại XpressPrint, California, Hoa Kỳ
2 0 1 8